



# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



ISSN 1145-9557 \* Số 177 - Năm thứ 17, tháng 01-2004

## 2004

### MỘT NĂM QUAN TRỌNG

Thông Luận đến với độc giả từ tháng 1-1988. Số báo đầu năm 2004 này cũng là kỷ niệm 16 năm tờ báo đều đặn đến với độc giả cùng thân hữu, và bước vào năm thứ 17. Được như thế là nhờ sự ủng hộ nhiệt tình của độc giả và thân hữu mà một lần nữa chúng tôi xin chân thành cảm tạ.

Bước vào năm 2004, xin chúc độc giả cùng thân hữu Thông Luận sức khỏe, hạnh phúc, thành công trong mọi dự án cho cá nhân, gia đình, nghề nghiệp và đất nước.

Thông Luận, khác với đại đa số các tờ báo khác, là cơ quan ngôn luận của một tổ chức chính trị, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Tuy nhiên, như quý độc giả có dịp nhận xét, không phải vì thế mà tờ báo thiếu sự khách quan và tính trung thực. Trái lại, chính vì gắn liền với uy tín của một tổ chức muốn tranh thủ lòng tin của quần chúng, nội dung tờ báo càng phải đúng đắn. Chúng tôi tin rằng độc giả đã nhận ra điều đó và hy vọng sẽ được sự ủng hộ mạnh mẽ hơn của quý vị trong tương lai. Ủng hộ Thông Luận không phải chỉ thuần túy là tín nhiệm một tờ báo mà, ở một mức độ nào đó, còn là ủng hộ một dự án và một cố gắng dân chủ hóa đất nước.

Cố gắng này trong năm 2003 đã gặp những thử thách lớn. Nhiều anh em dân chủ trong nước đang bị giam cầm và sách nhiễu. Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Khắc Toàn và Trần Dũng Tiến đã bị xử những bản án vô lý và ác độc. Phạm Quế Dương, Trần Khuê, Nguyễn Đan Quế còn đang bị giam giữ không xét xử. Ngày cuối cùng của năm 2003 cũng là ngày của phiên tòa tùy tiện đối với Nguyễn Vũ Bình. Các anh em đó và gia đình họ phải được dành một tình cảm đặc biệt nồng hậu trong lúc chúng ta bắt đầu một

năm mới.

Năm 2003 cũng là năm mà Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bị đàn áp một cách hung bạo. Sự hung bạo còn trắng trợn hơn đối với linh mục Nguyễn Văn Lý; ông bị ép buộc viết một bản tự thú để tiện để đổi lấy an ninh cho thân nhân, điều mà ông đã dự trù và cảnh giác từ trước. Ba người cháu của ông cũng bị xử những án tù vô lý.

Nhưng năm 2003 cũng là một bước tiến lớn đến dân chủ. Chính quyền cộng sản đã bị lên án nặng nề trước dư luận thế giới và đã bối rối rõ rệt. Họ đã hành động vụng dại đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đã phơi bày bản chất hung bạo trong vụ Nguyễn Văn Lý, đã phải xuống thang trong sự tàn nhẫn đối với Phạm Hồng Sơn và Trần Dũng Tiến. Trong khi đó, cuộc vận động dân chủ của Việt Nam ngày càng lôi kéo được sự ủng hộ nhiệt tình của dư luận thế giới, các chính phủ dân chủ và các tổ chức nhân quyền. Quan trọng hơn nữa là cuộc vận động dân chủ đã tranh thủ được sự đồng tình của đồng bào trong nước, kể cả một số đông đảo đảng viên cộng sản, có khi ở những cấp rất cao. Những yếu tố thuận lợi này sẽ là bàn đạp cho cố gắng vận động dân chủ trong năm 2004.

Năm 2004, chính vì thế, sẽ là một năm rất quan trọng, năm phấn đấu để giải thoát các anh em dân chủ đang mắc nạn và đồng thời đưa cuộc vận động dân chủ lên một cường độ và một mức độ mới. Đó cũng là năm để tăng cường lực lượng dân chủ về cả số lượng lẫn tổ chức.

Thông Luận sẽ là công cụ của những người dân chủ, của độc giả và thân hữu trong giai đoạn đấu tranh quyết định này.

Thay mặt ban biên tập,  
**Nguyễn Văn Huy**, chủ nhiệm

## **Nguyễn Vũ Bình, anh hùng của đất nước hôm nay**

"Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần dựng nước,  
cùng với Hán, Đường, Tống, Nguyên  
độc lập một phương,  
nước ta tuy có lúc thịnh lúc suy  
nhưng hào kiệt đời nào cũng có"  
(*Nguyễn Trãi*, Bình Ngô Đại Cáo)



**Nguyễn Vũ Bình**

Ngày 31-12-2003 Nguyễn Vũ Bình đã bị xử 7 năm tù và 3 năm quản chế. Bình đã lập tức tuyên bố chống án.

Tội danh "gián điệp" thật lỗ mãng, ngay cả xét theo chính nội dung của bản cáo trạng bởi vì các "chứng cứ" nêu ra để buộc tội Bình chỉ là đã gửi một bản điều trần công khai tới một phiên họp của Ủy ban nhân

quyền của Quốc hội Mỹ, gia nhập Hội Chống Tham Nhũng, quan hệ với một số người đối lập và viết một số bài tham luận, nghĩa là tất cả những điều mà một công dân được quyền làm và lẽ ra phải được luật pháp bảo vệ để làm. Đảng Cộng Sản Việt Nam, mà người sáng lập, ông Hồ Chí Minh, là một gián điệp, thừa biết thế nào là hoạt động gián điệp, một hoạt động hoàn toàn khác với những gì mà Bình đã làm. Phiên tòa này chỉ quẹt thêm một vết bẩn trên bộ mặt vốn đã nhơ nhớp của chế độ cộng sản Việt Nam. Nó cũng có tác dụng khẳng định Nguyễn Vũ Bình như là một biểu tượng và một niềm hãnh diện của tuổi trẻ Việt Nam.

Sinh năm 1968, tốt nghiệp kinh tế Đại Học Tổng Hợp Hà Nội năm 1990, Nguyễn Vũ Bình làm biên tập viên *Tạp Chí Cộng Sản*, cơ quan tuyên huấn của Đảng Cộng Sản Việt Nam, từ năm 1992 đến hết năm 2000, rồi từ chức và nộp đơn xin thành lập đảng Tự Do Dân Chủ. Đây đúng là một hành động thách thức, nhưng là một thách thức của lương tri và sự dũng cảm đối với một chế độ đặt nền tảng trên bạo lực và sự gian trá. Thay vì tức giận với Nguyễn Vũ Bình, Đảng Cộng Sản Việt Nam đáng lẽ phải tự hỏi tại sao một thanh niên ưu tú sinh ra và lớn lên trong lòng chế độ thuộc thành phần bản cổ nông, được ưu ái tuyển chọn vào cơ quan lý luận cao nhất của đảng lại lấy quyết định ly khai với hậu quả hiểm nghèo như vậy? Nhưng họ đã chỉ biết thù ghét Bình, với cái thù ghét nhỏ mọn của kẻ tội tệt bị lột mặt nạ.

Từ đó, mặc dầu bị trù dập và hăm dọa, Bình đã dũng cảm tiếp tục dẫn thân tranh đấu dân chủ hóa đất nước. Tháng 9-2001 anh tham gia thành lập Hội Chống Tham Nhũng và bị bắt giữ hai ngày. Tháng 8-2002, dù còn bị sách nhiễu hằng ngày, Bình tham gia thành lập Nhóm Dân Chủ. Ngày 25-9-2002, Bình bị bắt giam và bị kết tội gián

điệp. Nhưng gián điệp cho nước nào khi Bình chỉ quan hệ với người Việt Nam và chỉ phát biểu một cách công khai quan điểm của mình?

Sự dũng cảm của Nguyễn Vũ Bình cần được đặc biệt nhấn mạnh. Anh rất nghèo, sống nhờ đồng lương ký giả, vợ cũng chỉ là một kế toán viên với đồng lương ít ỏi, lại có hai con thơ, đứa nhỏ nhất chưa đầy hai tuổi. Bình ý thức rõ rệt những khó khăn của mình, anh cũng thừa hiểu và được chính quyền thường xuyên nhắc nhở rằng anh có thể có một tương lai rất tiện nghi nếu tiếp tục ngoan ngoãn phục tùng đảng như nhiều người khác. Nhưng Bình đã từ chối tìm kiếm một giải pháp cho cá nhân mình để dẫn thân tìm một giải pháp cho cả dân tộc và thế hệ mình, dù biết trước cái giá phải trả sẽ rất cao.

Dân tộc Việt Nam, trước hết là tuổi trẻ Việt Nam, phải hãnh diện có được một biểu tượng như Nguyễn Vũ Bình, một biểu tượng của sự lương thiện trí thức, của sự dũng cảm và của lòng yêu nước. Nguyễn Vũ Bình đồng thời cũng là một biểu tượng của trí tuệ, những bài viết của Bình là những bài đặc sắc nhất trong thập niên qua với dữ kiện chính xác, lý luận sắc bén, tầm nhìn thông suốt, bố cục mạch lạc và cách hành văn thật trong sáng. Nguyễn Vũ Bình là một sản phẩm đáng ngạc nhiên của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, một ngoại lệ xác nhận điều mà Nguyễn Trãi viết cách đây gần 600 năm: nước Việt ta có lúc thịnh lúc suy nhưng hào kiệt đời nào cũng có.

Đảng cộng sản sợ Bình. Họ đã đối xử đặc biệt độc ác với Bình. Từ ngày bị bắt, Bình bị biệt giam và không hề được tiếp xúc với gia đình dù chỉ bằng thư từ. Họ biết Bình thương xót cho Kim Ngân yếu đuối, cô đơn với hai con thơ và họ muốn sử dụng sự thương xót này như một áp lực để khuất phục Bình.

Nhưng thái độ hiên ngang của Bình trong lúc bị giam giữ cũng như trước tòa án chứng tỏ rằng sự độc ác đã không bẻ gãy được Nguyễn Vũ Bình mà chỉ có tác dụng tôn vinh Bình, đưa Bình vào lịch sử và khẳng định Bình như một người lãnh đạo đáng tin cậy của nước Việt Nam dân chủ sắp tới. Bên cạnh Bình, những biểu tượng anh hùng mà Đảng Cộng Sản Việt Nam đề cao như gương sáng chỉ còn là những khuôn mặt mờ nhạt, và nếu quả thực trong số những người được coi là anh hùng đó có những người đáng tôn vinh thì kỷ ức của họ cũng bị xúc phạm nặng nề về vụ án này.

**Thông Luận**

# TUỔI TRẺ VÀ NHỮNG ANH HÙNG HÔM NAY

Bằng một giọng điềm tĩnh, anh Nguyễn Vũ Bình đã nói lời sau cùng trong phiên xử : "*Những người có lương tâm chắc chắn sẽ nghĩ là tôi không có tội, nhưng bây giờ người có lương tâm rất hiếm. Vì vậy bản án 7 năm tù cũng không gây một bất ngờ nào với tôi cả*".

Anh đã khẳng khái xác nhận rằng những điều ghi trong bản cáo trạng cho "tội danh gián điệp" là không sai : gửi bản điều trần cho quốc hội Mỹ "vu cáo" sự vi phạm nhân quyền của chính quyền Việt Nam, làm đơn xin thành lập đảng Tự Do Dân Chủ, thành lập và tham gia Hội chống tham nhũng, liên hệ với những đối tượng "phản động" trong và ngoài nước, viết nhiều bài có nội dung "phản động", theo chỉ thị của Nguyễn Gia Kiểng thành lập tổ chức "phản động" trong nước ; tuy nhiên đó là tất cả những gì mà mọi công dân đều có quyền được làm và anh hoàn toàn không có tội ; việc bắt giam và xét xử anh mới là vi phạm pháp luật.

Việc kết án anh Nguyễn Vũ Bình trong một buổi xử chưa đầy 3 tiếng đồng hồ vào ngày 31 tháng 12 năm 2003 của cái gọi là tòa án nhân dân Hà Nội đã lại bệt thêm một vết đen lên tập hồ sơ của những thành tích bất hảo vốn đã rất dày của họ. Những phiên tòa chính trị dưới chế độ cộng sản vẫn luôn không xa rời tính truyền thống trơ trẽn : kín, chớp nhoáng, và ma giáo. Chỉ có một mình vợ anh Nguyễn Vũ Bình là chị Bùi Thị Kim Ngân được cho vào tham dự, sau hơn 15 tháng không hề được gặp mặt. Cả cha, mẹ và hai bé gái nhỏ của anh chị đã phải đành đứng lóng ngóng sau hàng rào của tòa án, chỉ thoáng thấy bóng chiếc xe công an bít bùng mang người con, người cha của mình đến, và đi.

Hệ thống tòa án của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam không thể thực hiện xuất sắc hơn chức năng khủng bố dưới sự chỉ đạo của những kẻ khủng bố, nhóm thiểu số nắm mọi quyền hành trong đảng cộng sản Việt Nam hiện nay.

Công cụ khủng bố này đã làm việc không khác một cỗ máy vô tri, liên tiếp toa rập với nội dung của các bản cáo trạng để kết án một cách hết sức phi lý những tiếng nói nhiệt tâm, trong sáng cho dân tộc và đất nước. Hai người trí thức trẻ tiêu biểu khác đã là nạn nhân của sự hung bạo này : đó là anh Lê Chí Quang và anh Phạm Hồng Sơn.

Anh Lê Chí Quang bị kết án 4 năm tù giam và 3 năm quản chế vào ngày 8-11-2002 với bằng chứng buộc tội : 7 bài tham luận của Lê Chí Quang và 5 điện thư mà Lê Chí Quang đã gửi cho một người bạn tại Pháp là ông Nguyễn Gia Kiểng. Anh hiện đang bị giam giữ tại nhà tù Ba Sao, tỉnh Nam Hà.

Anh Phạm Hồng Sơn thì đã bị phiên tòa sơ thẩm ngày 18-6-2003 xử 13 năm tù giam và 3 năm quản chế với lời buộc tội : "*đã có hành vi thu tập cung cấp tin tức và tài liệu để nước ngoài sử dụng chống nhà nước Cộng Hòa Xã Hội*

*Chủ Nghĩa Việt Nam*". Và đối tượng bị coi nước ngoài ở đây là ông Nguyễn Gia Kiểng ! Anh Phạm Hồng Sơn đã chống án. Phiên tòa phúc thẩm ngày 26-8-2003 tuy vẫn giữ nguyên tội gián điệp đối với anh Phạm Hồng Sơn, nhưng lại giảm án xuống còn 5 năm tù !

Hình thức thẳng tay dập tắt mọi bất đồng chính kiến bằng mọi thủ đoạn là một việc làm không có gì lạ trong các chế độ cộng sản. Đó là nhu cầu của những kẻ muốn độc quyền chính trị để duy trì quyền và lợi tuyệt đối. Tuy nhiên, việc phạt tù một cách hà khắc những hành động chính đáng và dũng cảm cho đất nước của những trí thức trẻ ưu tú, những đứa con của chế độ, bộc lộ sự khốn đốn trước quyết định nhập cuộc một cách mạnh mẽ vì dân chủ của tuổi trẻ.

Họ là những thanh niên trẻ ở vào lứa tuổi 30, lứa tuổi sung mãn và chín chắn nhất cho ý chí và lý tưởng. Những ưu đãi của chế độ đã không ngăn được phản ứng của lương tâm khi các anh phải đối diện với thực trạng thua kém, tụt hậu của đất nước. Vin mãi vào lý do chiến tranh, đã kết thúc gần 30 năm qua, để khỏa lấp những thất bại trong việc điều hành quốc gia là một hành động thiếu lương thiện. Càng thiếu lương thiện hơn nữa khi những đồng tiền tài trợ nhận được từ các định chế quốc tế và các quốc gia dân chủ, nhằm cải thiện tình hình nhân quyền và cơ sở hạ tầng ở Việt Nam, cứ đua nhau rớt vào những túi tham những không đáy. Và những người có địa vị lãnh đạo đất nước vẫn cứ vô tư tươi cười trơ trẽn trong các bức hình ký kết xin tiền. Đó là sự hổ nhục cho dân tộc tự hào với bốn ngàn năm của văn hiến. Đó cũng là sự hổ nhục mà thế hệ trẻ Việt Nam không thể chấp nhận.

Trong khi tuổi trẻ ở hầu hết khắp nơi trên thế giới đang tung hoành trong môi trường dân chủ, tha hồ nắm bắt mọi cơ hội, tự do tiếp cận với mọi nguồn thông tin để xây dựng những dự án tương lai cho đời mình, tuổi trẻ Việt Nam trong nước vẫn còn bị kìm kẹp, bưng bít trong ao tù. Ba quyền căn bản của công dân phải có trong một thể chế dân chủ : tự do ngôn luận và báo chí, tự do ứng cử và bầu cử, tự do hội họp và lập hội, vẫn đang bị nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam cưỡng đoạt.

Quang, Sơn, Bình thân mến,

Các anh đã cảm nhận được sự hổ nhục nhức nhối của dân tộc và của tuổi trẻ Việt Nam. Vì lý tưởng dân chủ thật sự cho đất nước, các anh đã trả giá cho dân tộc và thế hệ chúng ta.

Các anh chính là những anh hùng của đất nước hôm nay.

*Nguyễn Văn Hiệp* (Charlotte, Hoa Kỳ)

*LTS : Nguyễn Văn Hiệp, 32 tuổi, là chủ tịch cộng đồng người Việt tại Charlotte, bang North Carolina, Hoa Kỳ.*

# ĐỂ TƯƠNG LAI VIỆT NAM LÀ CỦA VIỆT NAM !

LTS. Tác giả lá thư gửi Nguyễn Vũ Bình này là Trương Minh Dũng, một trí thức trẻ sinh sống tại Canada, được nêu đích danh trong bản cáo trạng như là người mà Bình đã có trao đổi thư từ. Tại sao trao đổi giữa hai thanh niên trong và ngoài nước lại là một tội ? Ở trong nước còn được bao nhiêu thanh niên quan tâm tới đất nước như Bình ? Ở hải ngoại còn được bao nhiêu thanh niên như Dũng ? Đặc tính chung của những chế độ độc tài là muốn cắt đứt những liên hệ trong xã hội dân sự để dễ thống trị một đám đông cô đơn. Chúng không cần người dân thương yêu chúng, chúng chỉ cần người dân đờng quí mến và tìm đến với nhau để có sức mạnh chống lại chúng.

Montreal, ngày 31 tháng 12, 2003

Anh Nguyễn Vũ Bình kính mến,

Vậy là đến phiên anh.

Sau các anh Lê Chí Quang, Nguyễn Khắc Toàn, Phạm Hồng Sơn, đến lượt của anh.

Sáng nay, thật sớm, anh đã ra trước Tòa Án Nhân Dân Hà Nội, để nghe mình bị kết tội "gián điệp", và sẽ phải trải qua 7 năm tù giam, cùng 3 năm quản thúc. Sau khi đã bị giam trong vòng 15 tháng không xét xử. Tổng cộng, hơn 11 năm của cuộc đời, 11 năm của hạnh phúc cá nhân, hạnh phúc làm chồng, làm cha bị tan biến, trở thành cái giá anh phải trả cho nguyên tắc sống trung thực với lương tâm và dẫn thân vì lẽ phải.

Sức khỏe của anh dạo này ra sao ? Tinh thần của anh ra sao ? Tôi được biết, trong phiên tòa, anh đã trả lời những người buộc tội anh bằng những lời lẽ bình tĩnh, sáng suốt, bằng thái độ cương quyết nhưng ôn hòa, và điều đó chứng minh hùng hồn nhất rằng anh vẫn là Nguyễn Vũ Bình mà tôi đã được hân hạnh cùng trao đổi những suy tư đối với quê hương, dân tộc cách đây thắm thoát đã hơn 18 tháng. Tôi vui mừng như gặp lại người bạn cũ. Tôi hãnh diện khi biết rằng tâm huyết của anh không hề bị lung lay sau những tháng ngày bị đày đọa, khùng bố chốn lao tù.

Mặc dù những kẻ giam anh đã cố tình cô lập anh, bóp nghẹt tiếng nói của anh, anh không hề cô đơn, và sẽ không bao giờ bị cô đơn. Chị Kim Ngân, người vợ can đảm và đáng kính phục của anh, đã có mặt tại phiên tòa để ủng hộ anh. Đồng bào của anh, những người Việt Nam chân chính trong nước và ngoài nước, đã không ngừng theo dõi tin tức của anh, quyết tâm cùng anh phấn đấu cho một tương lai tươi sáng của dân tộc, và sẽ mãi mãi xúc động, kính thương, hãnh diện khi nghe đến ba chữ Nguyễn Vũ Bình. Hội Phóng Viên Không Biên Giới, Hội Ân Xá Quốc Tế cũng như rất nhiều tổ chức bảo vệ nhân quyền với tầm mức quốc tế, đã không còn lạ gì với tên anh, với lý tưởng cao đẹp mà anh theo đuổi. Ưu tư của anh đối với đất nước đã trở thành cái ưu tư chung của cả thế giới. Ý tưởng cao đẹp của anh cho xã hội trong sạch và công bằng đã trở thành chuẩn mực mà thế giới sử dụng để đo lường cái nhân bản và sự tiến bộ của Việt Nam.

Khi đứng trước tòa để lắng nghe người ta kể tội mình, anh có những cảm nghĩ gì ? Riêng đối với tôi, những dữ kiện được kể ra tại phiên tòa xử anh, thật ra, là những công trạng to lớn của anh đối với đất nước. Trong tinh thần xây dựng, ôn hòa và bao giờ cũng sử dụng cách thức công khai, anh vận động cho một Việt Nam đa đảng, một xã hội liên chính, không tham nhũng, một tổ quốc nguyên vẹn và độc lập. Để tiếng nói, tiềm năng của mọi người dân có thể

đóng góp cho đất nước. Để đạo đức được khôi phục và bất công không còn nữa trong cuộc sống hằng ngày. Để tương lai Việt Nam là của Việt Nam.

Anh nhìn thấu đáo vấn đề của đất nước. Anh can đảm và tích cực hành động để cải thiện đời sống của cả dân tộc. Thì lẽ ra, anh phải được vinh danh, được tuyên dương một cách xứng đáng. Hay ít ra, anh phải được trân trọng lắng nghe, động viên hết lòng, vì rằng những tấm lòng như anh hiếm lắm, quý lắm và cần thiết vô cùng cho đất nước hiện nay. Ngày mai đây, đất nước có tươi đẹp hơn không, có tiến bộ xứng đáng với bề dày lịch sử hay không, là nhờ những Nguyễn Vũ Bình, Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Khắc Toàn của ngày hôm nay. Và tùy ở mức độ sáng suốt cũng như tinh thần trách nhiệm của những người mà, mãi cho đến giờ phút này, vẫn còn giam cầm các anh, đày đọa những đứa con ưu tú của dân tộc.

Tôi còn nhớ, ngay từ những lần đầu trao đổi với anh, tôi đã chia sẻ được với anh rất nhiều. Ở lứa tuổi ba mươi, hai chúng ta đều bận bịu với cuộc sống, với gia đình. Lúc ấy, anh và chị mới có cháu thứ nhì, chưa tròn hai tháng. Thế mà anh không ngại bỏ giấc ngủ, thức đến sáng để tương tận trình bày cùng tôi quan điểm và hoài bão của anh đối với đất nước. Anh và tôi, sinh ra và lớn lên trong những hoàn cảnh vô cùng khác biệt nhau trên hai miền Nam Bắc của quê hương, không hề gặp mặt nhau, thế mà lại gặp được nhau bằng tư tưởng. Cũng như tôi, anh không hề nuôi dưỡng hận thù, không hề có ý định xuyên tạc hay nói sai sự thật. Anh chỉ muốn góp ý, góp sức để biến đổi cái thói nát, băng hoại thành cái đẹp, cái trong sạch mà thôi. Tôi muốn anh biết, chúng ta đã gặp nhau bằng tư tưởng, bằng hành động, và chúng ta sẽ không bao giờ phải chia tay nhau. Tôi và hàng triệu đồng bào sẽ còn mãi mãi cùng đi với anh trên con đường vì tương lai đất nước, vì tương lai của con chúng ta, cháu chúng ta. Để có một ngày không xa, những trái tim Việt Nam tuổi ba mươi có thể tự do trao đổi với nhau những suy tư chân chính đối với quê hương, dân tộc, có thể cùng nhau góp tay xây dựng, lành mạnh hóa xã hội, mà không còn phải sợ tù đày hay bị buộc tội "gián điệp".

Khi tôi viết những dòng chữ cuối bức thư này, thì mặt trời đã ló dạng ở chân trời. Loài người khắp nơi đang chuẩn bị bước vào năm mới, với những ước vọng tươi vui, thành đạt trong cuộc sống. Trên quê hương yêu dấu của chúng ta, anh đang bắt đầu ngày thứ nhất của 7 năm tù, 3 năm quản chế. Tôi xin theo những dòng chữ này, về bên ấy, cùng anh đối đầu với mọi thử thách của những ngày tháng sắp tới.

Thân kính,

*Trương Minh Dũng*

Năm mới thường là dịp kiểm điểm. Đối với những người đấu tranh cho dân chủ, sự kiểm điểm này lại càng cần thiết, bởi vì phải nói là thành tích của đổi lập Việt Nam thật đáng buồn.

Chính quyền cộng sản Việt Nam được mọi quốc gia trên thế giới nhìn nhận, nó đã qua được những khủng hoảng lớn, kinh tế tăng trưởng ở mức độ khả quan. Chắc chắn đây là một chính quyền tồi tệ. Nó gian trá và độc ác, vi phạm nhân quyền, bóp nghẹt tự do ngôn luận, đối xử thô bạo với những người dân chủ và các tôn giáo. Nó cũng cực kỳ tham nhũng và vô trách nhiệm, dâng cả đất và biển cho ngoại bang. Nhưng trước mặt nó, sau gần 30 năm, vẫn không có một lực lượng đối lập có tầm vóc nào cả. Lực lượng đối lập trong nước chưa thực sự hình thành trong khi đối lập hải ngoại yếu đi. Những người đối lập hải ngoại năng động nhất trong thập niên 1970 nay đã già, một số đã chết, trong khi đó lớp trẻ trong đại bộ phận không còn quan tâm tới Việt Nam như các thế hệ cha anh.

Thành tích thực là bi đát, mặc dầu đổi lập Việt Nam đã có nhiều cơ hội lớn. Những sai lầm và tội ác của chế độ cộng sản đã khiến đất nước khủng hoảng trầm trọng về mọi mặt sau 1975, với cao điểm là nạn đói mùa xuân 1988. Đợt vượt biên bán chính thức gây kinh ngạc và phẫn nộ trong dư luận thế giới. Chế độ bị hoàn toàn cô lập và lên án, xung đột đẫm máu cả với quan thầy Trung Quốc. Thế rồi bức tường Berlin sụp đổ, không khác gì trời sập trên đầu. Từ đó chế độ cộng sản Việt Nam như một xác không hồn, cố bám víu vào một chủ nghĩa nhảm nhí, đại bộ phận đảng viên mất lòng tin, cấp lãnh đạo liên tục đấu đá nhau. Với một tình huống thuận lợi như vậy nếu những người chống đối chế độ vẫn không đạt được kết quả nào thì chắc chắn là đã có sai lầm một cách rất nghiêm trọng trên nhiều mặt.

Trước hết là sai lầm ngay trong quan niệm về cuộc đấu tranh. Đối với nhiều người, đây là sự tiếp tục của cuộc phân tranh quốc-cộng. Nhưng thực tế là lực lượng "quốc gia chân chính" không còn là một đe dọa cho chế độ cộng sản. Từ hơn mười năm nay những khó khăn của chế độ hoàn toàn đến từ những người xuất phát từ chế độ cộng sản và những người tuy xuất phát từ chế độ Việt Nam Cộng Hòa nhưng tự định nghĩa mình là "dân chủ" chứ không phải "quốc gia".

Có những người cho rằng đây là cuộc đấu tranh của nhân nghĩa chống bạo ngược. Hay lắm, nhưng với điều kiện là những người chống chế độ phải chứng tỏ sự cao thượng và bao dung. Điều này đáng tiếc chưa phải là thực tế. Cũng đừng quên là sự bạo ngược không phải là phát minh của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Sự bạo ngược nằm trong văn hóa chính trị truyền thống của chúng ta. Dù Đảng Cộng Sản Việt Nam có du nhập thêm triết lý bạo lực của Marx và Lenin thì về cơ bản nó vẫn là người thừa kế của

một văn hóa chính trị đặt nền tảng trên bạo lực. Chế độ cộng sản không bạo ngược bằng các vua chúa trước đây. Danh nghĩa "nhân nghĩa chống bạo ngược" chỉ có giá trị nếu đồng thời với nó chúng ta khẳng định một đoạn tuyệt văn hóa.

Đã có lúc nhiều người nói đây là cuộc đấu tranh của trí tuệ và văn minh chống lại sự ngu dốt và man mợi. Cùng với lập luận này là những hài kịch, chuyện cười tố giác sự ngớ ngẩn của các cán bộ cộng sản được gọi là "cán ngố". Nhưng ngày nay một thế hệ đã qua, các cán bộ cộng sản giàu có và sang trọng hơn những người chống đối họ. Các chuyên gia của chế độ nắm vững các hồ sơ và tình hình đất nước hơn những người đối lập. Sự hiểu biết, ít ra là sự hiểu biết về Việt Nam, lệch về phía đảng cộng sản. Vũ khí của đổi lập không còn là kiến thức mà chỉ có thể là sự lương thiện và lòng yêu nước, những cái mà đảng cộng sản đang mất đi một cách nhanh chóng.

Cũng có quan niệm cho rằng đây là cuộc đấu tranh giữa tiến bộ và thoái hóa. Nhưng Việt Nam đang đổi mới và phát triển. Mọi người về thăm quê hương và mọi quan sát viên đều đồng ý là các đường giao thông ngày càng nhiều và tốt hơn, các thành phố lớn hơn và nhộn nhịp hơn, nhà cửa đẹp hơn. Các kinh tế gia nhìn nhận mức tăng trưởng của Việt Nam là khả quan. Việt Nam hiện nay cũng có hơn hai triệu người sử dụng internet. Về tiến bộ và thoái hóa, ta có thể nói là đất nước đã có thể tiến nhanh hơn và lành mạnh hơn, nhưng đây là một cuộc tranh luận nghiêm chỉnh chứ không phải là một khẩu hiệu.

Còn lại là cuộc vận động dân chủ chống độc tài. Danh nghĩa này đúng, với điều kiện là phải hiểu thế nào là những người dân chủ và thế nào là những người độc tài. Người dân chủ phải được hiểu là bất cứ ai, dù ở Việt Nam hay nước ngoài, dù thuộc quá khứ nào và đang ở cương vị nào, mong muốn thiết lập nhanh chóng tại Việt Nam một chế độ chính trị trong đó các quyền chính trị được tôn trọng. Ngược lại «độc tài» phải được hiểu là những người chủ trương trừ dập, bắt giam, giải tòa, kết án và bỏ tù những người khác chính kiến, hoặc nếu không bắt giam và bỏ tù được thì hành hung, mạ lị, vu cáo, tổ chức hội họp để lên án, kêu gọi tẩy chay, có thái độ, v.v. Những người dân chủ và độc tài có mặt ở khắp nơi. Trận tuyến dân chủ / độc tài chạy qua cả Hà Nội lẫn Orange County (lực lượng dân chủ tại Hà Nội có vẻ mạnh hơn tại Orange County). Cần lưu ý rằng một trong những điểm yếu của phe dân chủ chính là sự tất thắng của dân chủ. Nhiều người nghĩ rằng dân chủ là tương lai tất yếu của nhân loại, do đó đảng nào cũng đến. Hậu quả của nhận định đúng này là một quyết định sai : không tham gia đấu tranh cho dân chủ vì không cần thiết. Và chế độ độc tài vẫn tiếp tục.

Cần nhận định rõ về cuộc vận động dân chủ. Đây là một cuộc đấu tranh giữa hai phe để áp đặt hai *tốc độ* khác

nhau của dân chủ, đổi mới và phát triển. Một bên cho rằng nước ta vừa quá chậm trễ so với thế giới lại vừa có nhiều tiềm năng nên phải và có thể dân chủ hóa nhanh chóng để phát triển nhanh chóng. Một bên lý luận rằng Việt Nam vẫn liên tục đổi mới và vẫn tăng trưởng ở mức độ khả quan, nên ta cứ việc duy trì chế độ này, mọi vấn đề tự nhiên sẽ được giải quyết với thời gian. Nhưng tất cả vấn đề là thời gian. Nếu loại bỏ thời gian thì không có gì để nói cả. Một ngàn năm sau các nước châu Phi cũng sẽ đạt được tới mức độ Âu Mỹ hiện nay. Nếu không phấn đấu gì cả thì một thế kỷ nữa Việt Nam cũng có thể đạt mức độ này. Nhưng trong khoảng 100 năm đó là biết bao ỨC HIẾP và BẤT CÔNG, không chừng là bạo loạn. Và lúc đó các nước tiến bộ cũng đã tiến xa lắm rồi, chúng ta vẫn là một nước lạc hậu so với họ, với một khác biệt là lần này người Việt Nam sẽ có đủ hiểu biết để xấu hổ vì sự thua kém đó và cũng sẽ có đủ tự ái để không chấp nhận sự hổ nhục này và không còn muốn làm người Việt nữa. Nói một cách khác, Việt Nam sẽ tan vỡ.

Lập luận sáng suốt và lương thiện thuộc về phe dân chủ nhưng phương tiện và sức mạnh thuộc về phe độc tài. Và cũng đừng quên một trở ngại tâm lý đồ sộ khác : xã hội ta về cơ bản vẫn còn là một xã hội đặt nền tảng trên văn hóa Khổng giáo, một văn hóa đã đủ sức duy trì trong hàng ngàn năm các chế độ nhiều lần khe khắt và bạo ngược hơn chế độ cộng sản. Cuộc vận động dân chủ vì thế chỉ có thể thành công nếu đi sau, hay cùng lắm đi đôi, với một thay đổi văn hóa. Cuộc đấu tranh này cũng là cuộc đụng độ giữa một văn hóa mới, văn hóa dân chủ, và một văn hóa cũ, văn hóa Khổng giáo. Những người chống cộng nhưng chủ trương bảo vệ văn hóa truyền thống không hiểu cuộc đấu tranh này, họ là những đồng minh vô ý thức của chế độ cộng sản.

Quan niệm sai về cuộc vận động dân chủ đã là một nguyên nhân của những thất bại liên tiếp của những người đối lập Việt Nam trong 29 năm qua. Tuy nhiên nó không đủ để giải thích mức độ bi đát của thất bại này : chế độ cộng sản vẫn còn đó, nhưng chưa có một tổ chức dân chủ có tầm vóc nào cả. Còn một lý do khác : chúng ta không biết phải làm gì để giành thắng lợi cho dân chủ.

Trong dự án chính trị *Thành Công Thế Kỷ 21*, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã trình bày, một mặt, bốn điều kiện cần và đủ để một cuộc vận động thay đổi chế độ chính trị thành công và, mặt khác, năm giai đoạn phải đi qua để giành thắng lợi. Cả hai phân tích đó đều có một điểm cốt lõi chung : phải xây dựng được một tổ chức chính trị có tầm vóc, trên một cơ sở tư tưởng đứng đắn. Đây là một điều rất khó khăn, nhưng bắt buộc. Có lẽ vì nó quá khó khăn mà cho đến nay người ta đã cố tự dối mình trong những giải pháp giả tạo. Trong những năm kế tiếp 1975, giữa một cộng đồng người Việt hải ngoại bỡ ngỡ nhưng đầy nhiệt huyết, vô số tổ chức chính trị đã ra đời cạnh tranh với nhau mà không có một dự án chính trị nào cả, tất cả chỉ thi đua chống cộng. Lúc đó người ta hy vọng có thể xây dựng tổ chức mà không cần tư tưởng. Giờ đây, khi các tổ chức đó đã biến mất gần hết, một kỳ vọng mới, hào huyền hơn nhiều, xuất hiện : có thể tranh đấu cho dân chủ mà không

cần tổ chức.

Cách đây không lâu, một nhân sĩ có uy tín gọi điện thoại cho tôi. Ông cho biết đã nhận được những tín hiệu khá rõ rệt là chính quyền Hà Nội muốn đối thoại với những người dân chủ. Cùng với một số nhân vật có uy tín khác, ông có ý định thành lập một nhóm chừng mười người để nói chuyện với Hà Nội và ông muốn tôi hợp tác. Tôi nhận lời ngay vì hai lý do : đây là một vị đàn anh mà tôi quý mến và không muốn làm phiền lòng, mặt khác sự nhận lời này sẽ chẳng có hậu quả nào vì cuộc "đối thoại" này sẽ không xảy ra. Gần 30 năm qua vẫn một tình trạng. Mỗi khi có một cơ hội nào đó là có nhiều nhóm nhỏ được khai sinh, hay có nhiều nhân vật tự nghĩ mình đủ uy tín muốn đứng ra liên kết các cá nhân và tổ chức. Tất cả những cố gắng này đều chấm dứt sau một thời gian ngắn, sau khi đã ngăn cản những tổ chức đã có sẵn khai thác cơ hội thuận lợi để phát triển.

Nếu quả thực Hà Nội muốn đối thoại, và đối thoại với nhóm người uy tín do vị nhân sĩ đàn anh của tôi qui tụ, thì cái gì sẽ xảy ra ?

Mười vị này chưa hề làm việc chung với nhau. Họ sẽ nói lập trường nào đây ? Họ phải thống nhất quan điểm và đồng ý trên một người phát ngôn. Tôi dám đánh cuộc 100 ăn 1 là họ sẽ tan rã trước khi có đối thoại. Không có gì bảo đảm là họ sẽ đồng ý với nhau ngay cả trên những từ ngữ rất thông thường như "tự do" và "dân chủ", chưa nói đến một kế hoạch. Ngược lại có tất cả mọi triển vọng là phần lớn các vị đều nghĩ rằng mình là người xứng đáng nhất để đảm nhiệm vai trò phát ngôn viên. Và nếu họ không tan rã, đối thoại thành công thì họ dựa trên hậu thuẫn nào ? Kết quả sẽ chỉ giản dị là chính quyền Hà Nội được thêm mười cộng sự viên mới. Tình thế sẽ khác hẳn nếu mười vị này ở trong cùng một tổ chức đã có từ lâu với một lập trường được biết đến. Họ sẽ có cùng một ngôn ngữ, cùng một lập trường trên những chọn lựa căn bản, có cái nhìn giống nhau trên nhiều vấn đề, và khi có ý kiến khác nhau thì đã có sẵn một cơ chế để lấy quyết định. Vấn đề lãnh đạo cũng không đặt ra. Đằng sau họ là một tổ chức được hậu thuẫn bởi những cảm tình viên và những người ủng hộ đường lối của tổ chức.

Sau gần 30 năm với một thành tích rất gần với con số không như vậy, một sự nghĩ lại là bắt buộc. Sự nghĩ lại này chỉ giản dị là đừng nên né tránh một sự thực hiển nhiên : phải có một tổ chức dân chủ mạnh mới áp đặt được dân chủ. Mọi người từ đó rút ra kết luận riêng cho mình. Những người *thực sự* muốn thay đổi chế độ *phải* chọn tham gia tổ chức dân chủ hợp với mình nhất. Những người đã chọn đứng một mình phải hiểu sự cần thiết của một tổ chức dân chủ mạnh và dành sự hỗ trợ của mình cho tổ chức mình thấy đứng đắn nhất, ít ra đừng làm cho tình hình phức tạp thêm. Mọi người mong muốn một tương lai dân chủ và tự do cho đất nước nên hiểu rằng phải dành ưu tiên cho việc xây dựng đội ngũ dân chủ thay vì cho những việc không quan trọng như xuống đường biểu tình chống Trần Trường hay phản đối một đoàn cải lương từ trong nước ra trình diễn.

*Nguyễn Gia Kiểng*

# TRẦN DŨNG TIẾN KHÁNG ÁN

LTS : Trần Dũng Tiến đã được trả tự do sau khi bị tuyên án 10 tháng tù vì đó là thời gian mà ông đã bị giam giữ. Đơn kháng án này chắc chắn sẽ bị bác vì được viết sau thời hạn qui định 15 ngày để kháng án. Trần Dũng Tiến đã quá kiệt quệ vì sức khỏe để kháng án kịp thời. Tuy nhiên đơn này vẫn có giá trị : nó phủ nhận bản án vô lý chỉ có tác dụng hợp thức hóa một việc bắt giam người trái phép.

Hà Nội, ngày 3 tháng 12 năm 2003

## Đơn kháng án

Kính gửi: Tòa án nhân dân tối cao

Tôi công dân Trần Dũng Tiến (tên gọi khác Trần Đức Phái) hiện ở số 12/95 Cự Lộc, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội, bị tòa sơ thẩm thành phố Hà Nội kết án 10 tháng tù với tội danh «*lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước*», theo khoản 2 điều 258 BLHS, bản án số 985 ngày 12-11-2003.

Tôi đã được trả về nhà ngày 22-11-2003, sức khỏe suy sụp, tinh thần mệt mỏi, kết quả của việc hỏi cung căng thẳng và giam cầm 10 tháng trời khắc nghiệt thiếu thốn tại trại tạm giam Hà Nội. Nay tôi đã hồi sức được phần nào, ngẫm ra tôi vẫn một lòng đi theo con đường Bác Hồ, đấu tranh chống tiêu cực tham nhũng theo lời kêu gọi của Đảng hiện nay. Tôi thấy mình vô tội.

Điều thắc mắc là, đáng ra những điều tôi tố cáo trong những đơn thư gửi lãnh đạo Đảng và Nhà nước gần chục năm nay về các cán bộ cao cấp sa đọa, gian dối, không làm đúng lời Bác Hồ, như ông Đỗ Mười nhận một triệu đô-la của tư bản Hàn Quốc, ông Lê Đức Anh man khai lý lịch, ông Nguyễn Khoa Điềm dảm bỏ Điện Biên Phủ và chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng miền Nam trong chúc văn giỗ tổ vua Hùng. Những điều tố cáo này đáng ra phải được xem xét, điều tra cho rõ thực hư, rồi công bố cho bàn dân thiên hạ biết. Nếu tôi tố cáo sai, thì mới kết tội được là vu khống. Đảng này những tội tố cáo kia không hề được xem xét, người dảm tố cáo thì bị trừng trị, hoàn toàn làm sai đường lối Bác Hồ.

Vậy thì công bằng ở đâu ? Xét xử đúng người đúng tội ở chỗ nào ? Tuy án kết có 10 tháng tù, vừa đủ thời gian tôi bị tạm giam. Hiện tôi đã có giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 194/GCN của công an thành phố Hà Nội. Tôi đã được trả lại tự do.

Nhưng để bảo vệ nhân phẩm, danh dự của tôi, một quyết tử quân đã từng bảo vệ Bác Hồ ở biệt thự Cây Liễu, một lòng đi theo Đảng chân chính của Bác Hồ đấu tranh không lùi bước trước những biểu hiện xấu xa, từ ngày tóc còn xanh tơ cho đến phơ phơ đầu bạc, và để bảo vệ danh dự cho gia đình con cháu tôi mãi mãi về sau không phải ân hận, tôi tuyên bố : Kháng án sơ thẩm.

Yêu cầu tòa phúc thẩm xét xử lại, công bằng và công khai, xóa bản án 10 tháng tù của tòa sơ thẩm đã kết án oan sai người vô tội.

Trần Dũng Tiến

Thơ

## Tình hoài hương

Thương tặng Bích Thủy,  
em gái của anh cùng  
những đồng hương  
Phú Yên lưu xứ

Xuân năm này em ăn tết ở đâu  
Có về quê xưa quá đổi cơ cầu  
Thăm lại Tuy Hòa miền Trung xứ „nẫu“  
Thăm hòn tháp Nhạn mưa nắng dải dầu

Từ đạo theo chồng lạc về sông Cửu  
Em có bao giờ nhớ đến sông Ba  
Chứ ở nơi anh chốn ngàn dặm rúi  
Núi biển điệp trùng vẫn nhớ quê xa

Nhớ núi Cháp Chài những ngày tháng chạp  
Mây thấp giăng lung kín mít đỉnh trời  
Mưa gió toer bời sớm chiều lạnh ngắt  
Cơm muối mè bốc khói thổi ra hơi

Nhớ chùa Khánh Sơn tết về tấp nập  
Nẫu ra nẫu vào lễ Phật dâng hương  
Nhớ hẹn cây Si chờ hoài mới gặp  
Đạp xe về trách nẫu thấy mà thương

Nhớ rừng dừa xanh um tùm bóng lá  
Môi mắt Sông Cầu vắng trản Tuy An  
Biển sóng mênh mông đất trời mở ngỏ  
Mộng hải hồ bổng chốc cũng tiêu tan

Anh nhớ Củng Sơn như nhớ Đồng Xuân  
Nhớ đập Đồng Cam dẫn nước vô đồng  
Nhớ mía Đồng Bò xiết hoài ngọt lịm  
Nhớ Hiếu Xương mùa chín lúa ngập đồng

Hơi thở Phú Yên anh giữ trong tim  
Giọng nẫu quê hương chất phác êm đềm  
Đất cũ trời xưa lòng anh thương quá  
Thương Cù Mông, thương Đèo Cả mênh mênh

Hẹn nẫu một ngày về quê ăn Tết  
Bên bến thôn làng trong nước sông Ba  
Dưới lũy tre xanh phải đời thăm mệt  
Rửa bước chân trần sạch bụi đường xa  
Sông Lô (Laatzen, Đức)

Tìm đọc Thông Luận và nhiều tiết  
mục khác trên internet :  
[HTTP://WWW.THONGLUAN.ORG](http://www.thongluan.org)

Thời sự đầu năm 2004 và Giáp Thân :

Con đường thoát hiểm là phóng nhanh ra phía trước  
để hội nhập hoàn toàn với thế giới dân chủ và văn minh

Bài Tin

\* Từ phe xã hội chủ nghĩa hiện thực \* 4 nước cộng sản tìm đường thoát hiểm ? \*  
\* Việt Nam chậm chân vẫn có thể đi nhanh hơn nước láng giềng cộng kênh \*  
\* Hãy chung sức tìm con đường tối ưu !

Việt Nam vốn là một thành viên của phe xã hội chủ nghĩa hiện thực. Sau cơn động đất chính trị cuối thế kỷ 20 làm tan tành phe xã hội chủ nghĩa, chỉ còn 4 nước trong gần 20 nước do đảng cộng sản thống trị còn tồn tại. Có thể nói đó là 4 nước "đặc thù", 4 nước mồ côi của chủ nghĩa Mác-Lênin, 4 nước độc đoán đang biệt lập giữa thế giới văn minh.

Bốn nước này đều hiểu rằng cần thay đổi để thích ứng với tình hình mới. Tuy không dám nói ra, nhóm lãnh đạo cộng sản các nước ấy đều hiểu rõ rằng đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản đều là tai họa và gánh nặng của quá khứ đen tối, cần dứt bỏ để phóng nhanh ra phía trước. Nhưng họ không đủ dũng khí và tinh thần vô tư để từ bỏ chế độ độc quyền phi lý và phi pháp của đảng cộng sản.

Do đó cần hình thành một công luận xã hội, một đồng thuận dân tộc rộng rãi tạo nên sức ép rộng khắp mạnh mẽ trong và ngoài nước, thuyết phục cả những đảng viên cộng sản và thanh niên cộng sản có lương tri và trách nhiệm, buộc nhóm lãnh đạo phải có sự chọn lựa đúng đắn vì lợi ích cao nhất của đất nước và dân tộc.

## 1. Phe xã hội chủ nghĩa oanh liệt một thời

Mưu đồ của Stalin khi Thế chiến II sắp kết thúc là tiến quân nhanh để mở rộng địa bàn chiếm đóng ; giành giật trên bàn hội nghị những vùng ảnh hưởng rộng lớn ở châu Âu ; Stalin chuyển toàn bộ vũ khí tước được của đội quân Quan Đông Nhật Bản cho Mao (xe tăng, đại pháo, súng đủ loại cho nửa triệu quân), tạo điều kiện cho Mao chiếm toàn lục địa Trung Quốc. Phe xã hội chủ nghĩa rộng lớn hình thành từ đó.

Ngay sau đó, Liên Xô và Trung Quốc - nước rộng lớn nhất và nước đông dân nhất - liên kết nhằm mở rộng vương quốc cộng sản quốc tế ; Stalin sáng tạo ra thuật ngữ : "dân chủ nhân dân" (la démocratie populaire), mà trong thực tế không dân chủ và cũng chẳng nhân dân, từng mê hoặc không ít trí thức tả khuynh ở phương Tây và quần chúng các nước chậm tiến. Đằng sau bức màn sắt là sự thống trị bằng bạo lực, là cưỡng bức, là văn hóa của bí mật (la culture du secret).

Phía sau của những mỹ từ *tình đồng chí và tình nghĩa quốc tế vô sản* là những cuộc thanh trừng giữa những đồng chí-thù địch (les camarades-ennemis) : đấu đá và hạ bệ ; các vụ án thật và giả ; những cuộc hành quyết. Cả thế giới chứng kiến những thăng trầm của Stalin, Khrouchtchev, Lưu

Thiếu Kỳ, Bành Đức Hoài, Lâm Bưu, bè lũ bốn tên ; "vụ án xét lại, chống đảng, làm gián điệp cho nước ngoài", Hoàng Văn Hoan ; Phác Chính Ái, Kim Sang Bông ; bè lũ Tito ; Hodja... ; những goulag, trại lao cải, trại cải tạo ; và những trại giam mênh mông gồm toàn xã hội...

Phe xã hội chủ nghĩa cũng từng đạt được những đỉnh cao huy hoàng : vệ tinh nhân tạo đầu tiên ; con người lên vũ trụ đầu tiên ; chủ nghĩa xã hội lan khắp các lục địa : Ethiopia, Angola, Madagascar ở châu Phi ; Cuba, Nicaragua ở châu Mỹ ; các đảng cộng sản mạnh một thời ở Pháp, Ý, Nam Dương... ; làm cho một bộ phận nhân dân, cả một lớp trí thức bị mê hoặc và ngộ nhận , không nhận ra bản chất phi nhân, tàn ác, phản văn hóa có nguy cơ lan tràn trên trái đất.

## 2. Bùng nổ và tan tành

Cái gì phải đến đã đến ; sự tan vỡ của phe xã hội chủ nghĩa mang tính chất kinh thiên động địa mà ít ai dự kiến nổi trước vài tháng, thậm chí vài tuần (implosions + explosions). Sự tan vỡ là tất yếu vì chế độ ấy tuy mang danh là xã hội chủ nghĩa nhưng trái với bản chất con người. Vì nó chứa đựng đầy mâu thuẫn và bi kịch, trong đó nổi bật là :

- Chiến tranh biên giới Xô - Trung : tan vỡ huyền thoại tình quốc tế vô sản thiêng liêng và một khối vững như bàn thạch (monolithic) ;

- Chiến tranh Trung - Việt : thằng em vô ơn bạc nghĩa và ông anh hảo hớn nổi khùng ; tranh mỗi Hoàng Sa, Trường Sa ; bi kịch các đồng chí thù địch (les camarades-ennemis).

- Bức tường Berlin nát vụn ; Đông Âu giải phóng và tự do ; vợ chồng Ceaucescu trả nợ đời... Liên Bang Xô Viết cột trụ toàn phe xã hội chủ nghĩa vào viện bảo tàng ; Đảng Cộng Sản Liên Xô động lực toàn phe thờ ắt.

- Những bất công xã hội ; tình trạng đảng cộng sản ngồi trên luật pháp ; sự đàn áp các tôn giáo và dân tộc ; thái độ miệt thị trí thức... từng ngày tạo nên vô vàn bất mãn, căm giận ở trong mọi nước xã hội chủ nghĩa...

## 3. Những kẻ sống sót cố cưỡng lại số mệnh

**Cuba** : Li lợm, ngoan cố, thách thức lương tri dân mình và lương tri nhân loại ; đang tự đi vào ngõ cụt ; hạ sách của kẻ tự sát. Các nhân vật giải Nobel từng ủng hộ Cuba của



Fidel Castro tuyên bố lên án nhà độc tài khát máu, dâm loạn vùng Caribe. Trí thức châu Âu từng hô lớn : "Cuba si ! Yankee no !" nay hét to hơn : "Cuba si, Fidel no !". Thời kỳ hậu Fidel đang hiện ra trước mắt...

**Bắc Hàn** : Chế độ cộng sản cha truyền con nối ; quân chủ chuyên chế trá hình cộng sản ; chết đói hàng triệu , làm bom nguyên tử ; hung hăng vô lối ; bị sức ép bốn bề (Nam Hàn, Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và toàn thế giới) ; sự trừng phạt lơ lửng trên đầu ; đâu là lối thoát ?

**Trung Quốc** : Có vẻ khôn ngoan hơn cả. Lãnh đạo có bản lĩnh hơn, có lý luận, bài bản, tuy nhiên vẫn còn trì trệ, bảo thủ, bị quá khứ trì kéo. Mao có lý luận, có tư tưởng, có phát kiến ; Đặng Tiểu Bình cũng có tư tưởng, là kiến trúc sư của đổi mới, hiện đại hóa Trung Quốc ; Giang Trạch Dân cũng rành có tư tưởng, có phát kiến, có chủ trương lãnh đạo : "ba đại diện", kết nạp nhà tư sản, nhà kinh doanh vào đảng, đưa một số nhà kinh doanh vào trung ương đảng ; nghiêm cấm quân đội làm kinh tế, giải thể các đơn vị làm kinh tế của Quân giải phóng ; Hồ Cẩm Đào cũng tỏ ra là nhà lý luận, nhà tư tưởng, có chủ trương như khuyến khích sáng tác và trình chiếu rộng bộ phim lịch sử hơn 10 tập "*Tiến lên nền Cộng hòa !*", đưa ra thuyết "*Tiểu Khang*" (xây dựng xã hội kinh doanh, hưởng lạc thú bình thường thay cho "thế giới đại đồng" - thiên đường cộng sản ảo trên trần thế) ; Hồ Cẩm Đào cùng với thủ tướng Ôn Gia Bảo không che giấu, thừa nhận có cảm tình trước đây với Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương, được coi là có tư tưởng canh tân ; mới đây Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo còn chủ trương sửa Hiến pháp, công nhận quyền tư hữu...

Quan trọng nhất là các nhà lãnh đạo Trung Quốc đang tìm cách thích ứng với đặc điểm thế giới đa cực và chống khủng bố quốc tế, đồng thời cắt bỏ dần những cái đuôi nặng nề của quá khứ, lặng lẽ để chủ nghĩa Mác-Lênin sang một bên, thức thời và thực dụng : rất ít nói đến Mao Trạch Đông và tư tưởng Mao ; càng ít nói hơn đến xây dựng chủ nghĩa xã hội theo màu sắc Trung Quốc ; chấm dứt quán tính chống Mỹ : không nói nhiều đến khó khăn của Hoa Kỳ ở Iraq một cách thích thú (như Hà Nội !). Trong đối xử với Cuba của Fidel Castro, Trung Quốc đã tỏ ra ít mặn với tình nghĩa keo sơn (như Việt Nam !) ; tuyên bố giảm quân lớn. Trong đối xử với Bắc Hàn, Trung Quốc dùng cả sức ép, cắt cung cấp dầu ba ngày đêm liền, ép họp sáu bên, dọa lập trại tỵ nạn quốc tế dọc biên giới, đưa hàng vạn quân đến áp dọc biên giới... Hồ Cẩm Đào còn chủ trương hủy bỏ thông lệ nửa thế kỷ nay là mỗi mùa hè các quan lớn rủ nhau đi nghỉ ở bờ biển Bạch Đới Hà, hưởng đủ loại lạc thú, bỏ đi một hủ tục lớn tốn kém công quỹ. Các nhà lãnh đạo mới có vẻ hiểu ra ngày càng rõ những khó khăn nặng nề và chống chất do di sản lịch sử đen tối hơn nửa thế kỷ qua của chủ nghĩa Mao, Đại nhảy vọt, Đại cách mạng văn hóa vô sản để lại ; nền kinh tế lạc hậu quá xa so với mức trung bình của thế giới, mức thu nhập bình quân quá thấp (840 USD/năm), vùng nông thôn và rừng núi còn bị đói hơn ; khoảng cách với bình quân của thế giới còn quá rộng ; sức ì của số dân quá đông, vũ khí hiện đại kém cỏi đến hai thế hệ ; những khó khăn về chính trị ở Tây Tạng, Uguor, Nội

Mông, Hồng Kông... ; xu thế đòi dân chủ và chống tham nhũng phát triển ; sức ép của quốc tế về nhân quyền ; nạn thất nghiệp lớn dần thêm và gánh nặng các cơ sở quốc doanh thua lỗ...

Trên hết, họ hiểu rằng Trung Quốc cần một thời gian dài trên 20, 30 năm thật ổn định để duy trì tốc độ tăng trưởng cao, với hàng núi khó khăn và vô vàn nguy cơ thấy rõ và chưa lường được. Họ ý thức được rằng thế đứng của Trung Quốc còn chông chênh, không thể huênh hoang, chủ quan, xem thường được...

**Việt Nam** : Đổi mới nửa vời, chậm trễ so với Trung Quốc đến 10 năm ! Chỉ đổi một ít về kinh tế, ù lì về chính trị, về dân chủ hóa và tôn trọng dân quyền, nhân quyền; đang tự mắc bẫy của chính mình vì mở cửa, nhận đầu tư lớn, buôn bán rộng với phương Tây... ắt phải chấp nhận luật chơi chung, nghiêm theo luật pháp, thực hiện bình đẳng và tự do trong xã hội. Người dân thương, tuổi trẻ được thể nghiệm tự do ngày càng đòi hỏi nới rộng ách kiểm chế của kẻ đương quyền, ngày càng chê trách, khinh ghét, xa lìa và chống đối nhóm cầm quyền tro li. Không ai hiểu rõ bụng dạ, bản chất kẻ đương quyền bằng người bị trị ! Bế tắc của chế độ đang lớn dần, lớn dần, mà lối thoát chưa thấy đâu ! Việt Nam càng bế tắc vì hiện nay tuy có lãnh đạo nhưng không có lãnh tụ ; không có ai có thực quyền để có chủ trương quyết đoán, bẻ lái trước cơn đường quanh co nguy hiểm trước mắt.

Thủ tướng Phan Văn Khải đã đến hạn về hưu mà người thay thế là ai đến nay vẫn còn chưa dứt khoát. Tổng bí thư Nông Đức Mạnh khi nhận chức được coi là nhân vật "đệm", có tính cách tạm thời, vậy ai là người thay thế vẫn còn là ẩn số. Nguyên bộ trưởng nội vụ Lê Minh Hương bị mất chức bộ trưởng, nằm im hơn một năm không còn xuất hiện. Trưởng ban kinh tế trung ương đảng Trương Tấn Sang cũng hầu như ngồi chơi xơi nước sau khi bị rút từ Sài Gòn về kinh đô để tu tỉnh... Chưa bao giờ có một Bộ chính trị yếu kém, mất uy tín, thiếu quyền uy, coi như "tàn phế" như hiện nay !

Trong cơn khủng hoảng về tổ chức, những hồi ký cá nhân của nguyên thứ trưởng ngoại giao Trần Quang Cơ hay của nguyên thư ký của Lê Khả Phiêu là Nguyễn Chí Trung càng phơi bày thêm những rối loạn và xấu xa đến bỉ ổi. Đó là lời ông Đỗ Mười nói về ông Lê Khả Phiêu : "*Nó lật tôi thì tôi lật nó !*". Đó là chủ trương lăm chằm hồi năm 1991, gọi là "giải pháp Đỏ" : gắn bó keo sơn giữa các chế độ cộng sản Hà Nội và Bắc Kinh (bị Trung Quốc thẳng thừng bác bỏ), và gắn bó hòa giải giữa Khơme Hồng của Hunsen với Khơme Đỏ của Pôl Pốt, do Lê Đức Anh và Nguyễn Văn Linh đề ra (bị Hunsen từ chối và lên án là vi phạm chủ quyền quốc gia).

Đã có một số sinh viên khoa Sử trong nước hỏi giáo sư của mình rằng : Tại sao Nhật Bản, Nam Hàn không có nhân vật cộng sản như ông Hồ Chí Minh, không có đảng cộng sản như ở Việt Nam lại phát triển, vượt ta xa đến vậy? Vậy thì có đảng cộng sản là điều có lợi hay có hại, là phúc hay họa ?

Ngày càng có nhiều trí thức, nhà nghiên cứu, giới ngoại

giao, kinh doanh, tuổi trẻ ở trong nước thấy cấp bách cần có một bước đi mạnh dạn, quả đoán tiến về phía trước, thoát nhanh khỏi những điều lảm cẩm của quá khứ, thực hiện dân chủ đa nguyên trong nước và có đường lối đối ngoại mới : xa lìa các nước độc đoán, gắn chặt với thế giới dân chủ, làm bạn thân thiết với Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản, Úc... cả về chính trị, kinh tế, ngoại giao, quân sự, giữ quan hệ bình thường hữu nghị với các nước láng giềng.

Đó là con đường đi nhanh, đi tắt, đón đầu thời cuộc, không chờ đợi, lèo đèo đi sau Trung Quốc.

#### 4. Một đồng thuận dân tộc sâu rộng

Toàn thể thế giới đang chăm chú theo dõi số phận của bốn nước xã hội chủ nghĩa rơi rớt lại sau khi cả phe xã hội chủ nghĩa một thời rộng lớn gồm gần 20 nước lớn nhỏ bị tan vỡ tanh bành, với cột trụ là Liên Bang Xô Viết gãy vụn, vào cuối năm 1991.

Con đường sống duy nhất của các chế độ xã hội chủ nghĩa lạc lõng ấy - những đứa con hoang đại để non nhằm thế kỷ của ông Mác - là nhận ra thật rõ ràng cái thân phận bèo bọt hẩm hiu của mình, hiểu rõ thế cô đơn lạc lõng dị dạng của mình giữa loài người văn minh, là sớm rũ bỏ triết để những lảm cẩm và ảo tưởng bệnh hoạn, thoát nhanh ra phía trước để hòa nhập hoàn toàn vào thế giới dân chủ văn minh.

Trên con đường mới ấy, Việt Nam tỏ ra khá hơn Cuba và Bắc Hàn ; nhưng nhanh hơn "sên" thì vui nỗi gì ?

Tại sao Việt Nam, một dân tộc vốn lanh lợi, khôn ngoan, một nước có trên 80 triệu dân, không quá nhỏ cũng không quá lớn, lại không thể cùng nhau hợp sức bứt lên nhanh hơn ông láng giềng khổng lồ ì ạch ?

Tại sao nước ta lại không thể thay hẳn đường lối đối nội và đối ngoại, lấy giá trị của thời đại là dân chủ làm nền tảng, mở ra con đường thành thang phát triển với tốc độ cao giữa sự cổ vũ tiếp sức mạnh mẽ của toàn thể giới văn minh?

Mong rằng sang năm mới 2004 và Giáp Thân, những gợi ý trên đây sẽ làm phong phú thêm suy nghĩ của những tấm lòng Việt Nam còn ưu tư đến vận mệnh của dân tộc và cuộc sống tự do hạnh phúc của đồng bào thân yêu, của các thế hệ mai sau, tạo nên một đồng thuận dân tộc sâu rộng, mạnh mẽ.

Đúng thế, con đường sống còn của Việt Nam ta chỉ có thể là con đường thoát nhanh ra phía trước đuổi kịp những giá trị chân thực của thời đại để hội nhập vào con tàu nhân loại mà các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã nhiều lần vụng dại để cả dân tộc ta nhờ tàu !

*Bài Tin (Paris)*

"Chế độ độc tài này sẽ là chế độ độc tài cuối cùng tại Việt Nam. Rũ bỏ được nó, đất nước ta sẽ vĩnh viễn đi vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tự do, dân chủ và bao dung, kỷ nguyên của những cố gắng chung và của thành công chung".

(Thành Công Thế Kỷ 21, trang 142).

Kỷ sự (tiếp theo) :

## Cộng đồng người Việt tại Nga

*Uông Toàn Phong*

Lại thêm một Xuân nữa đến với chúng ta.

Mùa Xuân luôn mang đến luồng sinh khí mới, niềm tin mới, hy vọng mới... vì vậy mùa Xuân và những ngày Tết luôn là những ngày lễ quan trọng nhất với mọi người trên hành tinh này.

Với người Việt Nam ta, mùa Xuân và những ngày Tết càng trở nên có nghĩa đặc biệt quan trọng. Năm hết Tết đến, có chút thời gian rảnh rỗi để ngồi lại với nhau, cùng ngẫm nghĩ, suy tư... về công việc của một năm đã qua. Chiều 30 Tết, cho dù bận đến đâu đi nữa, người Việt Nam cũng dành thời gian làm mâm cỗ cúng tất niên, với tất cả lòng thành thấp nén nhang tưởng nhớ đến Ông Bà tổ tiên, những người đã khuất... cầu xin các Đấng tối cao phù hộ cho một năm mới với nhiều thành công và may mắn.

Tết với người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài, trong nỗi vui chung còn có một nỗi niềm riêng, đó là nỗi buồn xa xứ, nó day dứt không nguôi... Tôi tin rằng nếu không có mùa Xuân, không có những ngày Tết... thì sự gắn bó giữa người Việt ở nước ngoài với quê hương sẽ không sâu đậm như vậy. Mỗi khi Xuân về, Tết đến không có ai là không ngậm ngùi nhớ về quê hương, rồi buồn cho thân phận.

Tại sao chúng ta cũng có quê hương, có tổ quốc mà lại không được sống ở đó ? Tại sao cho đến bây giờ vẫn có người sẵn sàng bỏ hết ra đi ? Để rồi có lúc phải ngậm ngùi nhận ra rằng "nắng nơi đây cũng ấm, nhưng sao bằng nắng ấm quê hương".

Người Việt Nam ở Nga cũng không nằm ngoài ngoại lệ đó, mà thậm chí còn buồn tủi hơn rất nhiều. Mùa xuân và những ngày Tết ở đây là những ngày buồn tẻ nhất trong năm. Những ngày này thật là trống trải và cô đơn... bởi không như ở các nước khác, nơi người Việt Nam đã định cư lâu dài, an cư lạc nghiệp rồi, gia đình, bạn bè quây quần bên nhau... Ở Nga người Việt sống rất cô độc mặc dù rất đông, mạnh ai nấy sống. Đa số người Việt tại đây vẫn còn độc thân, chỉ sống một mình ; đông hơn thì có thêm vợ con, thế thôi. Ngoài giờ đi làm về họ rất ít giao du, bạn bè rất hạn chế, và nếu có thì chỉ quanh quẩn trong vòng đai thân thiết hoặc có quan hệ làm ăn, buôn bán mà thôi. Với dân địa phương (người Nga) thì lại càng ít. Rất ít người Việt có quan hệ thân tình với người bản xứ, có lẽ vì cho rằng không cần thiết, và nếu có cũng chẳng mang lại lợi lộc gì. Ngoài trừ những người có vợ Tây (Nga), hoặc có con đang đi học, gửi trẻ, số còn lại hầu như sống rất khép chặt.

Cuộc sống thường ngày vốn đã đơn điệu : đi làm (buôn bán) về ăn, ngủ ; dậy lại đi làm... cứ thế, hết ngày này sang ngày khác. Ở chỗ làm việc (các khu trung tâm thương mại, các khu chợ...), cuộc sống cũng không hơn gì : họ là những người máy. Không ai có thì giờ để suy nghĩ, mọi

chuyện trong chợ đều do các chủ chợ đứng ra giải quyết, từ A đến Z, mọi người chỉ việc đóng tiền là xong. Số tiền đóng để thuê chỗ trong chợ khá cao, tùy theo chỗ tốt hay xấu, chỗ bán được nhiều hàng hay ít : từ vài trăm đô cho đến vài ngàn đô một tháng. Để gỡ lại vốn hay không bị lỗ, tất cả chỉ biết cong lưng ra "cày".

Những ông chủ chợ (người Việt) tuy không nhiều nhưng rất giàu. Vì nắm bắt được nhu cầu cần có chỗ để buôn bán những mặt hàng rẻ tiền với số lượng lớn, phù hợp với nhu cầu của đại đa số dân Nga, họ liên kết với những người Nga có thế lực lớn để được che chở, rồi mở ra nhiều khu chợ ngoài trời cho thuê chỗ. Vốn đầu tư gần như không có nhưng tiền lãi thu vào thì rất khủng khiếp : họ mua lại những *container* hỏng về làm chỗ bán hàng, gọi là ki-ốt, rồi cho thuê. Khi sang nhượng, có những kiốt trị giá từ vài nghìn đôla lên đến hàng trăm nghìn đô-la. Những ông chủ chợ người Việt này rất giàu có, họ đi những loại xe thật xịn đời mới nhất, lúc nào cũng có vài vệ sĩ đi kèm...

Về phía bà con mình, đa số vẫn sống trong cơ cực. Họ phải làm lụng từ sáng đến tối ngoài trời, có khi làm cả đầu đêm. Đó là chưa kể sự nghiệt ngã của khí trời, tại Nga mùa hè thì nắng nóng, mùa đông thì rét buốt (có nhiều hôm nhiệt độ xuống - 25 độ), thế mà có ai được nghỉ gì đâu ? Quanh năm bà con ta chỉ biết làm lụng vất vả ngoài chợ, từ tờ mờ sáng cho đến tối mịt. Nhiều người ở Moskva mà không biết Quảng trường Đỏ nằm ở đâu ? Họ chỉ biết đi làm (buôn bán) và... đi làm (buôn bán) mà thôi. Mọi chuyện liên quan đến giấy tờ tùy thân, hộ chiếu, hộ khẩu... chỉ cần chi tiền ra là có "dịch vụ" lo hết. "Dịch vụ" là tên gọi những người Việt (phần lớn xuất thân từ những gia đình cán bộ, do đó quen biết rất nhiều và giỏi giao thiệp) chuyên làm nghiệp vụ nhận đăng ký hộ khẩu, đổi hộ chiếu, thuê nhà, mua vé máy bay... trong cộng đồng người Việt để hưởng hoa hồng. Sự hội nhập của cộng đồng người Việt vào xã hội Nga do đó rất chậm và rất khó, vì sinh hoạt chủ yếu của mọi người là buôn bán nên mọi chuyện còn lại đều do "dịch vụ" chu tất. Tâm lý "ăn nhờ ở đậu" vẫn còn trong suy nghĩ của nhiều người, mục đích chính của họ là kiếm thật nhiều tiền rồi trở về Việt Nam sinh sống, có nhục nhã, cay đắng cũng cố chịu cho qua...

Một nguyên nhân nữa, khiến cho sự hội nhập của người Việt trở nên khó khăn hơn, xuất phát từ phía chính quyền Nga. Dù rằng chế độ xã hội chủ nghĩa không còn nữa, kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế là chọn lựa tất yếu của nước Nga, nhưng cái nhìn của người dân Nga đối với cộng đồng người Việt tại đây vẫn còn nhiều thành kiến, thiên lệch... mang nặng tính bảo thủ của thời cộng sản. Kinh doanh buôn bán tuy là một nghề cần được tôn trọng và bảo vệ, phải được đối xử công bằng như bao nghề khác, nhưng ở Nga điều này vẫn chưa thực hiện được. Những người Việt buôn bán, kinh doanh luôn phải chịu đựng sự khinh miệt của người dân Nga và bị các cấp chính quyền địa phương luôn tìm cách chèn ép, bắt bớ, những nhiều, vùi tiền... Cộng đồng người Việt Nam tại Nga là đối tượng "ưu tiên" hàng đầu. Để tự bảo vệ, họ chỉ còn một cách là chi tiền, chi rất nhiều tiền để được yên thân làm ăn.

Dưới thời Liên Xô cộng sản, vì có rất ít người nhập cư nên dân Nga vẫn chưa quen với sự có mặt của những người nước ngoài đến từ châu Á, châu Phi... Hiện nay, do cuộc sống đang còn nhiều khó khăn, nhiều khi "giận cá chém thớt" người Nga cho rằng những người nhập cư là một trong những nguyên nhân gây ra sự nghèo khó và hỗn loạn cho họ ?

Cũng vì quan niệm này mà cái nhìn của người dân lẫn chính quyền Nga với người nhập cư Việt Nam vẫn còn nhiều thiên kiến. Thật ra số người Việt nhập cư vào Nga không nhiều, không kể những người đến từ các nước Trung Á thuộc Liên Xô cũ, hiện nay có khoảng 200.000 người Việt làm ăn, sinh sống tại Nga. Mọi người đều chăm chỉ làm ăn, mục đích là kiếm tiền mà thôi, nhưng nhờ đó họ góp phần thúc đẩy giao thương, buôn bán, cung cấp một lượng hàng lớn phục vụ cho đại đa số những người có thu nhập thấp. Mọi người sinh sống hiền lành, không hề gây hại cho bất cứ ai... nhưng nếu có chuyện gì thì búa rìu dư luận luôn đổ lên đầu họ.

Một quan niệm sai lầm khác từ thời cộng sản còn sót lại là luôn coi giai cấp tư sản là kẻ thù của nhân dân, của chính quyền... Những người giàu có luôn bị coi là kẻ bóc lột, lừa đảo, hoặc có vấn đề... Chúng ta phải hiểu rằng giai cấp tư sản luôn là xương sống của mỗi quốc gia, kinh tế có phát triển hay không là nhờ vào sự năng động của giai cấp này : giai cấp tư sản.

Tại Nga, những cơ sở doanh nghiệp tư nhân không những ít được sự quan tâm của chính quyền, mà còn bị nhìn với ánh mắt soi mói, nghi ngờ. Chính vì thế ngành công nghiệp nhẹ của Nga phát triển chậm, gần 80% hàng may mặc phải nhập từ nước ngoài. Doanh nhân Nga, thay vì tổ chức sản xuất trong nước, tạo công ăn việc làm cho người dân, thì họ quay sang đi buôn, mua hàng ở Thổ, Trung Quốc... về bán lấy lãi. Lí do rất là đơn giản : họ không muốn là những con bò sữa. Không doanh nghiệp nào chịu đựng nổi những cuộc kiểm tra liên miên, tùy tiện và ngẫu hứng của các ban ngành liên quan như công an kinh tế, thuế, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh dịch tễ... thậm chí của cả các tổ chức maphia. Sau bất cứ cuộc kiểm tra nào, cuối cùng doanh nghiệp tư nhân cũng phải chi tiền, do đó họ rất thất vọng và chán nản...

Điển hình mới nhất là vụ bắt giữ nhà tỉ phú Khodorovsky, chủ tịch tập đoàn dầu lửa lớn nhất của Nga. Ông ta bị bắt giữ như một tên tội phạm thông thường, không cho tại ngoại dù đã đóng một số tiền rất lớn. Trong khi dư luận thế giới xôn xao, lo ngại thì, theo các cuộc thăm dò dư luận của báo chí Nga, đa số dân chúng ủng hộ chính quyền trong vụ bắt giữ này. Người ta bảo nhau không biết ông ta lấy đâu ra nhiều tiền thế, chắc là có vấn đề rồi. Bắt là phải. Còn về phía chính quyền thì ông phó thủ tướng tuyên bố rằng "Nước Nga sẽ không còn các nhà tài phiệt nữa...". Thật là vô lí và nực cười, chấp nhận kinh tế thị trường mà lại không chấp nhận các nhà tài phiệt !

Việt Nam ta đã rất "thành công" trong việc tiêu diệt giai cấp tư sản qua các cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc và cải tạo công thương ở miền Nam. Sau những đợt đó, đất

nước chúng ta kiệt quệ, bây giờ phải trải thảm đỏ đón các nhà đầu tư ngoại quốc và dành cho họ rất nhiều đặc quyền đặc lợi mà người Việt Nam không có, trong khi đó những doanh nghiệp tư nhân nội địa vẫn bị o ép, làm khó dễ... Ai cũng biết lượng tiền nhân rồi trong dân gian còn rất nhiều, nhưng do luật pháp không ổn định và rõ ràng, thay đổi xoành xoạch... nên không ai dám bỏ tiền đầu tư sản xuất. Cộng với nạn tham nhũng không còn cách gì để kiểm soát, chính quyền còn để cho nạn buôn lậu hoành hành, tràn lan... Hai tệ nạn này đang bóp chết sinh hoạt của những cơ sở sản xuất trong nước. Bộ thương mại còn "vô tư" cấp giấy phép nhập khẩu từ sắt thép đến cái tăm xỉa răng. Còn gì đau lòng hơn khi một đất nước với gần 3.000 km bờ biển mà phải nhập khẩu muối ?

Trở lại chuyện người Việt ở Nga, cho dù phải làm lụng vất vả nhưng nhiều người đã rất thành đạt trong kinh doanh, có tài sản và thu nhập rất lớn, có nhiều người tài sản lên đến vài chục triệu đôla. Đa số người Việt đều mang một phần tiền về Việt Nam đầu tư, vì để có cảm giác yên tâm và để giúp đỡ gia đình. Tuy vậy cũng có nhiều người mạnh dạn bỏ vốn thành lập những công ty tư nhân, các cơ sở sản xuất tại Nga. Những người đã trụ được thì lo tìm cách đem người nhà sang.

Đi Nga có lẽ là rẻ và đơn giản nhất, chỉ cần khoảng 2.000 USD là có hộ chiếu và chiếu khán nhập cư sang Nga. Có nhiều cách đi sang Nga, nhưng chủ yếu vẫn là đi du học, thăm thân, du lịch... Đến nơi rồi khi hết hạn thì họ tìm cách gia hạn chiếu khán nhập cư (visa), mua giấy phép lao động... Đơn giản nhất là sống bất hợp pháp, ra đường gặp công an thì chịu nộp tiền là xong, ở các khu chợ thì đã có các chủ chợ bao rôi. Không có gì để lo cho lắm.

Mục đích duy nhất của người Việt Nam ở Nga là kiếm tiền nên họ chỉ biết làm ăn, buôn bán mà thôi, họ không quan tâm đến gì khác. Không ai gia nhập các hội hè, đoàn thể gì cả, mọi người đều sống riêng lẻ, ai biết việc của người đó. Khi xảy ra chuyện gì thì họ chi tiền, thế thôi. Chi tiền để đổi lấy tự do, để được yên thân làm ăn.

Ước mong của họ cũng là bình thường, làm sao kiếm được nhiều tiền để mua một căn nhà ở thành phố, nếu được thì ở Hà Nội là tốt nhất. Sau đấy là tích lũy một số tiền để sau này về Việt Nam làm vốn buôn bán... Ai cũng mong cho bên nhà thay đổi, càng sớm càng tốt, đương nhiên là thay đổi về hướng dân chủ. Đời sống càng có tự do, kinh tế có cơ hội phát triển thì họ có nhiều cơ hội đầu tư hơn.

Mặc dù tâm lý coi đất Nga như một sân ga vẫn còn, nhưng cộng đồng người Việt tại đây đã, đang và sẽ mãi mãi tồn tại. Quốc hội Nga đang xem xét để thông qua bộ luật dành cho người nước ngoài. Những người đã đến nước Nga từ lâu, đặc biệt là những người sang theo diện "hợp tác lao động", sẽ có nhiều cơ hội để được phép định cư lâu dài. Dù sao thì ở Nga vẫn còn sướng chán so với Việt Nam, hơn nữa con cái họ lớn lên từng ngày, đang theo học ở các trường phổ thông, đại học... lớn nhỏ trên khắp nước Nga. Thế hệ thứ hai này sẽ dễ dàng hòa nhập hơn vào xã hội Nga, bởi được học hành tử tế, có hậu thuẫn kinh tế vững chắc của các bố mẹ đang miệt mài góp nhặt sớm hôm. Họ

luôn đặt hy vọng vào tương lai của con cái sau này, họ cố làm tất cả để cho con em mình được ăn học đến nơi đến chốn với mong muốn sau này sẽ không còn khổ nhục như bố mẹ của chúng.

Các sinh viên đang theo học ở các trường đại học lớn nhỏ được bố mẹ hoặc người thân bên này đầu tư rất chu đáo, nhiều sinh viên có điện thoại di động xịn, máy tính, thậm chí cả ô tô nữa... Hy vọng rằng, sau khi tốt nghiệp, những sinh viên này sẽ hỗ trợ lại cho cha mẹ mình, những người đã hy sinh tất cả cho tương lai của các em.

Mùa Xuân đang đến gần, ở Nga giờ đây đã có tất cả những gì của ngày Tết Việt Nam : bánh chưng, giò chả, pháo bông... Thiếu chẳng đó là những cành đào, cành mai và một không khí Tết ấm cúng nơi quê nhà...

Tết Nguyên Đán là những ngày lễ quan trọng đối với người Việt Nam ta. Nhưng than ôi, ở nước ngoài này đó chỉ là những ngày thường của người bản xứ, niềm vui nếu có chỉ là thoáng qua. Đối với những người buôn bán không may, nếu ngày Tết trúng vào ngày chợ phiên thì coi như... hết Tết. Những người có điều kiện tài chánh, hoặc dư dật chút ít thì về Việt Nam ăn Tết với người thân. Những người còn lại thì vẫn cặm cụi, miệt mài sớm hôm ngoài trời giá lạnh, để rồi giặt mình... mùa Xuân đã đến tự bao giờ ?

Mùa Xuân là mùa của ước mơ và hy vọng ! Vậy mùa Xuân ơi, hãy giúp ta biến những mơ ước kia, một đất nước Việt Nam phú cường và một dân tộc Việt Nam hạnh phúc, thành hiện thực.

Uông Toàn Phong (Moskva)

### *Nguyệt san* **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số  
(tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

**Tại Pháp** : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Giá một năm báo là 35 Euros. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

**Tại Đức** : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Giá một năm báo là 35 Euros. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 0077708294 - Bankleitzahl : 50190000.

**Tại Hòa Lan** : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Giá một năm báo là 35 Euros. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

**Tại Anh** : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

**Tại Hoa Kỳ** : Thong Luan, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Quan My Lan*. E-mail : [qml@thongluan.org](mailto:qml@thongluan.org).

**Tại Úc** : Sơn Dương, 36 Clarence Street, Condell Park, NSW 2200. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (Báo Thông Luận).

# NHỮNG NGỘ NHẬN VỀ TINH THẦN ĐA NGUYÊN

Nguyễn Gia Thường

Nhiều lập luận cho rằng dân chủ đa nguyên sẽ đưa đất nước vào cảnh hỗn loạn "thập nhị sứ quân". Một số người khác còn cho rằng nhận thức chính trị của người Việt chưa đủ cao để áp dụng chế độ dân chủ đa nguyên, thậm chí còn quyết đoán rằng trình độ dân trí của người Việt quá thấp để có thể hiểu thế nào là dân chủ, đó là chưa nói đến đa nguyên. Qua những nhận định này, có một thiếu sót lớn trong xã hội Việt Nam : sự vắng mặt của thành phần trí thức trong việc nâng cao dân trí. Đổ lỗi cho dân trí thấp kém là thái độ trốn tránh trách nhiệm của người trí thức.

Về đa nguyên, người ta thường nghĩ đến đa đảng, nghĩa là nhiều phe nhóm, nhiều tranh cãi, nhiều quyền lợi cấu xé lẫn nhau, mà ít ai biết đến đa nguyên là một tinh thần, cần được bồi đắp và xây dựng. Gần đây thế giới đã khám phá thêm những nguyên lý của đa nguyên để áp dụng vào đời sống xã hội và chính trị.

## Thế nào là đảng chính trị ?

Trước khi đi sâu vào việc phân tích tinh thần đa nguyên, tưởng cũng nên nhắc lại một câu mà phần đông người Việt thích dùng làm khuôn mẫu trong phép hành xử chính trị, đó là : *"thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ"*.

Trong sinh hoạt chính trị, để đem lại cơm no, áo ấm cho người dân và xây dựng xứ sở, những người làm chính trị chắc chắn phải kinh qua giai đoạn "thành ý chánh tâm", tức giai đoạn xây dựng cho mình một "cơ sở tư tưởng", một hướng đi nghĩ rằng đúng đắn nhất. Sang giai đoạn "tu thân" cổ nhân không nói rõ phải mất bao nhiêu năm để hoàn tất, nhưng trong thực tế con người phải luôn luôn tu thân cho đến khi từ già cõi đời. Như vậy phải hiểu là trong tiến trình tu thân có phần xây dựng tổ chức.

Nhưng muốn biến ý tưởng trở thành hiện thực thì phải làm sao ? Để trả lời cho câu hỏi này, có lẽ phải tìm hiểu lý do phát sinh ra những hệ thống đảng phái.

Khi xác quyết sự bất đồng quan điểm và tính đa dạng của tư tưởng là những yếu tố cần thiết của cơ cấu xã hội và nhà nước, mọi người đều hiểu ngầm rằng cơ cấu chính trị của nhà nước bao gồm những thành viên của các đảng phái và cũng là những nhân tố của xã hội. Trong lòng các tổ chức luôn có những nhóm tranh đua gay gắt với nhau. Trong ngôn ngữ chính trị người ta gọi là phe phái (factions).

Nhưng phe phái làm sao biến thành đảng phái ? Danh xưng thay đổi thì bản chất cũng phải thay đổi theo.

Danh xưng "đảng" xuất hiện vào đầu thế kỷ thứ 18. Lần đầu tiên, qua bài tham luận *"Thoughts On The Cause of Present Discontents"* (Một vài suy nghĩ về nguyên do những bất đồng hiện tại) năm 1770, ông Edmund Burke khẳng định rằng các đảng không những cần thiết mà còn "đáng quý trọng" (respectables). Ông định nghĩa "đảng

*phái là một tập thể những cá nhân, cùng chung một mục đích và lòng cam kết, kết hợp lại nhằm phát triển những quyền lợi của quốc gia, trên căn bản một nguyên tắc đặc thù mà họ đều đồng ý"* (1).

Ông Burke đã phân biệt rõ rệt đảng phái và phe phái. Theo ông, phe phái biểu tượng cho "một cuộc tranh giành nhỏ mọn và tham lam mong tìm kiếm địa vị và bổng lộc", trong khi đảng phái là những "mối dây liên lạc đáng kính" (honorable connections). Việc chuyển hoá từ giai đoạn phe phái sang đảng phái hàm chứa tinh thần đa nguyên. Các đảng phái phải được xem là thành phần của một tổng thể, những thành tố tích cực của xã hội, chính vì vậy độc đảng phản lại tinh thần đa nguyên. Đa nguyên và đa đảng phát sinh cùng một lúc. Các đảng phái là sản phẩm của đa nguyên. Đa nguyên cho phép sự hình thành của các đảng chính trị.

Tại Việt Nam, đảng cộng sản đã trụ quá lâu và cũng là đảng duy nhất cầm quyền. Đảng cộng sản đã không thực hiện được sứ mạng của một đảng chính trị, do đó đã đưa dân tộc Việt Nam vào sự kém cỏi đáng lý không thể có vì tinh thần cần mẫn của người Việt. Ngày nay khi sử dụng danh từ đảng, người ta nghĩ ngay đến đảng cộng sản, với tất cả những sự tàn ác của nó trong quá khứ và ngay trong hiện tại. Do đó danh từ đảng dưới nhãn quan của người Việt mang một ý nghĩa xấu. Khi đề cập đến chữ đảng, người ta đồng hóa nó với những thủ thuật, thủ đoạn bẩn thỉu của đảng cộng sản như làm áp lực, đe dọa, ám sát, thủ tiêu...

Phải phục hồi lại ý nghĩa nguyên thủy tốt đẹp của danh từ "đảng" mà Burke đã dành cho nó. Đảng là một bước cần thiết để một kết hợp những con người cùng chia sẻ một mục đích chung thực hiện dự án chính trị của tổ chức mình.

## Đa nguyên trên bình diện tư tưởng, xã hội và chính trị

Nếu hiểu đa nguyên là nhiều, nghĩa là hơn một, thì chúng ta đã tự giới hạn sự hiểu biết của mình. Cần phân biệt đa nguyên trên ba bình diện :

### 1. Tinh thần đa nguyên

Phong hóa đa nguyên là phong hóa thế quyền đối nghịch với phong hóa thần quyền, mà đã là thế quyền thì không thể nào nhất nguyên được. Phong hóa thần quyền thì ngược lại, nó hàm chứa một chân lý duy nhất, mang tính nhất nguyên.

Phong hóa đa nguyên dựa trên tinh thần bao dung. Đa nguyên chủ trương đa dạng hơn là đồng dạng, bất đồng hơn là đồng thanh, thay đổi hơn là ù lì. Đa nguyên tôn trọng sự đa dạng của những nền văn hóa khác biệt, nhưng không nhất thiết tạo thêm những dị biệt mới. Đa nguyên hỗ trợ và bảo tồn một xã hội mở, không khép kín. Đa nguyên giữ

gìn sự ổn định, không tạo hiểm khích giữa các nền văn hóa.

Tinh thần đa nguyên đòi hỏi một sự tương kính hồ tương, vì phát xuất từ tinh thần bao dung, do đó đối nghịch hoàn toàn với tinh thần nhất nguyên, mang tính bất bao dung (không công nhận hay hận thù sự khác biệt, cộng vào đó là sự ngạo mạn tự xem mình vượt trội trên hết mọi nếp tư duy, mọi văn hóa khác). Tinh thần đa nguyên cố gắng tạo cơ hội phát triển đồng đều cho mọi "thực thể" biết tự trọng và có tinh thần tương kính hồ tương, nghĩa là không có tình trạng "thập nhị sứ quân", mạnh được yếu thua, được làm vua thua làm giặc, khi áp dụng vào thực tế.

Sự tách biệt văn hóa và kỳ thị văn hóa dẫn đến bộ tộc hóa, nghĩa là thu nhỏ và biến văn hóa của cả một nước thành văn hóa của riêng bộ tộc mình. Sự kiện này giống như đảng cộng sản bắt mọi thành phần xã hội phải theo chế độ xã hội chủ nghĩa, là một phần lại tinh thần đa nguyên.

Đa nguyên tạo nên sự hài hòa giữa các thành phần trong xã hội nên không thể có sự hỗn loạn như mọi người lầm tưởng. Chính đảng cộng sản cầm quyền hiện nay đang ngụy biện cho rằng đa nguyên dẫn đến hỗn loạn để duy trì chế độ độc đảng, bảo vệ quyền lợi của thiểu số cầm quyền, bất chấp và chà đạp quyền lợi của những thành phần xã hội khác của Việt Nam. Chính những bất công này sẽ là mầm mống của một cuộc nội loạn, có thể sẽ rất đẫm máu, do chính đảng cộng sản gây nên.

## 2. Đa nguyên trên bình diện xã hội

Khi áp dụng đa nguyên vào xã hội, không nên hiểu là nó phân hóa xã hội theo thứ bậc, giai cấp hoặc đẳng cấp. Vì không thể nào có được một xã hội trong đó tất cả mọi thành phần đều thực sự bình đẳng với nhau, trừ trong những tiểu thuyết hoang tưởng. Không phải xã hội nào cũng có đa nguyên, tất cả mọi xã hội đều có sự phân chia và luôn có bất bình đẳng. Tinh thần đa nguyên tìm cách giảm thiểu những bất bình đẳng đó.

Đa nguyên không phải là một danh từ dùng để thay thế "sự phức tạp của cơ cấu" (complexité structurelle), nó là mô hình đặc biệt của cơ cấu xã hội. Một xã hội bị phân chia ra thành từng mảnh nhỏ không phải là một xã hội đa nguyên. Xã hội đa nguyên gồm nhiều hiệp hội đa dạng, nhưng những hiệp hội này phải được thành lập theo tinh thần "tự nguyện", nghĩa là không có sự ép buộc hay thừa kế, và nhất là không có tính biệt lập. Những hiệp hội đa dạng này có tính cởi mở, tiếp nhận những khuynh hướng khác biệt, nghĩa là có sự liên lập. Một xã hội đa khối (multigroupe) là một xã hội đa nguyên nhưng những khối này không được tạo dựng một cách máy móc trong sự cưỡng ép, dù dưới bất cứ hình thức nào. Hiểu như vậy thì cách tổ chức của các xã hội Phi châu hiện nay không phải là một xã hội đa nguyên và hệ thống đẳng cấp của Ấn Độ không phải là một hệ thống xã hội đa nguyên. Sự thiếu vắng giao lưu văn hóa là một tiêu chuẩn để đo lường tính đa nguyên của xã hội đó. Tất cả những xã hội xây dựng chung quanh ý niệm bộ tộc, sắc tộc, đẳng cấp, tôn giáo, hoặc bất cứ nhóm nào mang tính cách truyền thống đều không được coi là những xã hội đa nguyên.

Đa nguyên chỉ được thực hiện khi những làn ranh phân chia các cộng đồng, dưới bất cứ hình thức nào trong một nước, không còn nữa. Khi hố ngăn cách giữa các thành phần xã hội ngày càng sâu rộng thêm, một số thành phần xã hội đó sẽ tìm cách kết hợp với nhau trên căn bản sắc tộc, tôn giáo hoặc ngôn ngữ, và tìm cách áp đặt quyền lực của mình trên những thành phần khác ; lúc đó xã hội đa nguyên mất đi bản thể, nhường chỗ cho những thế lực cực đoan mới chiếm dần ưu thế để trở thành nhất nguyên. Chủ trương chỉ có dân tộc ta là nhất, như thời Đức quốc xã của Hitler, đã đưa đến phong trào hủy diệt dân Do Thái. Chủ trương chỉ có tôn giáo ta là duy nhất đã đưa đến những cuộc thánh chiến khốc liệt nhất, đến nay vẫn chưa dứt.

## 3. Tinh thần đa nguyên trong lãnh vực chính trị

Trong lãnh vực này tinh thần đa nguyên hàm chứa một sự phân quyền dựa trên căn bản đa dạng của những nhóm độc lập nhưng không biệt lập. Xin nhắc lại, nhờ tinh thần đa nguyên chính trị mà các phe phái đã trở thành những đảng phái với tất cả ý nghĩa tốt đẹp của nó.

Triết lý đa nguyên ảnh hưởng đến thỏa hiệp và tranh chấp. Khi một cuộc tranh chấp biến thành một cuộc chiến, tinh thần đa nguyên không còn được tôn trọng nữa, mọi cuộc tranh cãi chấm dứt nơi đây. Trọng điểm của thế giới đa nguyên là đi tìm những đồng thuận giữa những quan điểm bất đồng và thỏa hiệp giữa những xung đột quyền lợi.

Tương quan giữa tinh thần đa nguyên và nguyên tắc đa số (majority rule) cũng cần minh định lại. Đa nguyên từ chối và không chấp nhận sự áp đảo và tính độc đoán của đa số. Điều này không có nghĩa là từ bỏ nguyên tắc đa số trong việc thi hành và ban hành quyết định, một tiêu chuẩn trong sinh hoạt dân chủ. Đa nguyên đảm bảo nguyên tắc đa số giới hạn, nghĩa là đa số phải tôn trọng thiểu số ; như vậy quyền lực của đa số nằm trong giới hạn của tinh thần đa nguyên.

Đa nguyên ngay từ ban đầu tách biệt thế giới thế quyền và thần quyền để không ai có toàn quyền sinh sát trên người dân. Với thời gian, những giới hạn này ngày càng quan trọng hơn nhường chỗ cho những tranh đấu chính trị ôn hòa bảo đảm tính mạng và tài sản của những người tranh chấp. Nói cách khác, kẻ thua cuộc có thể an tâm về nhà mà không sợ bị ám hại.

## Tinh thần bao dung, giao ước thỏa thuận và các cộng đồng

Muốn hiểu tinh thần đa nguyên cũng cần phải hiểu tinh thần bao dung, tinh thần thỏa hiệp, sự bất đồng và sự xung đột. Tinh thần bao dung không cho phép chúng ta có thái độ thờ ơ, lãnh đạm vì sẽ không có phản ứng. Nhưng bao dung không phải là ba phải, chấp nhận dễ dàng những sai lầm không cần cơ. Ông J-R. Lucas giải thích như sau : "*Tinh thần bao dung luôn ở thế căng thẳng và không thể nào toàn diện được. Khi một người đã bám víu vào một điều gì, người đó sẽ cố gắng tìm cách thực hiện điều đó ; nếu không chúng ta không tin người đó. Nhưng người đó cũng không tìm cách*

thực hiện điều này bằng mọi cách, với bất cứ giá nào" (2).

Như vậy bao dung có thể co giãn đến mức độ nào? Có ba tiêu chuẩn để xét mức độ chịu đựng của bao dung. Thứ nhất phải tìm ra những nguyên do dẫn đến bất bao dung, nghĩa là không cho phép giáo điều (dogmatisme), vì giáo điều luôn luôn bất bao dung. Thứ hai là "nguyên tắc không được hãm hại" (the harm principle), nghĩa là không dung túng những tác phong gây thiệt hại và di hại cho người khác. Thứ ba là sự hỗ tương, tinh thần "có qua có lại", vì khi bày tỏ tinh thần bao dung ai cũng mong đối tác cũng hành xử tương tự như vậy (3).

Về những giao ước hay những thỏa thuận, chúng ta có thể nhận diện rõ rệt đây là một sự chấp nhận đơn giản, một đồng thuận có ý thức, không phải là một sự tán đồng hay hỗ trợ tự nhiên. Đây là một sự chia sẻ, dưới hình thức này hay dưới hình thức khác, nhằm tạo lập một sợi dây liên kết. Định nghĩa này biểu hiện rõ mối tương quan giữa ý niệm thỏa thuận và ý niệm cộng đồng. Cộng đồng cũng có thể được định nghĩa như một sự chia sẻ qua hình thức này hay hình thức khác để tạo nên một mối dây liên kết. Ngày nay chúng ta không thể định nghĩa đơn vị chính trị bằng danh từ Nhà nước-Quốc gia.

Phải trở về đơn vị nguyên thủy có trước sự hình thành của những cơ cấu xã hội chính trị, đơn vị đó chính là **cộng đồng**, mặc dù Nhà nước-Quốc gia vẫn là một yếu tố quan trọng. Nó được tạo lập vào thế kỷ thứ 19 và nó là nguyên tắc tổ chức và thống nhất của quốc gia ngày nay, đặc biệt là tại Âu châu. Những quốc gia vào thời Trung Cổ phần đông được cấu tạo trên cơ cấu ngôn ngữ. Quốc gia Đức bao gồm những ai nói tiếng Đức và cứ như thế mà quốc gia được phân định. Nhà nước-Quốc gia là một ý niệm được tạo dựng vào thời cực thịnh của phong trào Lãng Mạn (Romantisme) và được coi là một thực thể không chỉ giới hạn ở yếu tố ngôn ngữ. Trong hình thức toàn vẹn của nó, ý niệm Nhà nước-Quốc gia là một thực thể hữu cơ (entité organique), thể hiện qua "tinh thần dân tộc", được thấm nhuần bởi "tinh thần ái quốc" và hơn thế nữa, trong hình thức cực đoan của nó, được thể hiện qua "huyết tộc", qua liên hệ sắc tộc. Trên căn bản này, "quốc gia" biến thành "chủ nghĩa quốc gia". Những Nhà nước-Quốc gia xuất hiện ở Âu châu trong những năm 1830 và 1848 đã tự xác định vị thế của mình qua yếu tố ngôn ngữ và lòng ái quốc. Quốc gia là một ý chí thể hiện tinh thần độc lập thay thế cho những tập hợp quy tụ xung quanh một lãnh chúa hay một triều đại. Với sự thành lập của Nhà nước-Quốc gia, việc chuyển nhượng "nhân dân" hay "dân tộc", được xem như những thành phần thua cuộc hay là tội tở của một vương chúa, không thể xảy ra nữa.

Ngày nay Nhà nước-Quốc gia không còn là yếu tố được bảo tồn như một đơn vị tối ưu về địa lý chính trị (géopolitique), vì nó đang tan biến ngay trong nội bộ một nước và trên phương diện toàn cầu. Ý niệm "cộng đồng quốc gia" càng suy yếu bao nhiêu, người ta cần phải trở về ý nghĩa nguyên thủy của một cộng đồng. Khi một siêu cơ cấu, một quốc gia, một đế quốc, hoặc một triều đại sụp đổ, người ta thường trở về cơ cấu nguyên thủy của một cộng

đồng, trong đó người ta dễ dàng kết hợp lại với nhau để được nhập thuộc (appartenance).

Vì vai trò và chỗ đứng của Nhà nước-Quốc gia bị công phá từ mọi phía, và vì Việt Nam chưa xây dựng xong một quốc gia đúng nghĩa, quan niệm về đất nước phải như thế nào? Đó là một không gian liên đới giữa những con người hiểu nhau, quý trọng nhau và hợp tác với nhau để xây dựng và chia sẻ một tương lai chung. Một cách ngắn gọn, Việt Nam phải là đất nước xây dựng trên các cộng đồng (4).

#### 4. Việt Nam đã có đa nguyên chưa?

Hiện nay chính quyền cộng sản Việt Nam đang làm nhiều cố gắng để chứng tỏ với thế giới bên ngoài rằng Việt Nam là một nước đã có đa nguyên vì có đa chủng và đa văn hóa (5).

Đây cũng là một ngộ nhận về tinh thần đa nguyên, vì một nước đa chủng và đa văn hóa không đủ bảo đảm tinh thần đa nguyên. Muốn có đa nguyên phải có tinh thần bao dung, nghĩa là các cộng đồng phải tôn trọng và chấp nhận lẫn nhau. Trên thực tế, nhà nước cộng sản hiện nay, đại diện cho cộng đồng người Kinh, đang thi hành chính sách tiêu diệt và ép buộc các sắc tộc ít người phải từ bỏ tập tục, tập quán và những nét văn hóa đặc thù của mình để họ phải theo một khuôn mẫu có tính cách giáo điều của cái gọi là xã hội chủ nghĩa. Điều này hoàn toàn đi ngược lại tinh thần đa nguyên

Nhà nước cộng sản Việt Nam đã và đang tạo nên những mầm mống chia rẽ một ngày một trầm trọng trong các cộng đồng nhân tố cấu tạo của đất nước Việt Nam. Chính vì chủ trương giáo điều và từ đó chứng tỏ tinh thần bất bao dung nên Đảng Cộng Sản Việt Nam đã và đang gây nên những hận thù giữa các cộng đồng.

Khắc phục những di hại do Đảng Cộng Sản Việt Nam để lại là trọng trách nặng nề của thể chế dân chủ đa nguyên tương lai Việt Nam.

**Nguyễn Gia Thuồng** (Bruxelles)

#### Chú thích :

(1) "*Party is a body of men united, for promoting by their joint endeavours the national interest, upon some particular principle in which they are all agreed*", trích *The Works of Edmund Burke*, Boston, Little Brown, 1839, Vol.1, p.425-426, [www.econlib.org](http://www.econlib.org).

(2) *The Principles of Politics*, J.R.Lucas, Oxford, Clarendon Press, 1985, p.296-301.

(3) *Pluralisme, Multiculturalisme et Etrangers*, Giovanni Sartori, Edition des Syrtes, 2003.

(4) *Thành Công Thế Kỷ 21- Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên*, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, Paris, 2001.

(5) *Vietnam, pays pluri-ethnique et pluri-culturel*, Nguyễn Văn Huy et Lưu Hùng (trích tập san "*Vietnam - Art et Cultures de la préhistoire à nos jours*") (Việt Nam, Nghệ thuật và Văn hóa từ thời tiền sử đến nay) phát hành trong cuộc triển lãm do các Viện bảo tàng Nghệ thuật và Lịch sử Bruxelles tổ chức từ ngày 17-12-2003 đến 29-2-2004.

# Tại sao ta biết những điều ta biết, và việc thực thi dân chủ

Phan Tùng Chính

Mục đích của bài này trước hết tìm xem tại sao chúng ta biết những điều chúng ta biết và sau đó tìm xem ảnh hưởng của câu trả lời câu hỏi này với việc thực thi dân chủ.

Phần đầu của bài bàn về câu hỏi tại sao ta biết những điều ta biết. Phần này sẽ bàn đến những lí do để có thể biết một điều nào đó - điều biết này có thể do tự học hỏi hay do được giáo dục hay do môi trường xã hội - thật hay không thật, và về những lí do làm cho việc biết của chúng ta bị ảnh hưởng, trở thành không chính xác. Phần này dựa vào ý của Richard Dawkins.

Phần tiếp theo bàn về ảnh hưởng của câu trả lời câu hỏi trên với việc thực thi dân chủ. Phần này bàn về ảnh hưởng của câu trả lời đó trong việc thảo luận, một phương cách để thực thi dân chủ, và đối với việc loại bỏ những thành kiến nguy hại làm thương tổn đến niềm tin, một điều kiện cần cho việc thảo luận.

## 1. Tại sao ta biết những điều ta biết

Có bao giờ chúng ta tự đặt câu hỏi tại sao ta lại biết những điều ta đang biết? Thí dụ tại sao chúng ta biết những vì tinh tú trông chỉ nhỏ như những đầu kim đan trên bầu trời, thực sự lại là những khối lửa tròn khổng lồ y như mặt trời và ở rất xa chúng ta? Và làm thế nào chúng ta lại biết trái đất là một quả cầu tròn nhỏ hơn và quay quanh một trong những vị tinh tú ấy, đó là mặt trời?

Câu trả lời cho những câu hỏi ấy là: vì đã được chứng minh như vậy, vì có bằng chứng là như vậy. Có khi bằng chứng là việc chúng ta nhìn thấy (hoặc nghe thấy, sờ thấy, ngửi thấy, và vân vân) điều đó thực sự như vậy. Các phi hành gia đã đi ra ngoài trái đất khá xa và nhìn thấy tận mắt trái đất tròn. Và đôi khi chúng ta cũng phải dùng cái gì đó để trợ giúp cho mắt của chúng ta một chút. Sao hôm nhìn bằng mắt thường trông giống một vì sao sáng lấp lánh, nhưng nhìn với viễn vọng kính thì điểm sáng ấy là một trái banh tuyệt đẹp. Đó là hành tinh mà ta gọi là Venus. Nếu chúng ta biết được một điều gì do chúng ta trực tiếp nhìn (hoặc nghe, sờ, và vân vân) thì chúng ta nói là quan sát thấy.

Thường thường không phải chỉ một quan sát là có ngay được một bằng chứng, mà phải nhiều quan sát mới có được một bằng chứng. Nếu có một vụ giết người thì thường không có ai (trừ sát nhân và nạn nhân) quan sát thấy sự kiện xảy ra như thế nào. Cảnh sát có thể sẽ thực hiện nhiều loại quan sát khác nhau để tìm ra thủ phạm. Nếu dấu tay của một người nào đó giống dấu tay trên cán dao thì đó là một bằng chứng ông ta đã dùng con dao này. Đó chưa phải là bằng chứng quyết định ông ta đã sát nhân. Nhưng kết hợp với các bằng chứng khác thì có lẽ đúng là ông ta đã sát nhân. Một thám tử có thể nghĩ ra một số quan sát và thấy rằng những quan sát này ăn khớp và phù hợp hoàn

toàn với nhau như người này và người kia đã thực hiện việc sát nhân.

Các nhà khoa học - muốn nói là các chuyên viên tìm sự thật trên thế giới xung quanh chúng ta và trong vũ trụ - thường làm việc như các nhà thám tử. Họ cố gắng đoán xem cái này hợp với cái kia như thế nào (họ gọi là một giả định hay một giả thuyết). Và họ tự nói: nếu cái này đúng thì chúng ta phải nhìn thấy như thế này như thế kia. Đó là điều kiện đầu tiên. Thí dụ chúng ta giả sử rằng trái đất tròn, chúng ta có thể tiên đoán là một người đi theo cùng một hướng nhất định trên trái đất sẽ đi đến vị trí khởi hành ban đầu. Nếu một bác sĩ nói rằng một người nào đó bị lên sởi thì không phải ông ta chỉ cần coi người đó một lần là biết người đó bị lên sởi. Ông ta coi người đó và đặt giả thuyết: có lẽ người này bị lên sởi. Và ông ta tự nghĩ: nếu người này lên sởi thì phải nhìn thấy cái này cái kia và ông ta bắt đầu quan sát kĩ lưỡng những giả định ấy: lấy mắt quan sát xem có các vết đỏ ở trên da không, lấy tay sờ xem trán có nóng sốt không và lấy tai nghe xem phổi có thở khò khè như những người bị lên sởi không. Sau đó ông ta mới quyết định và nói: "*Định bệnh của tôi là đứa bé này bị lên sởi*". Đôi khi bác sĩ còn cần những khám nghiệm khác, thí dụ thử máu hay chụp hình quang tuyến X. Nhờ đó ông ta có thêm nhiều quan sát hơn bên cạnh những quan sát ông đã thấy bằng mắt, tay và tai.

Cách mà các nhà khoa học sử dụng các bằng chứng để biết về thế giới còn thông minh hơn và phức tạp hơn việc tôi có thể giả thích ngắn gọn trong bài này. Nhưng bây giờ tôi không muốn nói thêm về các bằng chứng, luôn luôn là những lí do xác đáng để chúng ta có thể tin một cái gì đó, mà tôi muốn cảnh giác về ba lí do sai lầm đã làm cho chúng ta tin. Đó là truyền thống, uy quyền và mặc khải (revelation).

Tôi bắt đầu với lí do truyền thống. Một vài tháng trước đây tôi đã coi trên TiVi một cuộc thảo luận của khoảng 50 em. Các em này được mời vì các em được giáo dục theo các tôn giáo khác nhau. Một số em được giáo dục theo Thiên Chúa giáo, các em khác theo Do Thái giáo, Hồi giáo hoặc Ấn Độ giáo. Người đàn ông điều khiển chương trình cầm ống nói đi ngang qua tất cả các em và hỏi các em về những điều các em tin. Các câu trả lời của các em cho thấy đúng như điều tôi muốn ám chỉ về truyền thống. Các em lập lại theo cùng một điệu những gì bố mẹ và ông bà đã nói là thật dù những cái ấy không dựa vào bằng chứng nào. Các em nói: "*Chúng tôi, tín đồ Ấn Độ giáo, tin điều này và điều kia*" hay "*Chúng tôi, những người Hồi giáo, tin như thế này thế nọ*" và "*Chúng tôi, những người Ki-tô giáo, tin điều ấy không giống như vậy*".

Các em tin tất cả khác nhau, như vậy các em không thể đều có lí cả. Người điều khiển chương trình không tỏ ra kinh ngạc chút nào và hoàn toàn không thấy khó khăn để



cho các em trao đổi với nhau về những khác biệt ấy. Nhưng với tôi thì khác. Tôi muốn biết về nguồn gốc của những tin tưởng ấy. Và đó là truyền thống. Truyền thống bao gồm việc cha mẹ trao truyền những điều mình tin tưởng cho con cái. Rồi đến lần chúng, chúng lại trao truyền cho con cái chúng và vân vân. Hoặc qua những sách vở mà người ta đã lưu truyền cho nhau hàng nhiều thế kỉ. Những tin tưởng truyền thống thường không dựa vào cơ sở nào. Có lẽ chúng được người nào đó nghĩ ra vào một thời điểm nào đó như các truyện về Thor và Zeus. Nhưng sau khi chúng đã trải qua một vài thế kỉ thì chúng bắt đầu trở thành đặc biệt chỉ vì chúng cổ xưa. Con người thường tin nhiều điều với lí do đơn giản là người ta đã tin những điều đó nhiều thế kỉ rồi. Đó là truyền thống.

Một vấn đề liên quan đến truyền thống là một câu chuyện vào lúc nghĩ ra, có thể thật hoặc không thật, sẽ trở thành không còn khác biệt nữa nếu nó càng có gốc gác xa xưa. Mà trong thực tế một câu chuyện không thật sẽ không thể trở thành thật vì nó được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Ở Âu châu nhiều người cho mình là tín đồ Thiên Chúa giáo. Nhưng trong khối Thiên Chúa giáo này lại có nhiều phái. Chúng ta có Thiên Chúa giáo La Mã, Tin Lành Calvin, Tin Lành Luther, Anh giáo, Chính Thống giáo Nga và còn nhiều trào lưu khác nữa. Và trong những trào lưu này người ta cũng tin hơi khác nhau. Do Thái giáo và Hồi giáo lại còn khác nữa và trong các tôn giáo này cũng có những khuynh hướng khác nhau. Những điều người ta tin không khác nhau bao nhiêu nhưng người ta đánh nhau sống chết vì những khác biệt nhỏ nhoi này. Có lẽ người ta nghĩ người ta có những lí do chính đáng - bằng chứng - để tin những điều ấy. Nhưng trong thực tế những niềm tin của họ khác biệt nhau chỉ vì đặt cơ sở trên những truyền thống khác biệt.

Bây giờ chúng ta thử xem một điểm của truyền thống ấy. Những người Công giáo La Mã tin là Đức Bà Maria, mẹ của Chúa Giê-su, thật đặc biệt đến nỗi không bị chết mà lại lên trời cả hồn lẫn xác. Các truyền thống Thiên Chúa giáo khác không đồng ý điểm này. Họ nói Đức Bà Maria đã chết như tất cả những người khác. Các tôn giáo khác không quan tâm đến Bà và không gọi Bà là "Nữ Vương Trên Trời" như những người Công giáo. Truyền thống nói rằng Đức Bà Maria cả hồn và xác lên trời có chưa lâu lắm. Kinh thánh không nói gì về thời điểm hoặc cách thức Đức Bà đã chết. Người đàn bà khốn khổ ấy rất ít được nhắc đến trong kinh thánh. Niềm tin xác của Đức Bà lên trời mới chỉ bắt đầu hiện hữu vào khoảng sáu thế kỉ sau thời của Chúa Giê-su. Đầu tiên đó chỉ là một truyện tưởng tượng thông thường cũng giống như truyện tưởng tượng về công chúa Bạch Tuyết. Nhưng theo dòng thời gian của nhiều thế kỉ thì câu chuyện này trở thành truyền thống và người ta bắt đầu tin là thật vì nó đã được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Truyền thống càng lâu đời thì càng nhiều người tin truyền thống ấy là thật. Cuối cùng truyện ấy mới chỉ được người Công giáo công nhận chính thức thành một tín điều gần đây thôi, vào năm 1950.

Nhưng câu chuyện vào năm 1950 cũng không thật hơn câu chuyện lúc mới được nghĩ ra, 6 thế kỉ sau ngày Đức Bà Maria mất.

Vào cuối bài này tôi sẽ trở lại khái niệm truyền thống và bàn dưới khía cạnh khác. Nhưng trước hết tôi còn phải bàn về hai lí do sai lầm khác đã khiến chúng ta tin. Đó là uy quyền và mặc khải.

Tin dựa vào uy quyền có nghĩa là tin một điều gì đó vì một nhân vật quan trọng đã nói chúng ta phải tin. Trong giáo hội Công giáo La Mã, giáo hoàng là người quan trọng nhất. Người ta tin ngài có lí chỉ bởi vì ngài là giáo hoàng. Trong một chi nhánh của Hồi giáo thì những người đàn ông già có bộ râu rậm rạp được gọi là ayatollah là những người quan trọng. Nhiều tín đồ Hồi giáo ở trên toàn thế giới sẵn sàng giết người chỉ vì các vị ayatollah ở một nước xa xôi nào đó đã nói họ phải làm điều đó.

Khi tôi nói những người Công giáo La Mã chỉ mới được nghe vào năm 1950 là họ phải tin xác của Đức Bà Maria đã lên trời, tôi muốn nói giáo hoàng đã nói vào năm 1950 là người ta phải tin điều ấy. Chấm hết. Giáo hoàng đã nói rằng điều đó đúng tức là điều đó phải đúng. Có lẽ trong cuộc đời của giáo hoàng, ngài đã nói một số điều đúng mà cũng có một số điều không đúng. Không có những lí do xác đáng nào để biện hộ cho việc tại sao chúng ta phải tin tất cả những gì giáo hoàng đã nói chỉ vì ngài là giáo hoàng đang khi chúng ta không cần phải tin những phát biểu của tất cả những người khác. Giáo hoàng hiện tại đã ra chỉ thị cho các tín hữu không được hạn chế sinh đẻ theo các phương pháp nhân tạo. Nhưng nếu mọi người đều tuân phục ngài một cách nô lệ như ngài muốn thì sẽ xảy ra không biết bao nhiêu nạn đói kém khủng khiếp, dịch hạch và chiến tranh là hậu quả của nạn nhân mãn.

Dĩ nhiên trong khoa học chúng ta thường không thể chính mắt nhìn thấy điều gì đó đúng và chúng ta phải tin vào lời một người nào đó. Thí dụ tôi chưa bao giờ chính mắt nhìn thấy bằng chứng tốc độ vận hành của ánh sáng là 300.000 cây số một giây, nhưng tôi tin điều đó đúng vì tôi đã đọc thấy trong sách. Như vậy, hình như tôi đã chấp nhận một điều gì đó dựa vào uy quyền của người đã viết quyển sách ấy. Nhưng trên thực tế tôi có nhiều cơ sở để chấp nhận điều đó đúng vì người viết sách đã nhìn thấy bằng chứng và vì mọi người muốn nhìn bằng chứng này đều được tự do để tham khảo kho tàng bằng chứng ấy. Điều đó làm cho việc tin này thành đáng tin. Nhưng ngay cả các linh mục cũng không cho thấy là có một bằng chứng nào đó để xác quyết chuyện Đức Bà Maria đã lên trời cả hồn lẫn xác.

Lí do sai lầm thứ ba để chúng ta tin một điều gì, đó là mặc khải. Nếu chúng ta hỏi giáo hoàng lúc ấy vào năm 1950 là làm thế nào ngài biết Đức Bà lên trời cả xác thì có lẽ ngài sẽ nói là ngài đã được mặc khải điều đó. Là ngài đã ở trong phòng một mình và cầu nguyện để xin soi sáng. Là ngài đã tự suy nghiệm kĩ lưỡng và dần dà tự thâm tâm ngài càng ngày càng thấy chắc chắn về sự việc này. Khi các người theo một tôn giáo nào đó có cảm giác một điều gì đó đúng, dù không có một bằng chứng nào thì người ta

gọi cảm giác ấy là mặc khải. Không phải chỉ có các giáo hoàng mới xác quyết các ngài nhận được mặc khải, mà nhiều người theo đạo khác cũng xác quyết họ được mặc khải. Đó là một trong những lí do quan trọng nhất để người ta tin những sự việc mà người ta tin. Nhưng đó có phải là lí do đúng không ?

Già sử tôi nói với bạn rằng con chó Vện của bạn đã chết. Có lẽ bạn sẽ rất buồn và hỏi : "*Anh có biết chắc chắn không ? Làm sao anh biết ? Và việc đó xảy ra như thế nào ?*". Và già sử tôi lại nói : "*Sự thực tôi không biết chắc chắn con chó Vện chết*". Tôi không có bằng chứng nhưng tôi có linh cảm nó chết". Có lẽ bạn sẽ hơi giận tôi vì tôi đã làm cho bạn hoảng sợ bởi vì bạn biết linh cảm tự nó không phải là lí do xác đáng để tin con chó chết. Bạn muốn thấy hoặc nghe được bằng chứng. Chúng ta, ai cũng có lần có linh cảm về một cái gì đó, đôi khi linh cảm đó đúng với thực tế nhưng đôi khi sai. Chúng ta có thể nói trong mọi trường hợp, rằng mọi người có thể có những linh cảm trái nghịch nhau. Nhưng làm sao chúng ta có thể quy định ai có linh cảm đúng ? Cách độc nhất để chúng ta có thể biết chắc chắn con chó có chết không, là chúng ta nhìn thấy nó chết hoặc nghe thấy tim nó không còn đập nữa hoặc nghe ai đã thấy bằng chứng hoặc nghe nó chết.

Đôi khi người ta nói rằng chúng ta phải tin những gì chúng ta cảm nhận ở sâu trong nội tâm của chúng ta vì nếu làm khác chúng ta sẽ không bao giờ có thể tin tưởng vào những ý tưởng như "vợ tôi yêu tôi". Nhưng đó không phải lí do xác đáng. Có thể có khá nhiều bằng chứng về việc một người nào đó yêu chúng ta. Nếu chúng ta ở bên một người nào đó yêu chúng ta, chúng ta sẽ thấy vô số việc nhỏ, các loại bằng chứng nhỏ nhỏ. Đó chẳng phải chỉ là cảm nhận trong nội tâm như cảm nhận mà vị linh mục gọi là mặc khải. Ở thế giới bên ngoài có những sự việc xác định cảm nhận nội tâm. Thí dụ một ánh mắt hoặc một giọng nói nhẹ nhàng, những cử chỉ dịu dàng mà người nào đó dành cho chúng ta. Đó là tất cả những mẫu bằng chứng thật.

Trong cuộc sống vợ chồng, khi có một người có một cảm nhận thật mạnh là người kia yêu người khác hơn mình và họ tin thật như vậy dù không có bằng chứng thì có lẽ họ sẽ đi đến một kết cục sai lầm. Có những người tin tưởng rằng một tài tử nổi tiếng yêu họ trong khi tài tử này chưa bao giờ gặp họ. Những người tin tưởng theo kiểu này là những người có tinh thần bệnh hoạn. Những điều mà chúng ta cảm nhận phải được xác quyết bằng những bằng chứng nếu không phải như vậy thì chúng ta không thể tin được.

Những sự việc chúng ta cảm nhận thấy cũng có giá trị trong khoa học, nhưng chỉ để giúp chúng ta có ý tưởng về sự việc ấy và phải được kiểm chứng bằng việc đi tìm bằng chứng. Một nhà khoa học có thể có một nghi ngờ, một ý tưởng do cảm nhận. Tự nó chưa phải là lí do xác đáng để tin mà cảm nhận ấy chỉ có thể là một lí do xác đáng để dành thời giờ cho một thí nghiệm nào đó hoặc để theo một hướng nào đó mà tìm ra những bằng chứng. Những nhà điều tra thường sử dụng cảm nhận của họ khi họ đi tìm ý tưởng. Nhưng những cảm nhận ấy không có giá trị cho tới

khi chúng được xác quyết bằng những bằng chứng.

Tôi đã hứa tôi sẽ còn trở lại bàn về khái niệm truyền thống và tôi sẽ bàn về hiện tượng này dưới một cách tiếp cận khác. Đặc biệt tôi muốn cố gắng giải thích tại sao truyền thống lại quan trọng như vậy với chúng ta. Với tất cả thú vật thì chúng (do một tiến trình mà ta gọi là tiến hoá) chỉ có thể sống còn trong những hoàn cảnh mà đồng loại của chúng sống. Sư tử sống ở bên nhau để có thể tồn tại trên những khu vực ở Phi châu. Những con tôm hùm sống ở sông có thể sống sót ở nước ngọt đang khi những con tôm hùm sống ở biển chỉ có thể sống sót ở nước mặn. Con người cũng là những con vật và chúng ta ở bên nhau để chúng ta có thể tồn tại được trong một môi trường với những người khác. Chúng ta, con người, không cần phải dự trữ thức ăn cho riêng mình bằng cách đi săn như những con sư tử hay con tôm. Bình thường chúng ta mua thức ăn ở những người khác và những người này lại đi mua của những người khác nữa. Chúng ta "bơi" trong một "biển người". Và giống như cá có mang để có thể sống dưới nước, con người cần có bộ óc để biết cách liên hệ với những người khác. Như biển có đầy nước muối, biển người cũng có nhiều việc khó khăn mà chúng ta phải học. Thí dụ như ngôn ngữ.

Bạn nói tiếng Anh còn bạn gái của bạn nói tiếng Đức. Cả hai bạn đều nói thứ ngôn ngữ thích hợp với biển người mà các bạn bơi lội. Ngôn ngữ được trao truyền như một truyền thống. Không có cách nào khác hơn. Ở nước Anh, con chó Vện là *a dog*. Ở nước Đức, nó là *ein Hund*. Không từ nào trong hai từ này đúng hơn hay thật hơn từ kia. Cả hai từ đều được trao truyền từ bố mẹ cho con một cách thật đơn giản. Và để lo cho con cái có thể bơi lội thoải mái trong biển người vây quanh chúng, chúng phải học ngôn ngữ của đất nước chúng và bên cạnh đó còn phải học nhiều loại sự việc khác nhau về dân tộc chúng. Điều này có nghĩa là chúng, như tờ giấy thấm, phải hút một số lượng lớn các thông tin truyền thống. (Chúng ta nhớ là thông tin truyền thống là những sự việc được trao truyền từ bố mẹ cho con cái và rồi lại được trao truyền từ con cái cho con chúng và cứ như vậy tiếp nối). Bộ óc của trẻ em rất say mê những thông tin truyền thống được trao truyền nhưng chúng ta không thể mong chờ một đứa trẻ phân biệt được thông tin truyền thống được trao truyền tốt và hữu dụng như các từ của ngôn ngữ với thông tin truyền thống xấu và vô nghĩa như tin phù thủy, quỷ và các trình nữ bất tử.

Thật đáng tiếc nhưng không thể tránh được là có những em, không biết gì khác ngoài việc say sưa những thông tin truyền thống được trao truyền, thường có khuynh hướng tin tất cả những gì mà người lớn kể cho chúng bất kể là đúng và tốt hay không đúng và vô nghĩa. Nhiều điều mà người lớn kể cho con cái họ là thật và dựa vào những bằng chứng và nếu những điều kể ấy không thật thì ít nhất cũng phải có ý nghĩa. Nhưng không có gì ngăn cản các em tin những điều không thật, ngớ ngẩn hay là xấu nữa. Và các em này sẽ làm gì khi các em này trưởng thành ? Dĩ nhiên các em này lại trao truyền lại cho thế hệ kế tiếp. Bằng cách này một điều gì đó gắn liền với niềm tin - dù hoàn toàn không

thật và cũng không bao giờ có lí do nào để tin - lại luôn luôn được trao truyền tiếp.

Điều ấy có xảy ra như vậy với các tôn giáo không ? Hoặc bây giờ chúng ta nói về niềm tin vào Chúa hay các thần, niềm tin vào thiên đàng, niềm tin là Đức bà Maria không chết, Chúa Giê-su không có cha là loài người, niềm tin là lời cầu nguyện sẽ được lắng nghe, rằng rượu nho sẽ trở thành máu thì không có một niềm tin nào trong những niềm tin này có bằng chứng. Thế nhưng hàng triệu người lại tin như vậy. Có lẽ vì họ đã được kể cho nghe lúc họ còn quá nhỏ nên dễ dàng tin bất cứ cái gì.

Nhiều triệu người khác lại tin khác hơn vì họ được nghe kể những sự việc khác khi họ còn trẻ. Những trẻ em Hồi giáo được nghe những sự việc khác hơn những trẻ em Thiên chúa giáo nhưng cả hai đều lớn lên trong sự tin tưởng trọn vẹn là mình đúng và những người khác không đúng. Và trong thế giới Thiên chúa giáo, những người Công giáo La mã tin nhiều sự việc khác hơn Tin Lành Calvin, Tin Lành Luther, vân vân. Và tất cả đều hoàn toàn tin tưởng là mình đúng và những người khác không. Những người này tin các sự việc khác nhau vì những lí do cũng giống như tại sao bạn nói tiếng Anh còn bạn gái của bạn nói tiếng Đức. Hoàn toàn thích hợp khi ở bên Anh nói tiếng Anh còn ở bên Đức nói tiếng Đức, nhưng không thể có việc các tôn giáo lại đúng ở nước này mà không đúng ở nước khác. Đó là chưa nói tới ngay trong các tôn giáo cũng có những chân lí trái nghịch nhau. Không thể có chuyện như thế này là Đức Bà Maria sống ở Cộng hòa Ái Nhĩ Lan Công giáo còn chết ở Bắc Ái Nhĩ Lan Tin Lành.

Xem như vậy thì truyền thống có khi có tác động tốt nhưng có khi lại đưa đến một mối nguy rất lớn. Đó là nó ngăn cản chúng ta tiếp nhận những thông tin không giống như chúng ta đã biết qua truyền thống.

Trước tình trạng có những điều được thông tin dựa vào bằng chứng, lẫn lộn với những điều được thông tin dựa vào niềm tin ở truyền thống, ở uy quyền hay ở mặc khải, chúng ta phải làm gì ?

Rất đơn giản. Nếu có ai kể cho chúng ta một điều gì có vẻ quan trọng chúng ta có thể tự suy nghĩ : "*Điều này người kể biết được do có bằng chứng hay chỉ do dựa vào niềm tin ở truyền thống, ở uy quyền và ở mặc khải ?*". Hoặc có người kể cho chúng ta một sự kiện gì mà họ nói là đúng thì chúng ta có thể hỏi : "*Có những bằng chứng nào để xác quyết sự kiện này ?*". Và nếu chúng ta không có được câu trả lời thoả đáng thì theo tôi nghĩ, chúng ta phải xem xét lại và suy nghĩ thật kĩ trước khi chúng ta tin vào lời nói mà chúng ta đã nghe.

## **2. Ảnh hưởng của câu trả lời với việc thực thi dân chủ**

Như chúng ta biết dân chủ là phương pháp để giúp những con người khác biệt nhau có thể sống chung và làm chung với nhau mà vẫn bảo vệ được sự khác biệt của nhau. Nội dung của dân chủ là các quy định chung như luật chơi, luật pháp và kế ước.

Vì sự khác biệt nên mỗi người đều có những tiêu chuẩn riêng và khác nhau về đủ loại chẳng hạn như về quyền tự do, về công minh, về bình đẳng. Thí dụ về quyền tự do. Một nguyên tắc sơ đẳng của việc hành xử quyền tự do là "*Tôi được hành xử quyền tự do của tôi tới khi việc hành xử quyền tự do của tôi vi phạm quyền tự do của người khác*". Nhưng thế nào là vi phạm quyền tự do của người khác ? Mỗi người đều có những tiêu chuẩn riêng về việc vi phạm quyền tự do của người khác. Vì vậy chúng ta cần phải có một quy định chung về việc thế nào là vi phạm quyền tự do của người khác. Quy định chung này phải được áp dụng cho mọi người, không trừ một ai. Khi cần phải phán quyết về việc vi phạm quyền tự do, tất cả đều dựa vào quy định này để phê phán. Như vậy là có công minh, có bình đẳng. Một lí do nữa về việc cần có những quy định chung là chúng ta chỉ thực sự hành xử dân chủ khi chúng ta biết đề ra những quy định chung để sống và làm việc với nhau. Nói cách khác nếu chúng ta không biết xây dựng những quy định chung để sống và làm việc với nhau thì chúng ta chưa phải là những người biết thực thi dân chủ. Ngoài ra, để sống và làm việc chung với nhau đòi hỏi phải có sự tin tưởng nhau. Trong dân chủ, sự tin tưởng nhau chủ yếu dựa vào những quy định chung. Những kiểu tin tưởng dựa vào cảm tính rất nguy hiểm cho việc thực thi dân chủ bởi vì nó dễ gây ra xích mích và đưa đến độc tài. Đó cũng là lí do đòi hỏi phải có những quy định chung cụ thể nếu muốn thực sự thực thi dân chủ.

Các tổ chức người Việt thường bàn rất nhiều về dân chủ nhưng chỉ bàn suông. Nhiều người nghĩ rằng chỉ cần có ý muốn thực thi dân chủ và soạn thảo một nội quy sinh hoạt hay một quy ước sinh hoạt tổng quát là đã thực thi dân chủ. Sau đó chỉ cần nói và hô hào về dân chủ là có dân chủ. Họ không nghĩ nội quy hay quy ước chỉ là một bản văn nền tảng có tính tổng quát để quy chiếu vào đó mà soạn thảo những quy định cụ thể rõ ràng về từng vấn đề. Chẳng hạn như quy định về việc thảo luận, về việc phân công, về nhiệm vụ của mỗi người : làm gì và chỉ được làm tới đâu vân vân. Càng có những quy định cụ thể và rõ ràng về từng vấn đề và mọi người đều tuân theo nghiêm túc những quy định này thì càng có ít mâu thuẫn và bất mãn. Nhưng họ đã không bàn đến những quy định cụ thể của việc làm chung. Bởi vậy các tổ chức người Việt đã không phát triển và lớn mạnh được để có thể làm những công việc to lớn có kết quả. Và nhiều tổ chức còn bị tan rã vì lí do này và vì thế lại bị mang tiếng là sa lông.

Ở đây tôi không nói tới các tổ chức bị bẹp bẹp được lập ra chỉ để lấy danh hoặc các tổ chức được lập ra để chạy trốn mặc cảm chẳng hạn như "mặc cảm ta không làm gì". Họ sợ bàn đến những quy định cụ thể về việc làm chung. Bởi vì khi đã có những quy định ấy mà họ lại không làm hoặc làm không được thì bộ mặt thật hám danh, ngu dốt hoặc chỉ muốn nói mà không muốn làm của họ bị lộ ra.

Nhưng làm thế nào để đi đến một quy định chung ? Thưa, đó chính là thảo luận. Thảo luận để có thể đưa ra được những đề nghị cụ thể, hợp tình, hợp lí và phù hợp với thực tế về những quy định cần phải có. Sau đó biểu quyết

chọn một trong những đề nghị này để đem ra thi hành.

Nhưng có một câu hỏi cụ thể được đặt ra là phải thảo luận thế nào để có được những quy định cụ thể, hợp tình, hợp lý và phù hợp với thực tế? Mỗi người chúng ta được giáo dục trong những truyền thống khác nhau và vì vậy có những cảm nhận khác nhau cũng như tin vào những uy quyền khác nhau. Vậy phải làm sao để có thể thảo luận với nhau và đi đến những quy định mà mọi người đều có thể đồng ý? Cách tốt nhất là việc thảo luận phải được dựa vào những sự kiện thật và đúng có nghĩa là những sự kiện có bằng chứng cụ thể. Không thể dựa vào những sự kiện tưởng tượng. Bởi vì ai cũng có thể tưởng tượng ra được muôn vàn sự kiện mà những sự kiện tưởng tượng này lại rất khác biệt nhau tùy theo đường sự được giáo dục theo truyền thống nào. Cho nên để có thể đi đến đồng thuận cụ thể và thực tiễn thì chỉ có một cách là thảo luận với những lý lẽ và dữ kiện dựa vào những bằng chứng cụ thể mà ai cũng có thể tự kiểm chứng được.

Trong phần bàn về "Tại sao ta biết những điều ta biết?" chúng ta đã thấy tin theo truyền thống, uy quyền và mặc khải là đầu mối của nhiều cách suy nghĩ khác biệt và là nguồn gốc của rất nhiều cuộc chiến tranh trên thế giới. Mà thực thi dân chủ là muốn đạt đến những thoả thuận vì vậy cách tốt nhất là thảo luận với những lý lẽ và sự kiện dựa vào bằng chứng cụ thể. Nói cách khác trong thảo luận, cách suy nghĩ dựa vào bằng chứng cụ thể là cách tốt nhất để giảm bớt sự khác biệt và giúp đi đến những đồng thuận.

Bây giờ chúng ta lại bàn về ảnh hưởng của cách suy nghĩ tin vào truyền thống, uy quyền và mặc khải đối với việc gây ra các thành kiến và đối với việc làm giảm bớt các thành kiến.

Như chúng ta biết thành kiến luôn luôn là chướng ngại ngăn cản con người tin nhau và ngồi lại với nhau. Nhưng thành kiến do đâu mà có? Thành kiến có, do những thông tin chúng ta tiếp nhận. Khi tiếp nhận những thông tin không tốt về một người nào đó, làm cho trong đầu chúng ta có ấn tượng không tốt về người này tức là chúng ta có thành kiến với người ấy. Từ thành kiến này chúng ta cảm thấy không thích nói chuyện và hợp tác với họ.

Nhưng những thông tin chúng ta tiếp nhận đó có thể đúng hoặc sai. Như chúng ta biết những thông tin chúng ta tiếp nhận từ những nguồn dựa vào truyền thống, uy quyền hoặc do cảm nhận thường sai. Những thí dụ về việc thông tin dựa vào truyền thống, uy quyền và mặc khải trong số người Việt có rất nhiều. Sau đây chỉ nêu ra vài thí dụ cụ thể về thông tin dựa vào truyền thống, uy quyền hoặc cảm nhận đối với việc gây ra những thành kiến.

Có một số người Việt Nam được giáo dục trong truyền thống ghét đạo Công giáo thường nhìn những người công giáo như những người phản quốc, chỉ nghĩ đến La Mã và làm tay sai cho ngoại bang. Ngoài ra họ còn xem những người Công giáo này là những người luôn luôn chỉ thấy có mình đúng nên không biết tôn trọng những người có tư tưởng và lối sống khác. Do truyền thống giáo dục này họ có thành kiến không tốt về những người Công giáo. Nên khi phải gặp hoặc phải làm việc chung với những người

Công giáo, họ có thái độ thù thế và không tin tưởng những người Công giáo này.

Lại có một số người khác không có thói quen suy nghĩ độc lập nên luôn luôn tin vào những điều mà một người có uy tín nào đó nói (hoặc bạn bè nói). Từ đó họ có thành kiến. Thí dụ họ nghe một người có uy tín nói về một cá nhân nào đó không tốt và làm tay sai cho cộng sản. Họ không thắc mắc về những bằng chứng. Do đó họ tin ngay và có thành kiến về cá nhân ấy. Vì vậy họ tránh xa cá nhân này.

Cũng có những người khi gặp một người nào đó lần đầu tiên thấy người ta không niềm nở vỗ vãi với mình vì vậy có cảm giác người này không tốt và từ đó nghĩ là người này không tốt. Họ không cần kiểm chứng cảm giác này bằng bằng chứng. Và do đó họ có thành kiến về người này và không thích gặp và làm việc chung với người này.

Giả sử chúng ta có thói quen xét lại những điều chúng ta được giáo dục, được nghe và được thấy dựa vào bằng chứng, có lẽ chúng ta đã bỏ bớt được rất nhiều điều tin tưởng không đúng và vì vậy cũng bớt đi được rất nhiều thành kiến.

Chẳng hạn việc những người Công giáo chỉ nghĩ đến La Mã và làm tay sai cho ngoại bang. Nếu chúng ta xét lại vấn đề này dựa vào bằng chứng chúng ta sẽ thấy chỉ có một số người nào đó đặt quyền lợi La mã trên quyền lợi đất nước. Còn đại đa số những người theo đạo Công giáo rất yêu nước, biết đặt quyền lợi đất nước trên hết. Khái quát hóa một sự việc của một vài cá nhân luôn luôn làm cho chúng ta có những nhận thức sai. Trong tập thể nào cũng có những người xấu. Không phải chỉ có những người công giáo mới làm tay sai cho ngoại bang. Lịch sử đã cho thấy có nhiều người không công giáo đã làm tay sai cho ngoại bang vì quyền lợi riêng tư.

Nếu khi chúng ta nghe một người nào đó có uy tín (hay bạn bè của ta) nói về một sự kiện nào đó mà chúng ta luôn luôn hỏi bằng chứng thì chắc là chúng ta cũng bớt được rất nhiều thông tin sai. Và từ đó cũng bớt đi rất nhiều thành kiến.

Nếu chúng ta xét lại một người nào đó mà vì dựa vào cảm giác, chúng ta đã phê phán họ không tốt, bằng những bằng chứng thì có lẽ chúng ta sẽ thấy họ không giống như chúng ta nghĩ và nhiều khi chúng ta lại có thêm một người bạn mới.

Tóm lại nếu chúng ta luôn luôn kiểm chứng những thông tin nhận được bằng những bằng chứng cụ thể, chúng ta sẽ tránh được rất nhiều thông tin không đúng sự thật. Nhờ đó cũng sẽ bớt được rất nhiều trường hợp ông nói gà bà nói vịt trong việc thảo luận. Và kết quả là việc thực thi dân chủ sẽ dễ dàng trở thành hiện thực.

**Phan Tùng Chính** (Dracten, Hòa Lan)

"Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tin rằng phát triển kinh tế chủ yếu là một vấn đề tâm lý và văn hóa, vì thế cần phát huy một văn hóa kinh doanh, tôn vinh cố gắng làm giàu chính đáng và gây một tâm lý tin tưởng và lạc quan trong xã hội".

## **Đồng Khánh địa dư chí**

Một công trình địa lý học cuối thế kỷ 19

*Lê Văn Hảo*

### **Quốc Sử Quán : Viện Sử học và Địa lý học quốc gia đầu tiên của Việt Nam**

Quốc Sử Quán, cơ quan khoa học và văn hóa lớn của triều Nguyễn do Minh Mạng sáng lập năm 1821, hoạt động liên tục đến cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Có thể nói đây là Viện Sử học và Địa lý học quốc gia đầu tiên của nước ta. So với vốn liếng thư tịch sử địa các triều trước, Quốc Sử Quán đã đóng góp cho khoa học nhân văn thời đại quân chủ những công trình học thuật thật sự quan trọng như :

- *Đại Nam thực lục*, 560 quyển, biên niên sử từ thời Nguyễn Hoàng đến đời Đồng Khánh.

- *Đại Nam liệt truyện*, 85 quyển, chép tiểu sử các nhân vật lịch sử thời các chúa Nguyễn đến thời các vua Nguyễn.

- *Khâm Định Đại Nam Việt sử thông giám cương mục*, 53 quyển, biên niên sử từ thời Hùng Vương đến hết thời hậu Lê (1789).

- *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ*, 262 quyển, chép các định chế, chỉ dụ, sắc lệnh, chiếu chỉ từ đời Gia Long (1802) đến năm 1851 đời Tự Đức.

- *Đại Nam nhất thống chí*, 28 quyển, chép lịch sử, địa lý và con người từng tỉnh.

Ngoài ra Quốc Sử Quán còn sưu tập và biên soạn không dưới 100 bộ sách văn, sử, triết, luật của các thời Lê, Mạc, Trịnh Nguyễn, những tác phẩm của Nguyễn Khoa Chiêm, Lê Quý Đôn, Phan Huy Ích, Phan Huy Chú, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Cao Xuân Dục... (một số công trình lớn vừa kể đã được nhà xuất bản khoa học xã hội Thuận Hóa công bố bản dịch).

Uy tín của Quốc Sử Quán triều Nguyễn chắc chắn đã vượt ra ngoài biên giới Đại Nam (Việt Nam). Công trình lớn cuối cùng của Quốc Sử Quán, hoàn thành vào đời Đồng Khánh (1886-1887), đã được Học Viện Viễn Đông Bác Cổ sao chép lại vào đầu thế kỷ 20, sau đó được Đông Dương Thư Khố (Toyo Bunko) nổi tiếng của Nhật Bản xuất bản tại Tokyo năm 1945, dưới nhan đề *Đồng Khánh ngự lãm địa dư chí đồ*, gồm 2 tập, với lời giới thiệu công phu của nhà sử học Yamamoto. Trên các tạp chí bác học và trong các xuất bản phẩm các trường đại học Âu Mỹ, thư tịch của Quốc Sử Quán triều Nguyễn cũng đã được nhiều lần giới thiệu.

Nhưng phải đợi tới gần 60 năm sau ngày Đông Dương Thư Khố phát hành, công trình ngự lãm đời Đồng Khánh mới được nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội, phát hành năm 2003, dưới nhan đề *Đồng Khánh địa dư chí* và được dịch ra tiếng Việt, Anh và Pháp. Đây là một công trình khoa học nhân văn đồ sộ mà người Việt Nam có thể tự hào và các nhà nghiên cứu, nhà văn hóa được niềm vui "cáo

thơm lần giở trước đèn".

Công trình địa lý học quý báu này được nhiều cơ quan quốc tế và Việt Nam hỗ trợ như Học Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (EFEO), Trung Tâm Viễn Đông Bác Cổ Pháp tại Hà Nội, Nhóm Nghiên Cứu Bán Đảo Đông Dương thuộc Trường Cao Học Thực Hành (EPHE) Paris, Quỹ Ford của Hoa Kỳ tại Việt Nam, Viện Nghiên Cứu Hán Nôm, Trung Tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Quốc Gia Việt Nam... Nó cũng là công sức và tài năng của rất nhiều nhà khoa học Việt Nam và quốc tế : Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin. Ban biên tập gồm 6 người, ban dịch thuật rất nhiều người.

### **Đồng Khánh địa dư chí**

*Đồng Khánh địa dư chí*, khổ 32x25cm, dày khoảng 2.500 trang, gồm 3 tập, trong đó có nguyên bản chữ Hán Nôm, các bản dịch tiếng Việt, Anh, Pháp.

- Tập I (văn bản), 1.084 trang, gồm lời cảm ơn, giải pháp, nguyên tắc và qui ước dùng trong bộ sách, từ vựng các đơn vị đo lường, tài liệu tham khảo và bản chữ viết tắt, lời giới thiệu, thư tịch địa lý học cuối thế kỷ 19 kèm theo bản dịch tiếng Anh và Pháp, phần giới thiệu các tỉnh Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Quảng Yên, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Sơn Tây, Ninh Bình, và tổng mục lục.

- Tập II (văn bản), 958 trang, gồm phần giới thiệu các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, đạo Quảng Trị, phủ Thừa Thiên, bản dịch tiếng Anh và Pháp, phân giới thiệu các tỉnh từ Hà Nội đến Thừa Thiên, bản tra cứu bằng tiếng Việt theo thứ tự abc, bản tra cứu chữ Hán Nôm theo thứ tự số nét của chữ gồm toàn bộ của danh từ địa lý, nhân vật, công trình kiến trúc, di tích lịch sử...

- Tập III (bản đồ), 312 trang, gồm 20 bản đồ hiện đại của Việt Nam và các tỉnh, kèm theo 278 bản đồ tỉnh, phủ huyện in màu cỡ 32x24 cm thuộc 19 tỉnh từ Hà Nội đến Thừa Thiên.

Trong lời giới thiệu *Đồng Khánh địa dư chí*, thư tịch địa lý học cuối cùng cuối thế kỷ 19, nhà sử học và Hán Nôm học Ngô Đức Thọ đã kiểm kê lại đầy đủ thư mục phong phú của địa lý học Việt Nam thời quân chủ, từ Nam Bắc phiên giới địa đồ thời Lý đến *Đại Nam nhất thống chí* đời Tự Đức và Đồng Khánh, sắc chế ngự lãm đời Đồng Khánh.

Nguyên bản *Đồng Khánh địa dư chí* (sách chép tay của Viện Hán Nôm, ký hiệu A537) là một bộ sách Hán Nôm gồm 25 tập, mỗi tập là một tỉnh, từ Hà Nội đến Bình Thuận, tổng cộng 2.832 trang giấy lệnh bồi (38x27cm) kèm theo 314 bản đồ khổ lớn (trung bình là 45x35cm). Đây

là các tập tâu (tấu sách) của các quan đầu tỉnh "kính tuân lời (vua) phê, biên về bản đồ tiến trình". Các tập tâu được chuyển về triều đình, tàng trữ tại Quốc Sử Quán.

Nội dung mỗi tập gồm các mục : tỉnh thành hoặc phủ, huyện thành, giới thiệu chung địa điểm đặt lý sở (tỉnh, phủ, huyện), vị trí của tỉnh phủ huyện giáp giới những tỉnh phủ huyện nào, khoảng cách đông tây nam bắc cách nhau bao nhiêu dặm ; danh sách các cấp hành chính trực thuộc (tỉnh : kê đến phủ huyện ; phủ : kê đến huyện, tổng ; huyện kê đến tổng, xã, thôn, phường, giáp, trại, ấp, lý ; thành trì : địa điểm, cách xây dựng thành lũy, cổng thành, tường thành, các ụ súng, đài quan sát...) ; đồn lũy ; binh sĩ : số lính tuyển, lính mộ, lính tuần thành ; dân : số dân đinh ; điền : số ruộng đất ; thuế : thuế cả năm nộp bằng tiền, bằng thóc, bằng sản phẩm ; đền, phong tục, sản vật, khí hậu, sông núi, danh thắng, đường đi...

Ở mỗi tập, sau phần giới thiệu chung toàn tỉnh có kèm theo bản đồ, là phần ghi chép về từng phủ, huyện, với những bản đồ của từng phủ huyện. *Đông Khánh địa dư chí* có tất cả 314 bản đồ kích thước không đều nhau (khoảng từ 36x29cm đến 51x38cm) vẽ trên lụa trắng với 6 màu : màu đỏ vẽ đường đi, màu xanh dương vẽ biển, màu xanh dương nhạt vẽ sông ngòi, màu xanh lá cây vẽ núi, màu nâu nhạt vẽ thành trì, màu cỏ úa để phân biệt các vùng đất ngoài địa hạt. Tất cả các bản đồ đều ghi bằng chữ Hán Nôm.

Ví dụ ở bìa Tập 1, mặt trước và mặt sau là bản đồ huyện Chương Đức (tỉnh Hà Nội), bản đồ huyện Thạch An (tỉnh Cao Bằng). Ở bìa Tập II, mặt trước và mặt sau là bản đồ huyện Kỳ Anh (đạo Hà Tĩnh), bản đồ huyện Hương Khê (tỉnh Nghệ An). Ở bìa Tập III, mặt trước và mặt sau là bản đồ phủ Gia Hưng (tỉnh Hưng Hóa), bản đồ phủ Từ Sơn (tỉnh Bắc Ninh).

### Sự ra đời của *Đông Khánh địa dư chí*

Vào đời Tự Đức (1847-1883), lãnh thổ nước Đại Nam gồm đủ 31 tỉnh từ Cao Bằng đến Hà Tiên nhưng đến đời Đồng Khánh (1886-1887), thực dân Pháp đã đoạt chiếm 6 tỉnh Nam Bộ do đó chủ quyền triều Nguyễn chỉ còn 25 tỉnh, từ Cao Bằng đến Bình Thuận. *Đông Khánh địa dư chí*, ra đời và phản ánh tình hình mất đất đó, chỉ giới thiệu 25 tỉnh cùng các phủ huyện trực thuộc và 314 bản đồ các tỉnh phủ huyện từ Cao Bằng đến Bình Thuận.

Trong lần xuất bản này, *Đông Khánh địa dư chí* chỉ giới thiệu 19 tỉnh từ Hà Nội đến Thừa Thiên, phần 6 tỉnh còn lại (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh



Bìa mặt trước (Tập I)  
**Bản đồ huyện Chương Đức (tỉnh Hà Nội) cuối thế kỷ 19**

Hòa, Bình Thuận) chắc sẽ được xuất bản ở lần sắp đến nếu không có một chương ngại vật nào chen vào giữa văn hóa, khoa học và chính trị.

### So sánh *Đông Khánh địa dư chí* với *Đại Nam nhất thống chí*

Năm 1865, vua Tự Đức ra lệnh cho Quốc Sử Quán biên soạn *Đại Nam nhất thống chí*, một công trình sử địa theo thể thức bộ *Nhất thống chí* của nhà Thanh (Trung Quốc). Mười bảy năm sau Quốc Sử Quán hoàn thành bản sơ thảo *Đại Nam nhất thống chí*, vào khoảng năm 1882, nhưng Tự Đức xem xong chưa hài lòng nên chưa cho khắc in. Bản sơ thảo này đã được Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp sao chép và bản dịch đã được Viện sự học xuất bản tại Hà Nội (1970-1971).

Đọc hai bản dịch *Đại Nam nhất thống chí* và *Đông Khánh địa dư chí*, người ta thấy nhiều điểm đáng chú ý :

1. *Đại Nam nhất thống chí* đời Tự Đức phản ánh đầy đủ tình hình lịch sử, địa lý, xã hội nước Đại Nam giữa thế kỷ 19, với một lãnh thổ toàn vẹn gồm 31 tỉnh từ Cao Bằng đến Hà Tiên, trong khi *Đông Khánh địa dư chí* phản ánh tình hình một nước Đại Nam mất độc lập, mất chủ quyền trên một lãnh thổ chỉ còn 25 tỉnh từ Cao Bằng đến Bình Thuận và triều đình Huế chỉ còn là một bù nhìn của thực dân Pháp.

2. *Đông Khánh địa dư chí*, hoàn thành vào những năm 1886-1887 để dâng vua ngự lãm, là một bộ sách đồ sộ không thể được biên soạn đời Đồng Khánh (thời gian quá hạn hẹp so với một nội dung phong phú đến thế). Nó đã được biên soạn từ cuối đời Tự Đức đến đầu đời Đồng Khánh dựa trên những hồ sơ quan trọng của Quốc Sử Quán

như :

- Bản sơ thảo *Đại Nam nhất thống chí* (hoàn thành vào năm 1865) ;

- *Đại Việt địa dư toàn biên* của Nguyễn Văn Siêu (soạn xong vào năm 1882) ;

- *Đại Nam cương giới vịnh biên* của Hoàng Hữu Xướng (soạn xong vào năm 1886) ;

- các *Tập tâu* của các quan đầu tỉnh giới thiệu tình hình các tỉnh, phủ, huyện, kèm theo bản đồ, được gửi về triều đình trong những năm cuối đời Tự Đức, đầu đời Đồng Khánh.

Những sự kiện trên giải thích sự phong phú của *Đồng Khánh địa dư chí*, công trình lớn cuối cùng của Quốc Sử Quán triều Nguyễn, bên cạnh công trình lớn khác là *Đại Nam nhất thống chí*, hoàn thành 4 năm trước (1882).

3. Được biên soạn nhiều năm sau *Đại Nam nhất thống chí*, *Đồng Khánh địa dư chí* có những ưu điểm và những điểm đặc sắc so với *Đại Nam nhất thống chí*, một bộ địa dư chí lấy cấp tỉnh làm cơ sở biên soạn : các mục như địa giới, hình thế, khí hậu, thành trì, trường học, số hộ khẩu, số binh lính, thuế ruộng đất, sông núi, phong tục, thổ sản, v.v. đều viết chung cho cả tỉnh. Còn *Đồng Khánh địa dư chí* là một bộ sách địa dư chí lấy cấp phủ và huyện làm cơ sở biên soạn, mô tả : mỗi phủ, huyện đều là tiêu đề của một chương mục riêng.

*Đồng Khánh địa dư chí* trình bày tỉ mỉ về tình hình các phủ, huyện : địa giới, hình thế, thành trì, dân, binh, thuế, phong tục, sản vật, khí hậu, sông núi, đường đi, v.v. gồm rất nhiều chi tiết không có trong *Đại Nam nhất thống chí*.

4. *Đại Nam nhất thống chí* tuy có một số tư liệu, điều tra, thống kê (số làng xã trong từng huyện, số hộ khẩu, ruộng đất...) nhưng chủ yếu là thiên về nội dung khảo cứu lịch sử, còn *Đồng Khánh địa dư chí* lấy đương đại làm nội dung chính : vị trí, hình thế được miêu tả kỹ hơn, thành, tỉnh, phủ, huyện được miêu tả tỉ mỉ, các mục nhận định điền thổ có các số liệu chi tiết, phong tục tập quán các tỉnh đồng bằng nhiều vùng có những nét tương đồng, nhưng các xã gần biển, gần núi đều có những ghi chép riêng biệt, nhất là ở các địa phương miền núi có cả người Việt và các dân tộc thiểu số thì sự miêu tả phong tục tập quán khá cụ thể, chi tiết, sinh động, có giá trị về điều tra dân tộc học, xã hội học.

Ví dụ : khi mô tả về các dân tộc thiểu số trong ba huyện ki mi ở miền núi tỉnh Thanh Hóa (huyện Trình Cố, Man Duy và Sầm Da), *Đồng Khánh địa dư chí* chép : "(Ở huyện Trình Cố) trong hạt thuần là người Man Nùng (người Mường ?) giọng nói líu lo, phải có người phiên dịch mới có thể hiểu được [...]. Ở Mường Hằng Sơn có chùa, trong chùa có sư, tục gọi nhà sư là **chu hô**. Gọi quan huyện là **phì trưởng**. Khi **phì trưởng** chết thì gươm giáo khí giới đem nạp hết cho **chu hô**, đến khi con trai người ấy được lập nên nối chức thì sẽ lên chùa cuộc lại. Khi **chu hô** chết, tiền bạc trong chùa có bao nhiêu phải nạp hết cho **phì trưởng**. Sau có người kế tục làm **chu hô** thì sẽ giao lại y nguyên số tiền. Mỗi năm đến kỳ tháng 2 thì **chu hô** sau phải làm lễ cúng cho **chu hô** trước. Các nhà dân sở tại đều đem tiền bạc đến chùa để

tặng, gọi là **lễ ngân chu**. Hôm đó dân chúng lũ lượt lên chùa xem lễ hội, có thi đốt pháo thăng thiên, người nào có pháo lên cao thì vui mừng được sự tốt lành, người nào pháo thấp thì chán nản. Lại hàng năm vào tháng 3, **phì trưởng** cùng dân chúng gái trai lên chùa nghe giảng kinh một đêm đến sáng mới về. Tháng đó có **lễ tắm gội chu hô**. Trong tháng ấy đàn bà con gái hễ thấy đàn ông con trai đi gần thì vốc nước té cho ướt hết quần áo, cho như thế mới là yêu quý nhau" (*Đồng Khánh địa dư chí*, Tập II, tr. 115).

## Giá trị học thuật của *Đồng Khánh địa dư chí*

Bên cạnh hàng trăm tư liệu dân tộc học, xã hội học như thế lần đầu tiên *Đồng Khánh địa dư chí* đã cung cấp cho chúng ta một hệ thống hàng ngàn địa danh xã, thôn, phường, giáp, trại đến cấp huyện của 25 tỉnh nước Đại Nam cuối thế kỷ 19, thì đó đã là một đặc điểm và một ưu điểm mà *Đại Nam nhất thống chí* và các công trình địa dư chí khác không có.

Nhà sử học và Hán Nôm học Ngô Đức Thọ, trong bài giới thiệu dài 12 trang (Tập I, trang XXV-XXXVI) đã nêu rõ giá trị học thuật của *Đồng Khánh địa dư chí*, bước tiến đáng kể trong phương pháp biên soạn, so với các sách địa dư chí từ *Đại Nam nhất thống chí* trở về trước. Đây là một phương pháp biên soạn qui mô, đòi hỏi một mạng lưới tổ chức thật chi tiết với những người tham gia điều tra, biên soạn từ các quan tỉnh, phủ, huyện đến các nhà nho từ xã thôn phường giáp, và cuối cùng các sử quan ở Quốc Sử Quán.

Chính nhờ những công trình sử địa lớn của Quốc Sử Quán, trong đó nổi bật lên *Đại Nam nhất thống chí* và *Đồng Khánh địa dư chí*, mà chúng ta có được một cái nhìn về lịch sử và tình hình kinh tế xã hội nước ta dưới triều Nguyễn nói riêng và chế độ quân chủ nói chung.

Các soạn giả, dịch giả của *Đồng Khánh địa dư chí* cũng đã cung cấp cho chúng ta hàng trăm chú giải về địa lý, lịch sử, về văn bản học, về một số rất lớn các từ ngữ Hán Nôm, về tên thực vật, động vật, ngành nghề thủ công ở các mục phong tục, sản vật, khí hậu, v.v. bằng cách tra cứu, tham khảo các công trình khoa học quý báu của Quốc Sử Quán (xem Bảng kê các tài liệu tham khảo, Tập I, trang XXIII-XXIV).

Đặc biệt các soạn giả còn cung cấp cho chúng ta lần đầu tiên một từ vựng các đơn vị đo lường về chiều dài (dặm, trượng, thước, tấc...), diện tích (mẫu, sào, hào, hốt...), đong thóc (hộc, bát, thăng, lạng, nhúm, que...), đong đếm trong cách tính thuế (bó, vò, phiến...), tiền tệ (lạng, quan, tiền...), đo trọng lượng và thể tích (cân, lạng, tiền...), hành chính (lộ, trấn, quận, dinh, châu, nguồn...).

Nhờ sự hợp tác quốc tế tốt đẹp, *Đồng Khánh địa dư chí* đã được xuất bản, mặc dù chưa phải là một công trình trọn vẹn toàn bích, giới thiệu được 31 tỉnh của vương quốc Đại Nam.

*Đồng Khánh địa dư chí* là một nét son của khoa học nhân văn Việt Nam đầu thế kỷ 20.

Lê Văn Hảo (Paris)

## GIẢI NOBEL VẬT LÝ NĂM 2003

Tháng 10-2003, Hàn lâm viện Khoa học Hoàng gia Thụy Điển tặng giải Nobel vật lý năm 2003 cho hai người Nga, Vitaly Ginzburg và Alexei Abrikosov và một người Mỹ gốc Anh, Anthony Leggett vì những công trình khảo cứu của họ trong hai lãnh vực của cơ học lượng tử là siêu dẫn (superconductivity) và siêu lỏng (superfluidity).

Ginzburg, 87 tuổi, trước kia là chủ nhiệm nhóm vật lý lý thuyết của Viện vật lý P.N. Lebedev tại Moscow. Abrikosov, 75 tuổi, hiện nay mang quốc tịch Mỹ, đang công tác tại Phòng thí nghiệm quốc gia Argonne (Argonne National Laboratory, Illinois). Leggett, 65 tuổi, mang quốc tịch Mỹ, đang công tác tại Đại học Illinois tại Urbana Champaign, Hoa Kỳ.

Điểm giống nhau là cả ba người này là được trao giải thưởng cho những công trình đã thực hiện trước khi có máy tính điện tử. Abrikosov nói với hãng thông tấn Reuters rằng ông bắt đầu công tác trong lãnh vực này từ nửa thế kỷ nay, tức vào khoảng thập niên 1950 của thế kỷ 20, còn Leggett thì khởi đầu nghiên cứu trong lãnh vực này tại Anh trong những năm 1970.

Theo các nhà khoa học thì những công trình về siêu dẫn của hai nhà khoa học gốc Nga mang tính cách mạng, có tiềm năng ứng dụng trong các lãnh vực điện tử như sự tiết kiệm năng lượng của những bộ phận điện tử, sự phân phối điện năng trong những sợi giây điện không có điện trở, sự di chuyển của những xe lửa trên nệm không khí, sự tạo hình bằng cộng hưởng từ (MRI-Magnetic Resonance Imaging) trong lãnh vực y khoa...

Công trình của nhà khoa học gốc Anh, Leggett, là trong lãnh vực siêu lỏng. Ông đã phát minh ra một lý thuyết có tính quyết định về hiện tượng này khi giải thích các nguyên tử tác dụng với nhau và sắp xếp thứ tự ra sao trong trạng thái siêu lỏng.

Năm 1911, Heike Kamerlingh-Onnes, một nhà khoa học người Hòa Lan - sau khi đã thành công hóa lỏng khí Helium và đạt đến nhiệt độ thấp kỷ lục thời đó là  $-268,9^{\circ}\text{C}$  (1), tức  $4,2^{\circ}\text{K}$  (2) - khám phá ra rằng điện trở suất (resistivity) của thủy ngân đột nhiên trở thành số không (zero) ở nhiệt độ  $4,2^{\circ}\text{K}$ . Đó là hiện tượng siêu dẫn và không chỉ giới hạn ở thủy ngân. Nhiệt độ bản thể của một chất trở thành siêu dẫn là nhiệt độ chuyển tiếp (transition temperature, viết tắt là T). Có đến phân nửa nguyên tố (element) kim loại có tính siêu dẫn, cũng như nhiều hợp kim khác và T thay đổi tùy theo từng chất, chẳng hạn T của niobium (Nb, đứng số 41 trên bảng tuần hoàn) là  $9,5^{\circ}\text{K}$ , của chì là  $7,5^{\circ}\text{K}$ . Những đo đạt mới nhất cho thấy rằng điện trở suất thực sự là không (zero), nghĩa là hoàn toàn không có một tí điện trở nào ráo trọi.

Mãi đến năm 1957, ba nhà khoa học Hoa Kỳ là John Bardeen, Leon Cooper và John Schrieffer mới phát minh ra một lý thuyết mang tên thuyết BCS (dùng chữ cái đầu trong tên của mỗi người) để giải thích được hiện tượng siêu dẫn.

Ở thể rắn, hạt nhân của những nguyên tử hay phân tử xếp thành một mạng lưới (lattice) với các hạt electron ngoại vi (3) xen kẽ chung quanh. Một vật dẫn điện có những hạt electron ngoại vi có thể di chuyển lang bang dễ dàng nhưng lộn xộn. Khi có một điện thế tác động, từ chỗ điện thế cao xuống chỗ có điện thế thấp, thì những hạt electron sẽ di chuyển theo một hướng chung, tuy vẫn lộn xộn nhưng vẫn chen lấn nhau tạo nên va chạm. Chính sự va chạm giữa các hạt electron này tạo ra điện trở, thể hiện qua hình thức nhiệt. Va chạm, cọ sát làm mất năng lượng, số năng lượng mất đi vì va chạm đó biến thành nhiệt lượng. Nhiệt lượng là dạng phế thải và kém chất lượng nhất của năng lượng, vì bất cứ năng lượng nào biến hóa một cách vô dụng đều trở thành ra nhiệt lượng cả. Khi sờ tay vào vỏ ngoài của một sợi giây dẫn điện, ta có thể có cảm giác nóng, đó là sự thể hiện của điện trở.

Theo thuyết BCS, ở nhiệt độ thấp hạt electron mang điện âm xích lại gần hạt nhân mang điện dương. Khoảng cách càng giảm xuống, hấp lực giữa những điện lượng khác dấu càng tăng lên khiến cho mạng lưới bị biến dạng, những hạt nhân gần đó cũng xúm lại "bao vây" hạt electron vào giữa. Một hạt electron gần đó khi thấy một nhóm điện dương, "nhìn" đó như là một cụm mang điện dương, liền xáp lại tạo ra với hạt electron kia thành một cặp, gọi là cặp Cooper (Cooper pair). Tuy cùng dấu nhưng vẫn kháng khí với nhau nhờ sự trung gian của mấy hạt nhân mang điện dương. Ngoài điện tích âm, những số lượng tử khác như spin, mô-men động lượng... của cặp Cooper lại ngược dấu làm cho thế năng của cặp Cooper giảm xuống ở trị số 0 (4) (ground state). Hơn thế nữa, sự cặp đôi này làm biến đổi bản chất của electron, từ một fermion thành một boson.

Theo nguyên lý bất tương dung của Pauli (Pauli exclusion principle), thì hai fermion không thể cùng ở trạng thái ground state được. Nhưng hai hạt electron của cặp Cooper đã trở thành hai hạt boson (vì tổng số số spin của cặp bây giờ là 0) nhờ đó mà có thể cùng nhau chia sẻ chung một trạng thái ground state một cách vui vẻ (nguyên lý Pauli không áp dụng cho hạt boson). Những cặp Cooper khác cũng kéo nhau vào trạng thái ground state vì bản tính lưới chung của sự vật, vì nếu có trạng thái ground state mở rộng cho mọi cặp Cooper thì tội gì đổi qua những trạng thái khác, thế năng cao hơn. Do đó tất cả những cặp Cooper đều được mô tả đơn thuần bằng một hàm sóng (wave function), không chỉ giới hạn ở một số cặp Cooper mà thôi, mà là tất cả các cặp, tạo nên một hiện tượng vĩ mô (macroscopic). Khi di chuyển thì cả đoàn cùng di chuyển và đi đều bước như một đoàn quân diễn hành, không lộn xộn va chạm vào nhau, do đó không cọ sát, không mất năng lượng, nghĩa là không có điện trở. Muốn phá vỡ cái thế đồng bộ này, năng lượng đòi hỏi quá lớn : vì đối với từng cặp, số năng lượng cần thiết chỉ vào khoảng vài phần mười ngàn ( $10^{-4}$ ) eV nhưng số cặp ở trạng thái vĩ mô là hàng triệu triệu cặp (khoảng  $10^{22}$ ), do đó khi một dòng điện đã được tạo nên thì nó cứ tồn tại hoài hoài. Muốn cắt dòng điện này, phải tăng nhiệt độ lên trên nhiệt độ chuyển tiếp  $T_c$ , hay đặt vật siêu dẫn vào một từ trường lớn bên trên một giới hạn  $B_c$ , gọi



là từ trường chuyển tiếp để mang nó ra khỏi trạng thái siêu dẫn. Vì điện năng là dạng năng lượng chính trong công nghiệp, siêu dẫn không làm mất năng lượng nên người ta có thể hình dung được nhiều cách áp dụng của siêu dẫn. Trở ngại chính là nhiệt độ chuyển tiếp quá thấp khiến chi phí hạ nhiệt trở nên quá lớn vì giá thành của Helium lỏng vẫn còn cao. Chưa kể là ở nhiệt độ thấp, đặc tính của vật liệu thay đổi rất nhiều. Phần lớn trở nên giòn dễ vỡ, chẳng hạn cao-su ở những nhiệt độ siêu dẫn trên dưới 10° K trở thành dễ vỡ như thủy tinh.

Năm 1986, Georg Bednorz và Alexander Mueller gây ra khá nhiều xôn xao khi tuyên bố đã khám phá ra một loại vật liệu có nhiệt độ chuyển tiếp khoảng 30° K. Hai năm sau, nhóm siêu dẫn ở nhiệt độ cao này được mở rộng thêm để bao gồm những vật liệu có nhiệt độ chuyển tiếp lên tới 100° K. Năm 1999, nhiệt độ siêu dẫn đạt kỷ lục 150° K (tức -123° C). Tuy đó không phải là nhiệt độ thông thường (room temperature) nhưng nó cho phép thay thế Helium lỏng (5) bằng Nitrogen (5) lỏng, giá thành rẻ hơn nhiều, chỉ đắt hơn nước suối Perrier đôi chút. Nhưng những trở ngại về kỹ thuật vẫn còn vì vật liệu siêu dẫn nhiệt độ cao là những hợp chất thuộc loại sành sứ (ceramics), rất dễ vỡ, đó là chưa nói đến chuyện uốn nắn, co, kéo, nối ráp như một sợi dây đồng (ở nhiệt độ thường). Đến nay những khó khăn đó vẫn chưa khắc phục được nên những ứng dụng của siêu dẫn phần lớn vẫn ở trạng thái tiềm năng.

Siêu lỏng cũng là một hiện tượng gắn bó với công trình hóa lỏng Helium của Heike Kamerlingh-Onnes (viết tắt là HKO), mở đường cho những nghiên cứu mới ở nhiệt độ thấp. Chính HKO đã nghiên cứu Helium ở nhiệt độ 2° K. Năm 1928, nhà vật lý Hòa Lan làm việc tại phòng thí nghiệm HKO khám phá ra rằng ở nhiệt độ - 2,17° K, đồng vị <sup>4</sup>He (6) của Helium có những đặc tính rất là kỳ dị. Một trong những đặc tính đó là nếu đổ nó vào trong một cái ly, không như các chất lỏng khác, nó sẽ bò dần lên thành ly rồi trốn ra khỏi cái ly, lực trọng trường không có hiệu lực gì cả. Hoặc nếu nhúng đầu một ống mao quản (capillary) vào nó thì nó sẽ lẹ làng chui qua ống không khó khăn gì, trong khi các vật lỏng khác thì đành bó tay, vì có đặc tính nhờn (viscosity).

Cũng như điện trở đối với vật dẫn điện, tính nhờn thể hiện sự cọ sát của những hạt chất lỏng với nhau. Vì tính nhờn, người ta buộc phải cung cấp dưới dạng áp suất, bởi một máy bơm chẳng hạn, nếu muốn mang nó lên cao. Ở nhiệt độ gần 0° K, đồng vị <sup>4</sup>He không còn tính nhờn nữa vì không đủ năng lượng để mang cả khối vĩ mô lỏng ra khỏi trạng thái năng lượng 0 (ground state). Đó là trạng thái siêu lỏng (superfluid). Ở những trạng thái cao hơn thì tính nhờn sẽ trở lại. Cũng như siêu dẫn, trạng thái siêu lỏng xảy ra vì đồng vị <sup>4</sup>He là một boson, không bị chi phối bởi nguyên lý Pauli, do đó một tập thể vĩ mô có thể cùng có chung một hàm sóng là không còn va chạm, hay cọ sát vào nhau nữa. Ở 2,17° K thì một lượng nhỏ <sup>4</sup>He bắt đầu trở thành siêu lỏng. Khi nhiệt độ càng xuống thấp thì thành phần siêu lỏng càng lên cao, khi gần đến 0° K thì tất cả khối <sup>4</sup>He lỏng trở thành siêu lỏng.

Khi một vật lỏng được cho vào một ly nước, một phần nhỏ của nó bốc hơi và bám vào thành ly. Các phân tử của vật lỏng này chịu sự tác dụng của lực trọng trường kéo xuống, của lực nhờn giữ nó lại và của lực hút giữa những phân tử Helium và phân tử của chất tạo thành cái ly lôi nó lên. Khi không còn lực nhờn nữa thì vật lỏng chỉ còn lực trọng trường và lực hút phân tử. Trong trường hợp Helium siêu lỏng, lực hút phân tử đã thắng lực trọng trường và Helium đã nổi gót nhau ra khỏi cái ly. Trường hợp ống mao quản cũng vậy. Khi còn tính nhờn và nếu ống mao quản đủ nhỏ thì vật lỏng đành bó tay không bò ra được, dù được các phân tử của ống giúp sức. Khi không còn tính nhờn nữa, lực hút phân tử thắng lực trọng trường và Helium kéo nhau qua cái rụp. Cũng nên nói thêm rằng <sup>3</sup>He là một fermion nên không có tính siêu lỏng.

**Nguyễn Tiến Ích** (Anaheim, California)

#### Chú thích :

(1) C là chữ Celsius viết tắt, là ký hiệu đo nhiệt độ trên nhiệt giai bách phân. Trong nhiệt giai bách phân thì dưới áp suất thường (76 cm thủy ngân), nước bắt đầu đông đặc ở 0o C và sôi ở 100o C.

(2) K là chữ Kelvin viết tắt, là ký hiệu của nhiệt độ tuyệt đối. Sự liên hệ giữa nhiệt độ C và nhiệt độ K là : ° K= ° C+273,15, theo đó thì nước đông ở 273,15° K và sôi ở 373,15° K. Gọi là nhiệt độ tuyệt đối vì 0° K là nhiệt độ thấp nhất mà người ta có thể trên lý thuyết đạt tới được. Ở nhiệt độ này, các nguyên tử không có chuyển động nữa. Trong một thí nghiệm vào năm 1995, người ta đã hạ nhiệt độ xuống vài phần tỷ của một độ K. Ở nhiệt độ đó vận tốc trung bình của nguyên tử Rubidium dùng trong thí nghiệm là khoảng 1 mét trong 1 giờ.

(3) Nguyên tử gồm có một nhân ở trung tâm tạo nên bởi những hạt proton hay neutron và những hạt electron chạy chung quanh. Neutron không có điện, proton mang một đơn vị điện lượng dương, electron mang một đơn vị điện lượng âm. Một nguyên tử có bao nhiêu hạt proton thì có bấy nhiêu hạt electron thành ra âm dương điều hòa, toàn thể nguyên tử là không có điện. Những hạt electron không thể chạy quanh nhân một cách lộn xộn nhưng có lớp lang đàng hoàng, mỗi electron phải ở trong một quỹ đạo quy định theo kiểu chỉ định cư trú và mỗi quỹ đạo được phân biệt bằng một hệ thống số gọi là số lượng tử (quantum number) tương tự như số nhà của ta, chẳng hạn có số về năng lượng, có số về mô-men động lượng... Những electron ở ngoài cùng là những electron được dùng để trao đổi trong các phản ứng hóa học và được gọi là những electron hóa trị (valence electron). Trong một vật dẫn điện thì những electron hóa trị làm nhiệm vụ chuyên chở điện.

(4) Số 0 này không có nghĩa là không có năng lượng mà chỉ là một cách để đánh dấu rằng đó là mức năng lượng thấp nhất, gọi là ground state.

(5) Helium hóa lỏng ở 4,2° K, Nitrogen lỏng ở 73°K.

(6) Helium có hai đồng vị (isotope) bền là <sup>4</sup>He (số khối lượng là 4 và số nguyên tử là 2) và <sup>3</sup>He (số khối lượng là 3 và số nguyên tử là 2).

# Năm Khi nói chuyện Người (và Ngựa)

*Cái ác là hình thức thô thiển nhất của sự ngu dốt.*

*Nikolai Rerikh*

Tây và Tàu đều yêu thích ngựa. Ta thì không. Hoàn toàn và tuyệt nhiên không. Chả bao giờ nghe người Việt nhắc đến loài ngựa (và những thuộc tính của nó) với ít nhiều thiện cảm hay triu mến. Đã thế, có một phụ nữ Việt Nam bị buộc tội gây thương tích trầm trọng cho tha nhân. Trước tòa, bà ta đã thần nhiên chỉ tay vào mặt nạn nhân, và nói (tính queo) rằng :

- Tui hông có tội tình gì hết chơn á. Tui hành động dзі lý do tự dzệ. Tui tạt át-xít dzô mặt cái "con đĩ ngựa" kia chỉ để bảo dzệ... hạnh phúc gia đình mình, dzậy thôi !

Một chuyện (thấy ghê) cỡ đó, có thể, bạn chưa bao giờ được nghe những lời lẽ trì triết, đấng cay, đay nghiến dành cho "những con đĩ ngựa" thì chắc chắn chính bạn đã nghe - hoặc nói nữa, không chừng - nhiều lần chớ không phải một, đúng không ? Nếu bạn lỡ quên (hoặc làm bộ quên) thì để tôi nhắc cho mà nhớ, nhá :

- Đổ đĩ ngựa !

- Chớ con đĩ ngựa (khốn nạn) đó nó có cái gì hơn tui mà anh chết mê chết mệ, ăn dầm nằm dề dzới nó, rồi còn mang tiền cho nó hết chơn dzậy, hả ?

Hoặc, đôi khi, quyết liệt và đe dọa hơn thế nữa :

- Từ nay trở đi anh về ở với con đĩ ngựa đó luôn đi, đừng trở về đây nữa, cũng đừng gọi điện thoại cho mẹ con tôi làm gì nữa.

- Bà mà biết con đĩ ngựa nào chim chông bà thì đừng có trách nhá !

"Đĩ ngựa", tất nhiên, không phải là sinh vật duy nhất mà đời sống và tính mạng (thường xuyên) bị đe dọa như thế - ở Việt Nam. Báo *Thanh Niên*, số ra ngày 23 tháng 9 năm 2003, đã lên tiếng báo động về nguy cơ tuyệt chủng của loài cá ngựa. Hiện nay, chỉ riêng khu vực Bến Đá - Ba Đình (Vũng Tàu) đã có hơn mười đại lý thu mua hải mã (một tên gọi quý phái khác của cá ngựa) với giá một ký lên đến hai triệu đồng.

Cá ngựa rất được giá và bị săn bắt ráo riết vì bỗng dưng người ta "phát hiện" ra được tính bổ âm và cường dương của nó. Cá ngựa trị được bệnh hiếm muộn (cho phụ nữ) và yếu sinh lý (cho các đấng nam nhi). Xương hải mã xấy khô ngâm rượu, ông uống bà (tắm tặc) khen ngon. Thịt hải mã chưng gừng và hành lá, bà ăn ông (gật gù) khen tốt. Đồng vợ đồng chồng tát bể Đông cũng cạn. Phen này bể Đông phải cạn. Biển mà cạn thì cá gì cũng bỏ mẹ, chứ chả riêng chi cá ngựa.

Gấu ngựa, hiện tại, cũng đang lâm vào hoàn cảnh khốn đốn và lâm nguy không kém. Theo nguồn tin của hãng thông tấn AFP, phát đi từ Hà Nội hôm 1 tháng 10 năm 2003 thì hiện tại ở Việt Nam chỉ còn độ một trăm con gấu sống trong môi trường thiên nhiên, số còn lại (độ năm ngàn con) đang bị bắt giữ để lấy mật vì người ta tin rằng mật gấu pha với rượu uống làm tăng cường sinh lực, và chữa được nhiều bệnh ngoại khoa rất công hiệu. Bản tin vừa dẫn cũng có trích lời của bà Jill Robinson, nhân viên của Asia Animal Foundation, như sau : "*Loài gấu sẽ biến mất ở Việt Nam, nếu tình trạng săn bắt gấu để ăn thịt hay để nuôi lấy mật như hiện nay*".

Và đó là chuyện đã cũ, từ hồi năm 2003 lận. Bà Jill Robison

chắc chưa biết chuyện này : dân Việt mới ("chợt") khám phá ra rằng mật của gấu ngựa còn chữa được cả bệnh ung thư nữa cơ đấy ! Loài gấu (nói chung) hậu vận chưa biết ra sao chứ gấu ngựa (nói riêng) phen này chắc chết, chết chắc, chứ không phải bõn.

Ngoài đĩ ngựa, cá ngựa và gấu ngựa... ra, còn một số "sinh vật" khác nữa đời sống cũng bị đe dọa trầm trọng và cũng có nguy cơ tuyệt chủng. Đó là người dân miền núi ở Việt Nam. Trong bài tham luận có tựa là "Thực Hiện Tốt Chính Sách Dân Tộc Của Đảng", được phổ biến vào ngày 23 tháng 9 năm 2003, bà Tông Thị Phóng (bí thư Trung Ương Đảng, trưởng Ban Dân Vận Trung Ương) nhắc khê cả Đảng rằng phải : "*Quan tâm đặc biệt đến vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến trước đây ; tăng cường cơ sở khám bệnh, cán bộ y tế cho các xã, thôn ấp, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe đồng bào dân tộc thiểu số ; khuyến khích trồng và sử dụng các loại thuốc dân gian ; từng bước ngăn chặn tình trạng suy giảm dân số, suy giảm đời sống của một số dân tộc thiểu số*".

"Tình trạng suy giảm dân số, suy giảm đời sống của một số dân tộc thiểu số" - nếu nói theo ngôn ngữ của đời thường - giản dị chỉ có nghĩa là nhiều sắc dân thiểu số ở Việt Nam đang chết dần, chết mòn và sắp chết hết đến nơi vì đói khát và bệnh tật - thế thôi !

Bà Tông Thị Phóng là bí thư Trung Ương Đảng và là trưởng Ban Dân Vận Trung Ương (chứ không phải là một con mẹ bá vợ nào đó, thuộc những tổ chức phản động hay thù nghịch ở nước ngoài) nên sự lo ngại của bà về sự tồn vong của những sắc dân thiểu số cần phải được mọi người suy nghĩ.

Vì lý do "bảo vệ hạnh phúc gia đình" nên người ta (đành) phải tạt át-xít vào mặt những con đĩ ngựa, vì hy vọng có thể "bảo vệ hạnh phúc lứa đôi" nên người ta phải mần thịt những con cá ngựa, và để "bảo vệ sức khỏe" nên người ta phải uống mật của những con gấu ngựa... Tất cả những chuyện này, nghĩ cho cùng, đều có thể (ráng) hiểu được. Còn việc tìm mọi cách hủy diệt đời sống của những người "ở vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến trước đây" - nghĩa là những người mà Đảng đã chịu ơn, những người hoàn toàn không đụng chạm gì đến quyền lợi của Đảng hết trơn hết troy - thì thiết là một việc làm ác độc (vô cùng) khó hiểu.

*Ngoài bờ biển phía Đông ra, phần biên giới còn lại của Việt Nam đều là nơi cư ngụ của những dân tộc thiểu số (những kẻ ở vùng xa, vùng sâu...) tự ngàn xưa. Họ chính là chủ nhân đích thực của đất nước Việt Nam. Và chính họ tạo thành tuyến đầu và vòng đai an ninh cho toàn lãnh thổ. Cũng chính họ, với cuộc sống đơn giản hài hòa với thiên nhiên, đã giữ cho môi trường sinh thái được quân bằng và tạo một "vòng đai xanh" cho tổ quốc. Cớ gì mà Đảng "phải" tìm mọi cách dồn họ vào tử lộ, đẩy họ đến mức diệt vong như thế ?*

Cái ác, trong trường hợp này, không chỉ là hình thức thô thiển nhất của sự ngu dốt. Những hành vi ác độc của những đảng viên cộng sản Việt Nam, đối với cả dân tộc, từ hơn nửa thế kỷ qua, còn cho thấy cái khía cạnh bệnh hoạn (sadism) của họ nữa kia.

**K'Tiền (SanJose)**

Tản mạn :

## CHUYỆN... CON CÚI !

Tháng 12 dương lịch có lễ Tạ Ơn (Thanksgiving), lễ Giáng sinh (Christmas), mùa sống vui xum họp, chia sẻ và khoan thứ, cho nên người bản tính lạc quan (*dễ tính, đúng hơn*) đã vội mừng rằng có dấu hiệu cởi mở, tiến bộ đổi mới, vì nhà nước "ta" (*quyết không phải "tôi"*) vừa tuyên xử chiến sĩ dân chủ Trần Dũng Tiến mười tháng mấy ngày (*thời gian ông đã ngồi tù*) ; và giảm án mấy người cháu cha Lý (*theo chiều hướng tương tự*). Nhưng dư luận sáng suốt, nhận định ngay rằng đó là thủ đoạn quen thuộc (*từ thời ngang nhiên "Nam kỳ Đồng khởi tiêu Công lý"*) dưới dạng đổi mới, lấy hình thức pháp luật (*luật tùy tiện, xử dụng ngay trước tòa "Nhà Pháp luật" nước Pháp viện trợ*) hợp thức hóa thời gian giam giữ những người vô tội, ngộ hầu có thể cho họ ra về. Chẳng qua là một hạ sách để vớt vát thể diện ; đồng thời hy vọng làm giảm áp lực quốc nội và quốc tế đòi hỏi công đạo.

Như thường lệ, trong vụ việc Trần Dũng Tiến nhà nước không nhìn nhận sai lầm ; tất nhiên không cởi không mới gì hết. Và nhất định xử "gián điệp" Nguyễn Vũ Bình (tin chót). Còn tiếp tục "tạm giam" *ad libitum* - tùy hứng - quá thời hạn luật định, chưa buồn công bố tội trạng cáo buộc các chiến sĩ dân chủ Phạm Quốc Dương, Trần Khuê, Nguyễn Đan Quế ; cũng chưa chịu thả nốt Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Khắc Toàn, Nguyễn Đình Huy... Phát ngôn viên nhà nước nhiều lần khẳng định : không có tù nhân chính trị. Đúng quá, bởi chứng chỉ có tù nhân "gián điệp" (*xin nhắc lại rằng bị kết án nặng hơn cả là Nguyễn Khắc Toàn, về tội dùng e-mail tán tỉnh hò hẹn với một nữ Việt kiều*) và những tù nhân lạm dụng "dân chủ" (*chiếc bánh mà các nạn nhân tội nghiệp - cùng với thi sĩ Hồ Dzếnh và mấy thế hệ tiếp nối - chỉ được nghe đảng hùng hồn mô tả rất là ngon lành tuyệt hảo, chưa bao giờ có hạnh phúc mắt thấy tay cầm miệng nếm ! Đòi ăn bánh vẽ, không phải là "lạm dụng" ư ?*).

Tinh thần khoan thứ trong mùa lễ trọng không đủ cho người bình thường hết dè dặt (*vì quá nhiều kinh nghiệm phũ phàng*). Thực tế cho thấy chỉ ít lâu sau khi nhà nước vội vã rút lại lời miệt thị và phản kháng Tòa Thánh Vatican (*thực hỗn láo vô duyên lại không có ảnh hưởng, tác dụng*) để tôn tên thừa nhận sự phong phạm vị tân Hồng y Công giáo Việt Nam, ủy ban nhân dân và công an quận Tân Bình, ngay giữa đô thành Saigon, đã mưu toan chiếm đất, cấm xây nhà nguyện, bắt cóc thầy giảng đem đi biệt tích, giam mục sư và một số tín hữu của Tin Lành giáo. Vậy chính sách "quốc doanh giáo" độc quyền độc tôn không hề thay đổi.

Trong các lãnh vực ngoài nhân quyền và tôn giáo cũng chẳng đổi chẳng mới cho đáng phần nào với thành tích quảng cáo. Về mặt kinh tế, xã hội, y tế, học đường, v.v. đâu đâu đều điếc tai vì lời kêu than những lạm, bê bối, ngu dốt, lười biếng hay tặc trách, lấy công làm tư, tự tung tự tác, không tôn trọng bảo vệ người dân cùng lợi ích chung...

Tóm lại, năm hết tết đến, tính sổ nhà nước thấy số trừ vẫn nhiều áp đảo số cộng (*phải chăng vì "nhà nước", từ*

*là việc "nhà" ở hàng đầu, rồi việc "nước" tùy tiện tính sau ?*). Và những tiến bộ, nếu có, đa phần do hành động sản xuất tự lực của người nông dân, do sáng kiến và nỗ lực của giới kinh doanh nhỏ và bậc trung không y vào thần thế để lấn át hay mảnh mung ăn chia ăn bắm.

Việc lớn đã vậy, nhân sự thì sao ?

Tháng trước (12-2003), *Thông Luận* đăng tải một tài liệu thuật các dữ kiện ở hậu trường đại hội IX của đảng, những trò lật lọng, thủ đoạn nhỏ mọn dành ghế dành quyền trong cơ cấu lãnh đạo là Bộ chính trị. Đầu thủ chính là Lê Khả Phiêu, Lê Đức Anh, Đỗ Mười, với bóng dáng Võ Văn Kiệt lảng vảng phía sau.

Tác giả (*cộng sự viên thịnh thời của cựu tổng bí thư*) để Lê Khả Phiêu trong vai "người hùng" kiên định xã hội chủ nghĩa (!) ; một lòng xây dựng sức mạnh cho đảng bằng cách đặt thêm cơ cấu trực thuộc A.10 nắm đầu toàn bộ công an tình báo (*khiến mấy vị cố vấn nhảy nhồm, cho rằng A10 kiểm soát và theo dõi họ. Oan quá : không phải hệ thống "Anh Hai" của George Orwell đâu*). Lê (*bây giờ là cựu*) lãnh đạo cương quyết bảo vệ chủ quyền quốc gia (*việc đánh đổi hậu thuẫn của đàn anh Trung Quốc với tặng vật rêu đất biên giới cùng lãnh hải, chỉ là đồn bậy, thực mà !*). Đối diện là những "kẻ xấu" Lê Đức Anh với Đỗ Mười, tinh thần cách mạng chao đảo (*ngả về chiều hướng dân chủ theo Mỹ ?!*), đã được Mỹ cấp tiền cho con cháu qua đó du học (*ý nói là để học làm tay sai, như học bổng Nga-Xô hồi xưa mà người Việt đầu tiên hưởng thụ là Hồ Chí Minh*).

Đáng tiếc cuốn phim đây tình tiết đấu đá (*dung tục như phim chưởng Hương Cảng loại B*) kết cuộc hụt hẫng chẳng thích đáng với chủ ý nhà sản xuất - tác giả - (*sự thực yếu xìu như trái bóng bóng thổi bị xì hơi*) : người hùng Lê Khả Phiêu cô thế đành... hậm hực rút lui vô điều kiện. Diễn tiến tiếp theo thì dư luận đã biết. Người "đứng giữa" được lợi là Nông Đức Mạnh, để dành lượm chức tổng bí thư. Trong khi "chờ hồi sau phân giải" (*vì đấu đá còn tiếp tục - tài liệu dẫn chiếu là một bằng chứng*), thiết tưởng trong năm mới 2004 không nên chờ đợi gì hơn những hành động xoa dịu tửn mủn (*xin đề nghị gọi là "kiểu Nông tổng"*) sau những bất công hay đàn áp tàn bạo và thô lỗ.

Chính sách môn man "kiểu Nông tổng" trước đòi hỏi cấp thiết dân chủ hóa, không đáp ứng tình trạng trầm kha của đảng tắc nghẽn vì khúc xương "xã hội chủ nghĩa" (*khạc chẳng ra cho nuốt chẳng vào*). Nổi bực tắc của đảng làm cả nước bị nghẹt thở lây. Sự phẫn nộ ngày một gia tăng ; có nguy cơ bùng nổ dữ dội, không ai lường được hậu quả. Tội nghiệt của lãnh đạo đảng thâm trọng thêm, vì thừa biết có cặp kìm "dân chủ" đủ sức mạnh giải tỏa khúc xương tắc nghẽn, mà chưa dám dùng, sợ đau (*đau cho những ai - quốc dân thì bảo đảm sẽ thoải mái, không hề hấn gì - là bí mật quốc gia không nói được*). Vả chẳng muốn trị bệnh tận gốc như thế, phụ trách ra tay lại phải có sẵn trong người trang bị thích hợp là cái... lũng lảng, người Pháp gọi là "couilles" (*dịch thuật nôm na là "con cùi" !*). Trong đám nam nhi đỉnh cao (*Bộ chính trị tuyệt đối chưa có nữ thành viên*), mò từ trên xuống dưới, chẳng ai có cả !

**Nghiêm Văn Thạch** (Paris, 12-2003)

## TỔNG THỐNG CHIRAC lại tuyên bố bất lợi cho dân chủ

Năm 1992, tổng thống Pháp Jacques Chirac, lúc đó còn là lãnh tụ đối lập, đã gây phẫn nộ trong giới trí thức khi ông tuyên bố tại Côte d'Ivoire, một quốc gia châu Phi, là dân chủ đa nguyên là một xa xỉ phẩm mà các nước kém mở mang không thể tự cho phép. Sau đó đảng của ông và cá nhân ông đã phải mất rất nhiều thì giờ và cố gắng để tương đối hóa lời tuyên bố này. Côte d'Ivoire lúc đó là một nước độc tài và tham nhũng, do tổng thống Houphoët-Boigny lãnh đạo.

Cũng tại châu Phi, tháng 12-2003, ông Chirac lại đưa ra một lời tuyên bố tương tự tại Tunisie, khi nói rằng sức khỏe, an sinh và giáo dục phải là những ưu tiên hàng đầu, dân chủ chỉ đi sau. Lời tuyên bố này cũng đã gây ra những phản ứng mạnh mẽ của đối lập Pháp và gây bối rối trong nội bộ đảng cầm quyền UMP. Như lần trước, ông Chirac đã khéo léo chọn địa điểm để tuyên bố: Tunisie, một quốc gia trong đó tổng thống Zine El Abidine Ben Ali thi hành chính sách độc tài, trắng trợn vi phạm nhân quyền và đang bị chống đối kịch liệt.

Qua hai lần tuyên bố cách nhau hơn mười năm, ông Chirac đã chứng tỏ ông, hoặc không phải là người tôn trọng các giá trị dân chủ và nhân quyền, hoặc cho rằng đó chỉ là những giá trị phương Tây. Điều này càng rõ rệt trong thái độ của ông đối với vấn đề Iraq. Không những không tán thành chủ trương tấn công đánh đổ chế độ độc tài khát máu Saddam Hussein của Mỹ và Anh, ông Chirac còn ráo riết vận động để làm thất bại chủ trương này. Ông biện luận rằng ông không bênh vực Saddam Hussein mà chỉ muốn tôn trọng luật pháp quốc tế và chủ quyền quốc gia. Nhưng ai cũng hiểu là Anh và Mỹ không tấn công Saddam Hussein thì điều này có lợi cho Pháp, vì Pháp đã ký nhiều thỏa hiệp với chính quyền Saddam Hussein để cho công ty Total của Pháp khai thác các giếng dầu tại Iraq.

Chủ quyền quốc gia chắc chắn không phải là ưu tư hàng đầu của Chirac, bởi vì chính phủ Pháp, lúc Chirac đang làm thủ tướng, đã hỗ trợ cho đám loạn quân của N'guessou lật đổ chính quyền hợp pháp của Lissouba tại Congo khi chính quyền này đòi thương thuyết lại các hợp đồng khai thác dầu mỏ đã ký với Pháp quá bất công với Congo. Mới đây và cho tới nay Pháp vẫn còn can thiệp vào nội tình Côte d'Ivoire, áp đặt một thỏa hiệp giữa chính quyền hợp pháp Laurent Gbagbo và các đám loạn quân. Dư luận quốc tế và Pháp đã không ngần ngại tiết lộ là Pháp có cảm tình với các đám loạn quân này, lý do là vì Gbagbo tỏ ra muốn đi với Mỹ.

Điều đặc biệt là nhiều người Việt Nam, nhất là giới trí thức thuộc phe dân chủ, đã tích cực ủng hộ Chirac trong hai cuộc bầu cử tổng thống 1995 và 2002 vừa qua. Có lẽ bị ảnh hưởng bởi tập quán, đúng hơn là thành kiến, Tả-Hữu vẫn có từ trước khiến người ta đồng hóa một cách dễ dãi Tả với thân cộng và Hữu với dân chủ.

*Nguyễn Văn Huy*

## CHÍNH PHỦ THÁI đặt đồng tiền trên đạo đức

Tháng 8 năm nay, lãnh tụ đối lập Campuchia, Sam Rainsy, đã bị từ chối hộ chiếu đến Bangkok để nói chuyện trước câu lạc bộ báo chí Thái, mở đầu cho một chính sách trở mặt trắng trợn với các thành phần đối lập với các chính quyền độc tài trong vùng. Tiếp đó, một số thành viên giáo phái Pháp Luân Công, một giáo phái Phật giáo ôn hòa, bị truy lùng tại Trung Quốc bị chặn lại ở biên giới để cho công an Trung Quốc tới bắt. Các tổ chức dân chủ đối lập Miến ủng hộ bà Aung San Suu Kyi tị nạn tại Thái bị cấm mọi hoạt động chính trị và đang bị đe dọa trục xuất về Miến Điện để bị bắt giam và có thể bị sát hại.

Tháng 12-2003 vừa qua, chính phủ Thái của thủ tướng Thaksin Shinawatra còn đi thêm một bước nữa trong sự trắng trợn là tổ chức một "hội nghị quốc tế" để cho tập đoàn quân phiệt Miến trình bày "lộ trình dân chủ hóa Miến Điện", mà trong thực tế chỉ là một dự án để duy trì chế độ độc tài quân phiệt.

Sự trở mặt trá ngoảnh này đã là một hằng số trong các chính sách của Thái Lan. Các tổ chức chủ trương kháng chiến vũ trang của người Việt tị nạn đã từng ném mùi cay đắng. Đầu thập niên 1980, các ông Hoàng Cơ Minh và Lê Quốc Túy đã được Thái Lan cho phép thành lập các "chiến khu" tại vùng biên giới trên đất Thái để chống Việt Nam. Lúc đó Thái Lan ủng hộ Bắc Kinh chống Hà Nội. Sau khi căng thẳng giữa Trung Quốc và Việt Nam giảm xuống, Thái Lan đã trở mặt trắng trợn. Cả hai tổ chức này đều đã bị Thái Lan phản bội và bị Hà Nội tiêu diệt. Gần đây, năm 1999, Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ đã bị cấm tổ chức một hội nghị tại Bangkok vào giờ chót, mặc dầu ban tổ chức đã nhận được sự tham gia của một số đại biểu, nghị sĩ Mỹ và châu Âu. Giờ đây rõ ràng Thái Lan muốn liên kết với các chế độ độc tài láng giềng vì những lợi ích riêng.

Đạo đức hình như chưa bao giờ là một tiêu chuẩn chính trị của Thái. Để ngăn chặn làn sóng người tị nạn bằng thuyền vào cuối thập niên 1970, chính phủ Thái đã không ngần ngại khuyến khích các ngư dân của họ biến thành hải tặc tha hồ cướp bóc, hãm hiếp và tàn sát thuyền nhân Việt Nam.

Thái Lan là một nước theo Phật giáo tiểu thừa, người dân Thái chính gốc hiền lành và chịu đựng. Nhưng quyền lực kinh tế cũng như chính trị hoàn toàn nằm trong tay những người gốc Hoa, chỉ chiếm khoảng 20% dân số. Những người gốc Hoa này thường lấy tên Thái Lan, chẳng hạn như thủ tướng Thái hiện nay, bề ngoài tuy cũng theo đạo Phật nhưng sinh sống và cư xử như giai cấp thống trị tại Thái Lan. Họ đến đây với tâm lý của những người trước hết muốn làm giàu bằng mọi phương tiện, do đó rất ít quan tâm tới các giá trị đạo đức. Thành phần dân chủ Thái gồm những người Thái khá giả và có kiến thức và những người Hoa tiến bộ.

*Võ Xuân Minh*

## THẾ GIỚI nhức đầu vì đồng đô la

Đầu năm 2003 một đồng đô la Mỹ trị giá bằng một đồng Euro. Thế giới thở phào nhẹ nhõm vì đồng đô la xuống giá. Sáu tháng trước đó một đô la Mỹ trị giá 1,2 Euro. Nhưng chẳng bao lâu mừng nhường chỗ cho lo. Đồng đô la Mỹ tiếp tục xuống giá. Cuối năm 2003 nó chỉ còn không đầy 0,80 Euro. Đồng đô la cũng giảm giá theo cùng một tỷ lệ so với các đồng tiền khác trên thế giới.

Việc đồng đô la sụt giá có nghĩa là hàng hóa Mỹ sẽ rẻ hơn so với hàng hóa các nước khác, hàng nhập cảng vào Mỹ giá đắt hơn và người Mỹ sẽ bớt nhập cảng. Mặt khác, vì Mỹ là thị trường tiêu thụ chính trên thế giới nên ngoại thương và sản xuất tại hầu như tất cả thế giới trở thành khó khăn. Đành phục hồi kinh tế thế giới mà mọi người có lý do để chờ đợi bị khựng lại mặc dầu mọi chỉ số kinh tế đều tốt. Thế giới mong đợi chính phủ Mỹ sẽ có biện pháp nâng đỡ đồng đô la, chẳng hạn như tăng lãi suất cơ bản hiện quá thấp (dưới 1%). Nhưng chính phủ Mỹ có vẻ không vội vàng gì trong quyết định này.

Tại sao đồng đô la sụt giá trong khi kinh tế Mỹ đang phục hồi mạnh mẽ ? Câu trả lời giản dị là không ai giải thích được. John Maynard Keynes từng nói : "*Chỉ có những người điên mới cố gắng tìm hiểu hối suất đồng bạc, nó cũng phức tạp như phụ nữ*".

Tuy nhiên lần này thì người ta có thể tạm hiểu tại sao Mỹ không nâng đỡ để tăng giá đồng đô la. Đó là vì Mỹ muốn giảm số thâm thủng ngoại thương (còn gọi là nhập siêu) và cũng muốn nâng đỡ các ngành sản xuất của mình vì giá đô la càng thấp thì hàng Mỹ càng hấp dẫn. Như thế đồng đô la sẽ chỉ lên khi kinh tế Mỹ thực sự lành mạnh hơn kinh tế các nước khác. Mỹ đã có sức mạnh kỹ thuật và quân sự áp đảo, họ cũng muốn áp đảo thế giới hơn nữa về cả kinh tế. Không những không cố gắng tăng giá đồng đô la, Mỹ còn đang làm áp lực buộc Trung Quốc phải tăng giá đồng Nhân Dân Tệ. Bắc Kinh đang cố chống trả, nhưng cuối cùng sẽ phải nhượng bộ thôi.

## GEORGIA ché độ cộng sản thực sự cáo chung

Chủ nhật 4-1-2004, cử tri Georgia đã bầu một tổng thống mới, ông Mikheil Sakashvili, với một đa số áp đảo : hơn 85%.

Georgia là quê hương của hung thần Stalin, người đã thống trị nước Nga và các nước kết hợp với Nga trong Liên Bang Xô Viết trong gần 30 năm với bàn tay sắt . Từ sau khi Liên Xô tan vỡ, Georgia trở thành một nước độc lập, nhưng lãnh đạo bởi một lãnh tụ cộng sản kỳ cựu, Edward Shevardnadze, cựu ủy viên bộ chính trị Đảng Cộng Sản và

bộ trưởng bộ ngoại giao Liên Xô. Tuy trên nguyên tắc là một nước dân chủ, nhưng vì do các cựu đảng viên cộng sản kỳ cựu cai trị, Georgia chỉ dân chủ trên hình thức. Tập đoàn Shevardnadze vẫn cai trị theo tập quán chuyên chính cũ, chèn ép đối lập, gian lận bầu cử, bóp nghẹt tự do báo chí, và tham nhũng. Georgia lâm vào khủng hoảng kinh tế trầm trọng và đứng trên bờ nội chiến. Cuối cùng rất may cho Georgia, Shevardnadze đã bị lật đổ do các cuộc biểu tình bất bạo động.

Thắng lợi của Sakashvili thực sự chấm dứt chế độ cộng sản tại Georgia và đưa quốc gia nhỏ bé với 5 triệu dân này vào quỹ đạo dân chủ. Ngay khi đắc cử, Sakashvili đã tuyên bố lập trường hòa giải dân

tộc để đoàn kết toàn dân và đưa Georgia vươn lên khỏi sự nghèo khổ.

Sakashvili, một luật sư 36 tuổi, tốt nghiệp tại Mỹ, không giấu khuynh hướng thân Mỹ của ông. Thắng lợi của Sakashvili có tầm quan trọng chiến lược đáng kể vì đây là lần đầu tiên một chế độ thân Mỹ công khai được thành lập trong một quốc gia thuộc Liên Xô cũ. Đây cũng là lý do khiến Nga đã tận tình ủng hộ Shevardnadze. Cuộc tranh giành ảnh hưởng giữa Nga và Mỹ tại đây coi như đã ngã ngũ.

## SADDAM HUSSEIN bị bắt như một con cừu non

Saddam Hussein đã bị quân Mỹ bắt sống ngày 14-12-2003 tại một thị trấn gần Tikrit, quê hương của ông ta. Theo một nguồn tin từ phía Mỹ, ông ta đã bị chính một người trong gia đình tố giác để lãnh thưởng. Quân đội Mỹ đã đặt giải thưởng 25 triệu USD cho những ai chỉ dẫn để bắt Saddam. Như tất cả mọi bạo chúa đến ngày tàn, Saddam Hussein đã tỏ ra rất hèn nhát, không dám kháng cự và cũng không dám tự sát dù có súng. Ông ta bị lôi lên từ một căn hầm nhỏ, và ngoan ngoãn để cho một y sĩ Mỹ khám răng như một trẻ thơ trước ống kính truyền hình.

Vụ bắt này chứng tỏ cả Saddam Hussein lẫn quân đội Mỹ đều thiếu tưởng tượng. Saddam Hussein đã từng trốn tại làng này 30 năm trước đây sau khi tổ chức đảo chính hụt và hàng năm vẫn nhắc lại cuộc lần trốn này như một thành tích. Phía Mỹ cũng không ngờ ông ta lại lần trốn ngay tại đây.

Lịch sử Iraq có một truyền thống rất oan nghiệt. Iraq là cái nôi của nền văn minh nhân loại. Thánh kinh Do Thái và Thiên Chúa giáo cho loài người xuất hiện tại đây, những dấu tích đầu tiên của nền văn minh nhân loại cũng ở vùng này. Tất cả các vua chúa Iraq và những nhà độc tài sau này đều cực kỳ tàn bạo và sau cùng đều bị tàn sát cùng với cả họ hàng một cách rất độc ác, sau khi đã đầu hàng đối phương một cách hèn nhát.

Theo những nguồn tin được tiết lộ là Saddam Hussein khai rằng ông ta còn cất giấu gần 40 tỷ USD. Số tiền này

đúng là một thứ vũ khí giết người hàng loạt vì nó có thể được dùng để tài trợ cho các tổ chức khủng bố.

Hy vọng cuối cùng của Saddam Hussein giờ đây là được đem xử trước một tòa án quốc tế vì tội ác đối với nhân loại và bị xử tù chung thân. Nếu bị đem xử trước một tòa án Iraq, như có nhiều triển vọng có thể xảy ra, chắc chắn ông ta sẽ bị tử hình.

Dấu sao Saddam cũng sẽ là bạo chúa đầu tiên bị lật đổ và trừng trị mà gia đình không bị liên lụy, trừ hai con trai, cũng độc ác không kém cha, đã bị giết trong một cuộc tấn công của quân Mỹ tại Mosul cuối tháng 7 vừa qua.

---

## IRELAND

### tân chủ tịch Liên Hiệp Châu Âu

Nhiệm kỳ chủ tịch luân phiên Liên Hiệp Châu Âu sáu tháng của Ý đã chấm dứt. Ireland (Ái Nhĩ Lan) thay thế từ đầu tháng 1-2004.

Sáu tháng nhiệm kỳ của thủ tướng Ý Berlusconi có lẽ sẽ được nhớ lại như là thời gian tồi tệ nhất của giai đoạn thành lập Liên Hiệp Châu Âu. Dự án quan trọng nhất là thông qua một hiến pháp cho Liên Hiệp đã thất bại. Dự án hiến pháp này đã do một ủy ban phối hợp các chuyên gia và chính trị gia của mọi nước châu Âu, đứng đầu là cựu tổng thống Pháp Valéry Giscard d'Estaing, soạn thảo. Dự án hiến pháp này được hầu hết các nước châu Âu xem là tốt nhưng đã gặp sự chống đối của Espana và Poland. Berlusconi đã không thành công trong việc thuyết phục hai nước này và cũng không đưa ra đề nghị thỏa hiệp nào.

Một trục trặc lớn khác là thỏa ước ổn định tiền tệ châu Âu coi như đã chết. Theo thỏa ước này thì các nước trong Liên Hiệp không được để cho thâm thủng ngân sách vượt quá 3% sản lượng quốc gia (GDP). Nhưng hai nước lớn nhất và cũng là đầu tàu trong việc hình thành Liên Hiệp Châu Âu là Đức và Pháp đã vi phạm mà không bị chế tài.

Ngoài ra trong cương vị chủ tịch Liên Hiệp, thủ tướng Ý Berlusconi, với bản tính cố hữu của ông, đã tuyên bố nhiều câu rất vung vít. Những trục trặc trong việc xây dựng cộng đồng châu Âu đã khiến dân chúng châu Âu mất tin tưởng nhiều vào Liên Hiệp. Trong cả ba nước lớn nhất châu Âu, số người tán thành Liên Hiệp đều dưới tỷ lệ 50%. Riêng tại Anh, tỷ lệ này ở dưới 30%.

Ireland là nước Tây Âu duy nhất mà tỷ lệ dân chúng tán thành Liên Hiệp Châu Âu ở mức độ cao (gần 60%). Người ta hy vọng nhiệm kỳ Ireland sẽ là một khởi hành mới cho Liên Hiệp.

---

## QUÂN ĐỘI MỸ

### sắp được trang bị loại súng cá nhân với đạn khôn

Quân đội Mỹ đang thử nghiệm một súng tiểu liên cá nhân mới, có tên là XM25, để thay thế khẩu tiểu liên nổi tiếng M16.

M16 đã được sử dụng tại Việt Nam và vẫn còn là khẩu

súng trang bị cho quân đội Mỹ. M16 nhẹ và chính xác, tuy nhiên, như tất cả các súng cá nhân, vẫn cần những xạ thủ giỏi.

XM25 khác hẳn. Mỗi khẩu súng là một máy computer cá nhân có khả năng xác định vị trí và hướng ngắm của súng cũng như tọa độ chính xác của mục tiêu. Xạ thủ chỉ cần ngắm mục tiêu trên một màn ảnh nhỏ và bấm cò, đạn sẽ tự tìm đến mục tiêu và khi đến sát thì phát nổ làm tung ra những mảnh vụn kim loại đủ khả năng tiêu diệt.

XM25 theo dự định sẽ hoàn tất vào năm 2006.

---

## LẠI MỘT PHIÊN TÒA LỐ LẰNG

### Nguyễn Vũ Bình bị xử 7 năm tù

Trong một phiên tòa chớp nhoáng chỉ kéo dài hai giờ ngày 31-12-2003, người trí thức dân chủ trẻ tuổi Nguyễn Vũ Bình bị xử 7 năm tù và 3 năm quản chế.

Việc chọn thời điểm xét xử cho vụ án chính trị quan trọng này, vào ngày 31-12, trong lúc tất cả các chính phủ, các cơ quan báo chí, các tổ chức nhân quyền đều đang nghỉ lễ cuối năm tự nó đã tố giác âm mưu lấp liếm của chính quyền cộng sản. Các luật sư biện hộ cho Nguyễn Vũ Bình đã chỉ được phép gặp thân chủ một lần trong một thời gian ngắn ngủi ba ngày trước phiên tòa. Trống rỗng hơn nữa là họ chỉ được đọc tại chỗ bản cáo trạng chứ không được phép giữ lại để có thể nghiên cứu và phản bác. Theo lời thuật lại của các luật sư thì Nguyễn Vũ Bình bị buộc tội đã nộp đơn xin thành lập Đảng Tự Do Dân Chủ, đã tham gia Hội Chống Tham Nhũng, đã viết một bản điều trần gửi ủy ban nhân quyền của quốc hội Mỹ về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam, đã liên lạc với một số người bị đánh giá là phản động trong và ngoài nước, đã viết một số bài có nội dung "phản động", đã nhận 4,5 triệu đồng Việt Nam (250 USD) của Phạm Quế Dương, đã nhận chỉ thị của Nguyễn Gia Kiểng (thuộc Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên) để thành lập một tổ chức vận động dân chủ trong nước.

Trước tòa, Nguyễn Vũ Bình, mặc dù đã trải qua 15 tháng biệt giam và không được thăm nuôi, vẫn tỏ ra rất sáng suốt và hiên ngang. Ông Bình đã bào chữa một cách ngắn gọn : nếu giả thử những điểm ghi trong bản cáo trạng là đúng đi nữa thì cũng hoàn toàn là những điều mà mọi công dân đều có quyền làm một cách hợp pháp, đó là những quyền được ghi rõ trong hiến pháp. Vì vậy ông hoàn toàn vô tội, việc bắt giam ông mới là vi phạm luật pháp và hiến pháp. Tóm lại, đây là một phiên tòa trong đó những kẻ phạm pháp xét xử người hợp pháp. Các luật sư Đàm Văn Hiếu và Trần Lâm cũng đã biện hộ theo chiều hướng này. Phiên tòa phải kết thúc nhanh chóng vì nó trở thành một cuộc tranh luận về sự phạm pháp của chính chế độ cộng sản. Nguyễn Vũ Bình tuyên bố sẽ kháng án.

Mặc dầu chính quyền Hà Nội đã chọn thời điểm nghỉ lễ cuối năm để xử Nguyễn Vũ Bình, các phản ứng quốc tế đã mạnh mẽ một cách không ngờ. Hai tổ chức nhân quyền uy tín nhất thế giới, Ân Xá Quốc Tế (Amnesty International) và Theo Dõi Nhân Quyền (Human Rights Watch) đã ra tuyên cáo chung. Quốc hội Mỹ đã gửi công hàm cho chủ

tịch nhà nước Trần Đức Lương, bộ ngoại giao Mỹ đã gửi công hàm cho bộ ngoại giao Việt Nam. Tổ chức Ký Giả Không Biên Giới cũng đưa ra tuyên cáo. Tất cả lên án chính quyền cộng sản Việt Nam vi phạm các quyền căn bản của con người và đòi trả tự do tức khắc và không điều kiện cho Nguyễn Vũ Bình cũng như những người dân chủ khác đang bị giam giữ. Các đài phát thanh RFI (Pháp), RFA (Mỹ) và BBC (Anh) đã đồng loạt loan tin với lời bình luận phản đối vụ án. Họ cũng đã phỏng vấn những nhân vật Việt Nam được nêu tên trong cáo trạng như Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Gia Kiểng.

Điều đáng lưu ý với sự kính phục là bà Dinah Pokem-ner, giám đốc pháp lý tổ chức Human Rights Watch dù đang nghỉ vì vừa sinh con đã tích cực vận động quốc hội và chính phủ Mỹ can thiệp và đã đạt mục đích.

Về phía Việt Nam, những người dân chủ đã phản ứng mạnh mẽ. Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Minh Chính, Hoàng Tiến đã lên tiếng bênh vực và bày tỏ sự liên đới với Nguyễn Vũ Bình. Họ xác nhận bản điều trần của Nguyễn Vũ Bình trước quốc hội Mỹ là một tài liệu được soạn thảo tập thể trong đó có sự tham gia của họ và đòi được ra tòa cùng với Nguyễn Vũ Bình. Bà Bùi Thị Kim Ngân, phu nhân ông Nguyễn Vũ Bình, thường được biết tới như một phụ nữ hiền lành và kín đáo, đã đồng ý lên tiếng phản đối bản án này.

Thêm một thất bại nặng nề cho chế độ cộng sản Việt Nam.

---

## NI SƯ TRÍ HẢI TỬ NẠN

Ni sư Trí Hải, một khuôn mặt uy tín của Phật Giáo Việt Nam, đã tử nạn ngày 7-12-2003, trong một tai nạn giao thông ghê rợn tại Suối Cát, Long Khánh, giữa lúc đang đi làm công tác từ thiện.

Chiếc xe van chở ni sư và 14 người khác đã đụng phải một xe chở gạo đi ngược chiều làm 5 người thiệt mạng ngay tức khắc, trong đó của ni sư Trí Hải và hai ni cô trẻ Tuệ Nhã và Tuệ Phúc.

Ni sư Trí Hải tên thật là Công Tăng Tôn Nữ Phùng Khanh, sinh năm 1938 tại Huế. Năm 1960, ni cô du học tại Mỹ về văn chương, tốt nghiệp cao học rồi sang Pháp trong hai năm 1964-1965, sau đó hồi hương và xuất gia đi tu năm 1967. Là một người am hiểu triết và văn chương, ni sư đã viết và dịch gần 30 cuốn sách về Phật Giáo và văn học. Bà cũng là một nhà thơ. Năm 1984 bà bị bắt cùng với các thượng tọa Tuệ Sỹ và Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), bị vu cáo tội âm mưu lật đổ chính quyền và bị xử 4 năm rưỡi tù. Trong vụ án hoàn toàn dàn dựng nhằm thủ tiêu Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất này, hai thượng tọa Tuệ Sỹ và Trí Siêu bị xử tử hình, sau đó được giảm xuống còn 20 năm tù do phản ứng của dư luận thế giới.

Từ khi được trả tự do, ni sư Trí Hải dồn hết cố gắng cho các trẻ em nghèo và mồ côi. Bà đã xây cất nhiều trường học tại các địa phương nghèo, mở các lớp huấn nghiệp cho các thiếu nữ không may và vận động để nhiều trẻ em được

người Việt nước ngoài bảo trợ để được tiếp tục ăn học. Chính trong lúc đi thăm các trường ở miền quê do bà xây dựng mà bà đã tử nạn.

Ni sư Trí Hải ra đi đã để lại một sự kính mến và lòng thương tiếc vô cùng cho mọi người, nhất là những người hân hạnh được biết bà.

---

## MỘT TẶNG SĨ PHẬT GIÁO TẠI MỸ tự thiêu đòi dân chủ và tự do tôn giáo

Hồi 5 giờ ngày 24-12-2003, đại đức Thích Chân Hỷ đã tự thiêu tại chùa Liên Hoa, thành phố Charlotte, bang North Carolina, Hoa Kỳ. Đại đức Chân Hỷ đã để lại một thư tuyệt mạng trong đó ông nói tự hiến thân mình để đất nước có dân chủ, tự do tôn giáo và toàn vẹn lãnh thổ. Qua thư này có thể thấy đại đức Chân Hỷ đã buồn phiền vì những hành động đàn áp những người dân chủ, ức hiếp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và nhường đất và biển cho Trung Quốc của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam.

Đại đức Chân Hỷ tên thật là Lê Vệ, sinh năm 1929 tại tỉnh Thừa Thiên, cựu thượng sĩ pháo binh quân lực Việt Nam Cộng Hòa, xuất gia đi tu từ 10 năm nay theo hòa thượng Thích Tâm Châu, thượng thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới. Trong thư ông cũng tạ lỗi với sư phụ (hòa thượng Thích Tâm Châu) về hành động hy sinh này. Điều này chứng tỏ ông quyết định một cách hoàn toàn cá nhân và đã giữ kín ý định này.

Sự hy sinh của đại đức Thích Chân Hỷ vì vậy hoàn toàn do lương tâm và lòng yêu nước và càng đáng được nghiêng mình ngưỡng phục.

---

## TÂY NGUYÊN Rừng thiêng điêu tàn

Một vụ phá rừng qui mô lớn trong Vườn quốc gia Kon Kakhin (Gia Lai) và Lâm trường Măng Non (Kon Tum) vừa được phát giác : hơn 2.400 m<sup>3</sup> gỗ các loại bị tịch thu, 25 người đã bị bắt, 3 người bỏ trốn và đang bị truy nã. Trong số những nghi can này, gần phân nửa là giám đốc các lâm trường và công ty khai thác gỗ, số còn lại là những trạm trưởng trạm kiểm lâm và cán bộ bảo vệ rừng.

Theo công an phương cho biết, những người này đã móc ngoặc và mua chuộc các cấp chính quyền địa phương từ tháng 2-2002 để tăng thêm khối lượng gỗ được quyền khai thác theo hợp đồng, có khi tăng đến 50%. Mỗi ngày có trên 40 xe tải lớn chở gỗ ra khỏi vườn Kon Kakhin và lâm trường Măng Non.

Cho đến nay sự thiệt hại chưa được tổng kết hết, nhưng rừng thiêng Tây Nguyên đang bị điêu tàn vì nạn phá rừng. Nhiều cây cổ thụ và cây quý đã bị hủy diệt không thương tiếc. Thú hiếm trong rừng già cũng bị diệt chủng.

Nhiều loại thú quý hiếm (rùa vàng) trong Vườn quốc gia Cúc Phương, Ninh Bình, cũng bị đánh cắp để nhậu rượu hay xuất khẩu sang Trung Quốc.

## Một mình một chiếu

### Sự nghiệp

Hắn dẫn cháu ngoại tới thăm tôi. Con gái hắn vừa ly dị chồng và công tác tại New York, chồng cũ đang làm tham vấn cho một công ty dầu khí tại Trung Đông. Hắn nói :

- Chúng nó là một thứ giai cấp vô gia cư mới. Hai đứa đều tốt nghiệp những trường danh tiếng, giữ những chức vụ quan trọng trong những công ty lớn, rồi cứ liên miên công tác nay đây mai đó, vợ chồng cả năm chỉ gặp nhau vài lần, cuộc hôn nhân trở thành vô nghĩa rồi tan vỡ chứ chẳng có gì xích mích cả. Tao thấy chúng nó khổ. Cả hai đứa đều đầu tắt mặt tối không nuôi nổi con bé này, phải nhờ ông bà ngoại nuôi hộ. Phải chi chỉ một trong hai đứa thành công thôi thì đâu đến nỗi... Lúc tụi nó lấy nhau ai chẳng nói là đẹp đôi.

Tôi nói :

- Chỉ có mày là được lợi trong cuộc tình này. Vợ chồng mày được cháu ngoại để nuôi, vui của vui nhà. Bố mẹ nó bắt buộc phải đến thăm con. Như thế mày vẫn còn được gặp cả con gái, con rể, lại được thêm cháu ngoại. Hạnh phúc toàn diện !

Hắn đồng ý rằng vợ chồng hắn vui hẳn lên từ mấy tháng nay khi con bé về ở với ông bà ngoại. Hai vợ chồng hắn tìm đọc lại những cuốn sách giáo dục nhi đồng, dẫn cháu đi công viên. Vợ hắn xin về hưu non để ở nhà dạy cháu. Gia đình náo động hẳn lên. Con bé sáng dạ.

Rồi như chợt nhận ra một điều gì, hắn nói như muốn cải chính một hiểu lầm :

- Không, nó sẽ không như mẹ nó. No business, no international career ! No, thanks ! Con bé này sẽ phải sống một cuộc đời bình thường, hạnh phúc, thực sự có ích cho xã hội, tao sẽ định hướng nó như thế. Tao suy nghĩ nhiều lắm mấy tháng nay và nhận ra là thế giới đã thay đổi nhiều lắm rồi. Thang giá trị của các nghề nghiệp hầu như bị đảo lộn so với thế hệ tụi mình. Có những nghề ngày trước mình cho là dễ bây giờ lại rất khó, và ngược lại. Vì vậy phải xét lại toàn bộ cách định hướng tương lai cho con cái. Nếu may mắn có được một đứa trẻ thông minh, khỏe mạnh, hoạt bát và nhạy cảm thì nên hướng nó vào những nghề khó khăn như y tá, giáo viên, lính chữa lửa, phái viên các tổ chức từ thiện, v.v. Còn nếu nó chỉ tầm thường thôi thì hướng nó vào những nghề dễ như dược sĩ, nha sĩ, bác sĩ, kỹ sư, luật sư, giáo sư đại học, v.v.

- Thế con bé này mày dự định cho nó làm nghề gì sau này ?

- Quân đội ! Tao đã suy nghĩ kỹ lắm, quân đội hợp với nó nhất. Nó gầy ốm, nhút nhát, biếng ăn, không chịu uống sữa, sau này chắc sẽ không cao lớn, khỏe mạnh. Ngược lại nó thích các trò chơi điện tử, thích

### Mục lục

1. 2004, một năm quan trọng *Nguyễn Văn Huy*
2. Nguyễn Vũ Bình, anh hùng của đất nước... *Thông Luận*
3. Tuổi trẻ và những anh hùng hôm nay *Nguyễn Văn Hiệp*
4. Để tương lai Việt Nam là của Việt Nam ! *Trương Minh Dũng*
5. Kiểm điểm đầu năm *Nguyễn Gia Kiểng*
7. Trần Dũng Tiến kháng án  
Thơ : Tình hoài hương *Sông Lô*
8. Con đường thoát hiểm... *Bùi Tín*
10. Cộng đồng người Việt tại Nga (2) *Uông Toàn Phong*
13. Những ngộ nhận về tinh thần đa nguyên *Nguyễn Gia Thường*
16. Tại sao tai biết những điều ta biết... *Phan Tùng Chính*
21. Đồng Khánh Địa dư chí *Lê Văn Hào*
24. Giải Nobel vật lý 2003 *Nguyễn Tiến Ích*
26. Năm Khỉ nói chuyện Người (và Ngựa) *K' Tiên*
27. Chuyện con cú ! *Nghiêm Văn Thạch*
28. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Sự nghiệp *Dây*

bấm nút. Rất hợp với quân đội trong thời đại này. Quân đội rất hợp với con gái. Công việc ít và không nặng nhọc, di chuyển tương đối ít, có nhiều thì giờ cho gia đình, con cái, lại không sợ bị mất job, còn được về hưu sớm.

Hắn liệt kê một loạt những ưu điểm của binh nghiệp, rồi dừng lại với vẻ thâm trầm như muốn lôi kéo hết sự chú ý của tôi vào lý do quyết định nhất :

- Còn một ưu điểm nữa là phụ cấp rủi ro. Thực ra phải gọi là "phụ cấp không rủi ro" mới đúng vì quân đội là nghề an toàn nhất trong tất cả mọi nghề nghiệp hiện nay. Lính được coi như một chủng loại phải được đặc biệt bảo vệ. Mà thấy không, trong nước Mỹ này hàng tuần có cả ngàn người chết vì tai nạn xe cộ, vì cháy nhà, động đất, trộm cướp ; tại Pháp chỉ trong vòng hai tuần lễ mười lăm ngàn ông bà già chết như gà mắc dịch vì nóng mà có ai để ý đâu, nhưng chỉ cần vài thằng lính chết ở Iraq là dư luận thế giới xôn xao và chính phủ Mỹ chơi với ngay. Trong xã hội này ai cũng có thể chết, trừ lính. Quân đội là nghề an toàn nhất. Vợ chồng tao hiếm hoi, chỉ có một con gái, con bé này chắc là mụn cháu ngoại duy nhất của chúng tao. Tao phải giữ thật kỹ. Cháu tao sẽ đi lính.

*Dây*